

Số: /BC - UBND

Bảo Thắng, ngày tháng 11 năm 2020

DỰ THẢO

BÁO CÁO

**Kết quả xây dựng nông thôn mới đến năm 2020
huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai**

Thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng Khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (NTM) giai đoạn 2010-2020; Quyết định số 558/QĐ -TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Tiêu chí huyện nông thôn mới và quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 3563/QĐ-UBND ngày 01/11/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án "Xây dựng huyện Bảo Thắng đạt chuẩn nông thôn mới".

Qua 10 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân các dân tộc huyện Bảo Thắng đã nỗ lực không ngừng, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện và hoàn thiện các tiêu chí xã, huyện nông thôn mới. UBND huyện Bảo Thắng báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM đến năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ xây dựng NTM đến năm 2025, như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Huyện Bảo Thắng có diện tích tự nhiên 65.032,64 ha, dân số 107.317 người, có 14 đơn vị hành chính (11 xã và 03 thị trấn). Thị trấn Phố Lu là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội của huyện, cách thành phố Lào Cai 35km.

1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội

1.1. Điều kiện tự nhiên

Bảo Thắng là huyện miền núi của tỉnh Lào Cai, có vị trí địa lý: Phía Bắc giáp huyện Mường Khương và Thành phố Lào Cai, phía Nam giáp huyện Văn Bàn, phía Đông và Đông Nam giáp huyện Bắc Hà, Bảo Yên, phía Tây Nam giáp Thị xã Sa Pa. Nằm ở vị trí cửa ngõ của Tổ Quốc, Bảo Thắng đóng vai trò quan trọng trong quá trình xây dựng và bảo vệ vùng biên cương của đất nước và là một trong những trung tâm kinh tế của tỉnh Lào Cai. Cùng với hệ thống cơ sở hạ tầng phát triển, đặc biệt là hệ thống giao thông, đường bộ có các tuyến quốc lộ 70, 4E, cao tốc Nội Bài - Lào Cai chạy qua, có tuyến đường sắt liên vận quốc tế Hà Nội - Lào Cai - Côn Minh (Trung Quốc) chạy qua địa phận Bảo Thắng. Đây là một thuận lợi lớn, góp phần thúc đẩy giao lưu và phát triển kinh tế, khai thác các thế mạnh của huyện.

- Tổng diện tích tự nhiên toàn huyện 65.032,64 ha, trong đó: Đất nông nghiệp 58.824,17 ha ha, chiếm 90,45% diện tích tự nhiên; đất phi nông nghiệp

5.287,08 ha, chiếm 8,13% diện tích tự nhiên; đất chưa sử dụng: 921,39 ha, chiếm 1,42 % diện tích tự nhiên. Huyện Bảo Thắng có hệ thống sông, suối, ao, hồ khá phong phú; có sông Hồng chảy qua, hàng năm hai bên bờ sông Hồng thuộc địa bàn huyện được bồi đắp một lượng phù sa nhiều dinh dưỡng, thích hợp với nhiều loại cây trồng; ngoài nguồn nước chính ở sông Hồng, còn có một hệ thống hồ, khe, suối là nguồn nước tự nhiên khá phong phú và tạo quang cảnh đẹp cho huyện. Lượng mưa bình quân hàng năm từ 1400 - 1500 mm/ năm. Bình quân số ngày mưa trong năm từ 90-110 ngày/năm. Toàn huyện có 38.000,5 ha đất lâm nghiệp, chiếm 58,29% tổng diện tích đất tự nhiên của huyện, trong đó: Diện tích rừng sản xuất 27.669,02 ha chủ yếu là quế, tre trâu, keo, bồ đề, mỡ; diện tích rừng phòng hộ 10.331,48 ha. Trên địa bàn huyện có các khoáng sản có giá trị kinh tế như: quặng apatit, quặng zircon, Fenspat, sắt, cát, sỏi, đá, cao lanh, đất sét, đất hiếm...

1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện ủy, HĐND, UBND huyện, sự cố gắng nỗ lực của nhân dân trong toàn huyện, kinh tế - xã hội huyện Bảo Thắng đã có nhiều bước phát triển. Với vị trí địa lý giáp thành phố Lào Cai, hệ thống đường giao thông được kết nối hoàn chỉnh với hệ thống đường tỉnh, đường Quốc lộ, đường Cao tốc, đường sắt; Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Bảo Thắng có chiều dày lịch sử truyền thống cách mạng, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày càng được nâng cao, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội luôn ổn định và giữ vững.

Thu nhập bình quân đầu người chung toàn huyện năm 2020 đạt 49,05 triệu đồng/người, tăng 34,5 triệu đồng/người so với năm 2011.

Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn toàn huyện năm 2020 đạt 42,19 triệu đồng/người, tăng 30,9 triệu đồng/người so với năm 2011, ở khu vực nông thôn.

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực; giá trị sản xuất của các ngành kinh tế và thu ngân sách trên địa bàn huyện tăng nhanh và bền vững, cụ thể:

+ Năm 2011: Tỷ trọng ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 37,69%; tỷ trọng ngành công nghiệp – xây dựng chiếm 29,55%; tỷ trọng ngành dịch vụ chiếm 32,76%. Giá trị sản xuất nông nghiệp (theo giá cố định 2010) đạt 535,65 tỷ đồng; sản xuất công nghiệp đạt 420,05 tỷ đồng; thương mại – dịch vụ đạt 465,64 tỷ đồng; Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện đạt 77,13 tỷ đồng.

+ Năm 2020: Tỷ trọng ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 20,82%, giảm 16,87% so với năm 2011; tỷ trọng ngành công nghiệp – xây dựng chiếm 37,50%, tăng 7,95% so với năm 2011; tỷ trọng ngành dịch vụ chiếm 41,68%, tăng 8,92% so với năm 2011. Giá trị sản xuất nông nghiệp (theo giá cố định năm 2010) đạt 1.338,4 tỷ đồng, tăng 802,75 tỷ đồng so với năm 2011; sản xuất công nghiệp đạt 2.168 tỷ đồng, tăng 1.747,95 tỷ đồng so với năm 2011; thương mại – dịch vụ đạt 2.410 tỷ đồng, tăng 1.944,35 tỷ đồng so với năm 2011; Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện đạt 323,7 tỷ đồng, tăng 246,6 tỷ đồng so với năm 2011.

+ Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2011-2020 là 12,72%.

Huyện Bảo Thắng có tiềm năng và lợi thế về phát triển sản xuất nông lâm nghiệp, hiện nay đã định hình vững chắc được các vùng sản xuất tập trung quy mô lớn theo hướng sản xuất hàng hóa với các sản phẩm chủ lực tạo ra sản phẩm với khối lượng lớn, chất lượng hiệu quả và có sức cạnh tranh cao trên thị trường như: sản phẩm từ gia súc, gia cầm (thịt, trứng), cá thịt, sản phẩm từ quế (tinh dầu, vỏ quế), lương thực có hạt, chè chất lượng cao, bưởi, na, chanh, rau các loại. Các vùng sản xuất hàng hóa chủ lực đem lại nguồn thu nhập chính của nhân dân trên địa bàn huyện gồm: vùng cây ăn quả 2.600 ha, vùng chè 858,5 ha, vùng Quế 6.000 ha, vùng gỗ nguyên liệu trên 26.000 ha; phát triển chăn nuôi gia súc gia cầm theo quy mô tập trung đảm bảo an toàn dịch bệnh và vệ sinh môi trường, sản lượng thịt hàng năm trên 30.000 tấn; các sản phẩm nông nghiệp chủ lực gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm thông qua doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia đầu tư vào các hoạt động nuôi trồng, chế biến nông, lâm, thủy sản tạo thành các chuỗi liên kết trong sản xuất nông lâm nghiệp. Giá trị sản xuất ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản chung toàn huyện năm 2020 theo giá cố định đạt 1.338,4 tỷ đồng, giá trị sản xuất ở khu vực nông thôn 11 xã là 1.338,4 tỷ đồng.

Trong những năm gần đây trên địa bàn huyện Nhân dân đã chuyển dịch từ sản xuất nông nghiệp thuần túy sang phát triển ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp khá nhanh, như khung nhôm, cửa kính, đóng đồ mộc, giường tủ bàn ghế, chế biến lâm sản, gỗ bóc, sản xuất gạch, khai thác cát sỏi, khai thác đá ... Huyện ủy, HĐND, UBND huyện đã quan tâm chỉ đạo sát sao và có những chính sách khuyến khích rất cụ thể để tạo cho ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp có điều kiện phát triển, xây dựng các đề án như khu Công Nghiệp Tăng Loong; Quy mô rộng lên 1.100 ha và đã có 625 công ty, doanh nghiệp, hộ cá thể hoạt động trong lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp, ngành tiểu thủ Công nghiệp đầu tư và đã đi vào hoạt động SXKD rất hiệu quả tạo việc làm cho trên 3.500 lao động.

Năm 2020, giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp địa phương trên địa bàn đạt 927 tỷ đồng chiếm 7,38% cơ cấu nội ngành Công nghiệp, Số lượng sản phẩm sản xuất ra so với cùng kỳ hàng năm cũng tăng lên khá cao ở các ngành Công nghiệp khai thác và công nghiệp chế biến, do đó giá trị sản xuất của ngành Công nghiệp tăng lên, cụ thể như sau: Sản lượng chè búp tươi 4.500 tấn, phát triển vùng quế và nguyên liệu từ cây quế: Trên địa bàn huyện có 4.530 ha quế và 03 Nhà máy thu mua, chế biến tinh dầu quế với công suất 10.000 tấn/năm (Công ty cổ phần Techvina, Công ty TNHH An Nghiệp, Công ty TNHH tinh dầu Việt Nam) và rất nhiều cơ sở thu mua vỏ quế. Trên địa bàn huyện có trên 246 cơ sở sản xuất, chế biến thực phẩm chủ yếu tại quy mô hộ gia đình tại trung tâm các xã, thị trấn với sản phẩm chủ yếu là: Giò, chả, bún, bánh phở, xay xát, rượu thủ công và sản xuất một số sản phẩm phục vụ nhu cầu hàng ngày của nhân dân trong huyện cũng như các huyện lân cận, có 10 cơ sở chế biến ngô, sản phẩm phục vụ cho việc sản xuất thức ăn gia súc; có 125 cơ sở sản xuất,

chế biến lâm sản, sản phẩm chủ yếu là: Gỗ bóc, giường tủ, bàn ghế các loại; sản phẩm gỗ ép, thủ công mỹ nghệ, đồ mộc gia dụng... Sử dụng gỗ rừng trồng, công suất khoảng 12.000m³ gỗ/năm. Trên địa bàn có trên 80 cơ sở rèn đúc, sửa chữa, gia công cơ khí. Đây là ngành nghề phục vụ sinh hoạt và sản xuất của nhân dân, các sản phẩm rèn đúc, gia công, sửa chữa cơ khí ngày càng phát triển. Đặc biệt là sản xuất, các trang thiết bị máy móc phục vụ cơ giới hóa nông nghiệp như thiết bị làm đất, thu hoạch, bảo quản; sản xuất gia công tôn lạnh; sửa chữa máy súc, ô tô, xe máy ...

- Thương mại, dịch vụ trên địa bàn huyện được mở rộng và phát triển. Cơ sở hạ tầng thương mại, dịch vụ được đầu tư, hoạt động mua, bán, lưu thông hàng hóa ngày càng sôi động tại các chợ với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế; kinh doanh thương mại theo hướng hiện đại bắt đầu phát triển, đặc biệt hình thành mạng lưới các cửa hàng bán lẻ với nhiều loại mặt hàng có quy mô ngày càng lớn; các loại hình dịch vụ vận tải, viễn thông, ăn uống, tín dụng, phát triển rộng khắp; một số điểm có tiềm năng về phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí đã được một số nhà đầu tư quan tâm tìm hiểu, khảo sát và lập dự án đầu tư. Công tác xúc tiến thương mại giới thiệu, quảng bá tiềm năng kinh tế, sản phẩm chủ lực của huyện Bảo Thắng tạo cơ hội tốt để các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, như: chè, gỗ ván ép, ván ghép thanh. Dịch vụ du lịch gắn với bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, di sản tại các xã: Phú Nhuận, Gia Phú, Thái Niên, Phong Niên.

- Các chế độ, chính sách về an sinh xã hội được thực hiện đồng bộ. Tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện năm 2020 giảm còn 2,03%. Chất lượng giáo dục, đào tạo được duy trì nâng cao: hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, THCS đạt mức độ 2, xoá mù chữ đạt mức độ 2. Hệ thống khám chữa bệnh từ huyện đến cơ sở được củng cố và tăng cường cả về vật chất và đội ngũ cán bộ y tế; đầu tư xây dựng, nâng cấp Trung tâm Y tế huyện đáp ứng yêu cầu khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho người dân.

- Thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư” cùng với các phong trào xây dựng “thôn nông thôn mới, thôn kiểu mẫu”, “gia đình văn hoá”, “đơn vị cơ quan văn hoá” được phát động, triển khai sâu rộng và được các tầng lớp nhân dân tích cực hưởng ứng, khơi dậy trong các tầng lớp nhân dân tinh thần đoàn kết giúp nhau phát triển kinh tế, giảm nghèo, chung sức xây dựng nông thôn mới.

- Các cấp, các ngành, đoàn thể từ huyện đến cơ sở tập trung tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia giữ gìn, đảm bảo vệ sinh môi trường, tạo cảnh quan sáng - xanh - sạch - đẹp. Hoạt động thu gom rác thải, làm vệ sinh môi trường nông thôn với sự tham gia của cộng đồng ở tất cả các đơn vị được tổ chức tốt. Nước sạch nông thôn đã được triển khai, dân cư nông thôn được sử dụng nước sạch.

- An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo. Hệ thống chính trị ở cơ sở được tăng cường. Dân chủ ở cơ sở ngày càng được phát huy. Phong trào xây dựng nông thôn mới được đẩy mạnh, đạt được nhiều thành tựu quan trọng:

Năm 2014 có 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới; năm 2015 có 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới; năm 2016 có 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới; năm 2017 có 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới; năm 2018 có 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới; năm 2019 có 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới; năm 2020 có 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới. Đến nay toàn huyện có 11 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, đạt 100%.

2. Những thuận lợi, khó khăn

2.1. Thuận lợi

Được sự quan tâm sát sao của Tỉnh ủy, HĐND; UBND tỉnh, sự giúp đỡ của các Sở, ban, ngành của tỉnh; sự chỉ đạo tích cực của Huyện ủy, UBND huyện, sự phối hợp chặt chẽ của MTTQ, các đoàn thể từ huyện đến cơ sở cùng với sự cố gắng nỗ lực của các ngành chuyên môn của huyện; sự vào cuộc tích cực của các xã, đặc biệt là có sự vào cuộc, đồng thuận cao của Nhân dân các dân tộc trên địa bàn huyện do vậy chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện, giai đoạn 2010 - 2020 đã thu được kết quả nhất định, khu vực nông thôn của huyện trong những năm qua đã có sự chuyển biến mạnh mẽ: Các phong trào thi đua trong xây dựng nông thôn mới được triển khai thực hiện sâu rộng, với các giải pháp thực hiện đồng bộ; Trong sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản đã có bước chuyển dịch đúng hướng, đưa một số cây trồng, vật nuôi có hiệu quả kinh tế cao vào sản xuất; Hạ tầng kỹ thuật được quan tâm đầu tư mạnh mẽ nhất là giao thông nông thôn, cơ sở trường lớp học, trạm y tế, thủy lợi, điện, mạng lưới thông tin truyền thông... từng bước làm thay đổi bộ mặt nông thôn, tạo cơ sở để nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. Công tác văn hoá - xã hội tiếp tục được quan tâm, chất lượng giáo dục đào tạo ngày một nâng lên.

Hệ thống tổ chức bộ máy làm công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tham mưu từ huyện đến cơ sở đã được thành lập và thường xuyên củng cố kiện toàn đảm bảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ thực hiện chương trình nông thôn mới (NTM) cho từng thời điểm cụ thể.

- Các cấp uỷ Đảng, chính quyền, các ngành, đoàn thể từ huyện đến cơ sở đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất, quyết liệt, đồng bộ, sáng tạo, có trọng tâm, trọng điểm các giải pháp xây dựng nông thôn mới. Bằng những quyết sách đúng đắn, cách làm phù hợp với thực tiễn của địa phương đã tập trung phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở, đặc biệt là phát huy vai trò của chi bộ thôn; vai trò của người đứng đầu các tổ chức, cơ quan, đơn vị; vai trò chủ thể của người dân nông thôn và sức mạnh của cộng đồng; sự hưởng ứng, đồng thuận, đoàn kết chung sức, chung lòng, tích cực tham gia thực hiện chương trình xây dựng NTM của cán bộ, đảng viên và nhân dân trên địa bàn huyện; công tác tuyên truyền được tổ chức triển khai sâu rộng trong nhân dân, tạo được sự đồng thuận thống nhất cao của toàn thể cộng đồng dân cư nông thôn, phát huy được vai trò chủ thể của người dân nông thôn, tích cực tham gia thực hiện xây dựng NTM như: Hiến công, hiến đất, cây cối hoa màu, kinh phí xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội ở xã, thôn, bản và tích cực phát triển sản

xuất nâng cao thu nhập cho gia đình góp phần thành công chương trình xây dựng NTM trên địa bàn huyện.

- Huyện có hệ thống giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy, kết cấu hạ tầng tương đối hoàn chỉnh là cơ sở, động lực tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao lưu, liên kết kinh tế - xã hội với các huyện trong và ngoài tỉnh.

- Nằm ở vị trí trung tâm của tỉnh, đất đai phì nhiêu, khí hậu thuận lợi và nguồn lao động dồi dào có điều kiện để phát triển nông nghiệp sản xuất hàng hoá... từng bước xây dựng và tạo được sản phẩm chủ lực của huyện như: lợn thịt, lợn giống, gà thịt, trứng gà, các sản phẩm quế, chè chất lượng cao..... là điều kiện để phát triển sản xuất, đẩy mạnh xúc tiến thương mại và thị trường.

- Nhân dân cần cù lao động, sáng tạo; đội ngũ cán bộ có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý kinh tế - xã hội. Hệ thống giáo dục, y tế phát triển tốt và đồng đều. Tỉnh có nhiều chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp và hạ tầng nông thôn, tạo điều kiện xây dựng cơ sở hạ tầng và thúc đẩy phát triển các mô hình kinh tế hiệu quả.

- Công tác Quốc phòng - an ninh trên địa bàn huyện luôn được ổn định. Các cấp uỷ Đảng, chính quyền nắm chắc tình hình, giải quyết tốt những vấn đề về an ninh chính trị, đặc biệt là an ninh tôn giáo, an ninh nội bộ; chủ động phòng ngừa và đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm, không để xảy ra bị động, bất ngờ.

2.2. Khó khăn

- Đối tượng của sản xuất nông nghiệp là cây trồng, vật nuôi luôn chịu tác động rất lớn và phụ thuộc các yếu tố thời tiết khí hậu, dịch bệnh. Đất là tư liệu chủ yếu để sản xuất nông nghiệp, tuy nhiên diện tích còn manh mún, đầu tư vào nông nghiệp thấp, hiệu quả chưa cao.

- Khi thực hiện chương trình xây dựng NTM năm 2011, xuất phát điểm của huyện Bảo Thắng ở mức thấp, mức độ đạt các tiêu chí nông thôn mới của các xã không đồng đều, mặt bằng chung toàn huyện đạt bình quân 4,33 tiêu chí, xã đạt cao nhất 6 tiêu chí, xã đạt thấp nhất 2 tiêu chí, thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đạt 11,2 triệu đồng/người, tỷ lệ hộ nghèo chiếm 31,9%. Hạ tầng kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn, thiếu đồng bộ, nhất là hệ thống đường giao thông nông thôn, trường học, cơ sở vật chất văn hóa, môi trường,... cần nhiều nguồn lực đầu tư lớn. Các nhóm tiêu chí chưa hoàn thành chủ yếu là nhóm tiêu chí về cơ sở hạ tầng; nhóm tiêu chí về kinh tế và tổ chức sản xuất (thu nhập, tỷ lệ hộ nghèo); nhóm tiêu chí về văn hóa, xã hội, môi trường là những tiêu chí khó thực hiện cần có sự đầu tư và sự chủ động tham gia tích cực của người dân. Toàn huyện còn 4 xã đặc biệt khó khăn, 01 xã biên giới, 68 thôn, bản đặc biệt khó khăn, đời sống của nhân dân còn nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo cao, thu nhập của nhân dân còn ở mức thấp; điều kiện kinh tế, văn hóa xã hội, cơ sở hạ tầng, nhận thức còn hạn chế, đó là những khó khăn thách thức chung đối với công tác xây dựng NTM của huyện trong thời gian vừa qua.

- Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cán bộ, đảng viên và Nhân dân có nơi có việc còn hạn chế, Mặc dù đã có 11/11 xã đạt chuẩn nông thôn mới,

song chất lượng các tiêu chí đạt được còn ở mức tối thiểu, tính bền vững chưa cao.

- Kết cấu hạ tầng nông thôn đã được đầu tư nâng cấp, song tính đồng bộ chưa cao.

- Nguồn thu ngân sách của huyện thấp ảnh hưởng đến nguồn vốn đầu tư xây dựng nông thôn mới. Ngành dịch vụ những năm qua có sự phát triển nhưng còn chậm, chưa khai thác được hết các tiềm năng, đặc biệt là du lịch, dịch vụ.

II. CĂN CỨ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN XÂY DỰNG HUYỆN NÔNG THÔN MỚI

1. Văn bản của Trung ương (Chi tiết tại phụ lục số 02 kèm theo)

2. Văn bản của tỉnh Lào Cai (Chi tiết tại phụ lục số 03 kèm theo)

III. KẾT QUẢ CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN XÂY DỰNG HUYỆN NÔNG THÔN MỚI.

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

1.1. Về chủ trương và định hướng

- Xác định việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM trên địa bàn huyện là nhiệm vụ trọng tâm để thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, trong đó mục tiêu cốt lõi là nâng cao chất lượng đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Đây là nhiệm vụ trọng tâm của cả hệ thống chính trị và nhân dân trong toàn huyện; gắn kết quả xây dựng nông thôn mới với trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các địa phương, các ngành, đoàn thể, đồng thời gắn việc thực hiện chương trình xây dựng NTM với việc thực hiện có hiệu quả Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

- Xây dựng NTM phải đảm bảo hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; kinh tế - xã hội phát triển toàn diện, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được đầu tư đồng bộ, bền vững; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn phát triển nông nghiệp với phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ; chú trọng thực hiện các nội dung về phát triển y tế, văn hóa, xã hội, bảo vệ và tạo cảnh quan môi trường nông thôn, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống; đẩy lùi các tệ nạn xã hội, từng bước nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người dân. Giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội ở khu vực nông thôn.

- Thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới đảm bảo xây dựng kế hoạch, lộ trình hợp lý, bước đi vững chắc, phù hợp với điều kiện của huyện Bảo Thắng. Trong quá trình tổ chức thực hiện phải đảm bảo khách quan, dựa vào các chủ trương chính sách của Đảng, đồng thời phát huy nội lực của người dân và điều kiện địa phương. Quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; lựa chọn đầu tư có trọng tâm, trọng điểm mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao nhất.

1.2. Công tác ban hành các văn bản chỉ đạo của huyện Bảo Thắng (Chi tiết tại phụ lục 04 kèm theo)

1.3. Công tác chỉ đạo, điều hành

*** Công tác chỉ đạo, điều hành cấp huyện**

- Trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh về thực hiện

chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM, huyện Bảo Thắng đã cụ thể hóa, ban hành các văn bản đề chỉ đạo và tổ chức thực hiện. Huyện ủy đã xây dựng Chương trình hành động; đồng thời, ban hành các Nghị quyết về đẩy mạnh việc thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng NTM đến năm 2020; Ban hành Kế hoạch về việc tập trung lãnh đạo hoàn thành mục tiêu xây dựng huyện Bảo Thắng đạt chuẩn NTM năm 2020. Chương trình hành động và các Nghị quyết của Huyện ủy đã xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm trong xây dựng NTM, phân công cụ thể cho các cấp ủy, ban ngành đoàn thể tổ chức triển khai thực hiện, nhằm nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, các tổ chức trong hệ thống chính trị của huyện về quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng NTM trên địa bàn huyện; đồng thời đề ra nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm trong từng giai đoạn; tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, phát huy vai trò của MTTQ và các tổ chức đoàn thể trong xây dựng huyện NTM. Trong quá trình tổ chức thực hiện chương trình tập trung chỉ đạo, đảm bảo sự lãnh đạo toàn diện và có sự tham gia vào cuộc của cả hệ thống chính trị.

- UBND huyện đã bám sát các văn bản hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh, các Nghị quyết, Chương trình hành động của Huyện ủy về thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020, đã cụ thể hóa bằng các văn bản đề chỉ đạo và triển khai thực hiện: Đã xây dựng Đề án xây dựng nông thôn mới cấp huyện; hàng năm xây dựng kế hoạch chi tiết, hướng dẫn để lãnh đạo chỉ đạo các xã, các ngành tổ chức thực hiện. Thành lập Ban chỉ đạo chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM cấp huyện và thường xuyên kiện toàn Ban Chỉ đạo khi có sự thay đổi về nhân sự đảm bảo công tác lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, liên tục; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên phụ trách, hướng dẫn các xã thực hiện các nhóm tiêu chí NTM; thành lập Văn Phòng điều phối chương trình xây dựng NTM cấp huyện để tham mưu triển khai kịp thời các văn bản chỉ đạo của cấp trên về công tác xây dựng NTM trên địa bàn huyện, báo cáo kịp thời tiến độ, kết quả xây dựng NTM; thường xuyên sơ kết tổng kết, đánh giá các mô hình điểm, nhân rộng các điển hình, những kinh nghiệm hay và cách làm sáng tạo trong xây dựng NTM; chỉ đạo các ngành thành viên Ban chỉ đạo, các đoàn thể xây dựng kế hoạch chi tiết triển khai thực hiện Chương trình xây dựng NTM.

- Trong quá trình tổ chức thực hiện chương trình xây dựng NTM tập trung chỉ đạo, đảm bảo sự lãnh đạo toàn diện và có sự tham gia vào cuộc của cả hệ thống chính trị; xác định rõ lộ trình thực hiện xây dựng NTM, chỉ đạo các xã thực hiện chương trình có trọng tâm, trọng điểm, huy động và lồng ghép các nguồn vốn đồng thời phát huy nội lực của người dân và điều kiện địa phương để đầu tư hạ tầng kỹ thuật, phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM làm chuyển biến rõ nét về nhận thức, vai trò, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và người dân, tạo sự đồng thuận cao trong xây dựng NTM. Trọng tâm triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số

1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ, về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

- Với xuất phát điểm thấp, địa bàn rộng, trình độ phát triển ở các xã không đồng đều, đặc biệt trên địa bàn huyện còn xã đặc biệt khó khăn và một số thôn có 100% đồng bào Mông sinh sống, thu nhập của người dân ở mức thấp, đời sống của nhân dân còn nhiều khó khăn. Vì vậy, trong chỉ đạo điều hành thực hiện chương trình xây dựng NTM huyện đã lựa chọn và tập trung vào một số giải pháp phù hợp với tình hình thực tế của huyện cụ thể như sau:

+ Tổ chức rà soát, đánh giá kết quả thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới đối với từng xã đến hết năm, chỉ đạo xây dựng kế hoạch thực hiện năm tiếp theo và cả giai đoạn, đăng ký tiêu chí phấn đấu hoàn thành trong năm, xây dựng kế hoạch thực hiện tiêu chí người dân phải (xóa nhà tạm, xây dựng chuồng trại, làm nhà tiêu hợp vệ sinh...). Trên cơ sở đó, UBND huyện ban hành quyết định giao chỉ tiêu cho các xã thực hiện hoàn thành các tiêu chí và hoàn thành các tiêu chí người dân phải làm trong năm.

+ Thành lập các Tổ công tác đặc biệt, do các đ/c Ủy viên Ban thường vụ Huyện làm tổ trưởng và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị huyện tham gia thành viên để tuyên truyền, vận động Nhân dân các thôn thuộc các xã xây dựng nông thôn mới, đặc biệt là tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện tốt phần việc người dân phải làm (xóa nhà tạm, xây dựng chuồng trại, nhà tiêu hợp vệ sinh và phát triển kinh tế...).

+ Đối với xây dựng cơ sở hạ tầng: Tập trung huy động tối đa các nguồn lực và thực hiện lồng ghép các nguồn vốn của các Chương trình mục tiêu quốc gia, các Chương trình, dự án hỗ trợ có mục tiêu trên địa bàn và các nguồn vốn khác để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông nghiệp và nông thôn. Đầu tư cơ sở hạ tầng nông thôn phải gắn với hiệu quả quản lý, khai thác sử dụng. Các công trình kinh tế kỹ thuật đã và đang đầu tư tại địa bàn nông thôn giao cho cộng đồng dân cư có chung quyền lợi để quản lý, khai thác; xã hội hoá công tác quản lý, vận hành, khai thác sử dụng, đồng thời duy trì được chế độ duy tu bảo dưỡng để đảm bảo hiệu quả sử dụng lâu dài, không bị xuống cấp. Chủ động triển khai các dự án thành phần kịp tiến độ, phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế, nâng cao đời sống của cộng đồng dân cư; tích cực huy động nguồn lực trong nhân dân và nguồn lực xã hội khác để xây dựng các công trình; lồng ghép các nguồn vốn từ các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án hỗ trợ có mục tiêu khác; nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư để thực hiện hoàn thành các tiêu chí nông thôn mới về hạ tầng kinh tế- xã hội. Hỗ trợ kinh phí từ ngân sách huyện hoặc các nguồn đóng góp hỗ trợ mở rộng đường GTNT từ 4,8m lên 6m; Hỗ trợ xóa nhà tạm với định mức hỗ trợ 5 triệu đồng/nhà 1 tạm; 10 triệu đồng/nhà 2 tạm; 20 triệu đồng/nhà 3 tạm cho các hộ nghèo, cận nghèo...

+ Về phát triển sản xuất: Tập trung chỉ đạo và thực hiện có hiệu quả Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới tỉnh Lào Cai giai đoạn 2016-2020; thực hiện lồng ghép các chương trình, dự án đang triển khai trên địa bàn để hỗ trợ xây dựng mô hình phát triển sản xuất chuyển đổi cơ cấu cây

trồng, vật nuôi phù hợp nhằm tăng hiệu quả kinh tế và nâng cao thu nhập cho người dân; khuyến khích hình thành, nhân rộng các mô hình liên kết kinh tế, hợp tác xã nông nghiệp, phát triển các vùng chuyên canh, sản xuất hàng hóa gắn với ứng dụng khoa học công nghệ, kỹ thuật cao vào sản xuất hình thành chuỗi giá trị phù hợp; mỗi xã phải xác định được những sản phẩm, ngành nghề chủ lực, thế mạnh của địa phương mình, từ đó có giải pháp và lộ trình cụ thể để tập trung chỉ đạo thực hiện xây dựng các mô hình phát triển sản xuất có hiệu quả theo chuỗi giá trị gắn với hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, góp phần tạo sự chuyển biến trong tư duy và cách thức tổ chức sản xuất mang lại hiệu quả cao cho người dân khu vực nông thôn. Hỗ trợ các mô hình phát triển sản xuất theo hướng hỗ trợ trực tiếp cho các tổ chức sản xuất cụ thể (Hợp tác xã, tổ hợp tác) hoặc các hộ gia đình có mô hình sản xuất có hiệu quả mở rộng quy mô xây dựng thành các mô hình kiểu mẫu về phát triển sản xuất trong xây dựng nông thôn mới.

+ Về huy động vốn đầu tư: Thực hiện lồng ghép các nguồn vốn của các Chương trình mục tiêu quốc gia; các chương trình, dự án hỗ trợ có mục tiêu trên địa bàn, huy động tối đa nguồn lực của địa phương (*huyện, xã*) để tổ chức triển khai Chương trình. Huy động vốn đóng góp, ủng hộ của các tổ chức, doanh nghiệp, các thành phần kinh tế cộng đồng dân cư và người dân tham gia xây dựng nông thôn mới trên tinh thần tự nguyện, bàn bạc dân chủ; không thực hiện huy động quá sức dân. Hỗ trợ thủ tục để người dân tiếp cận với các nguồn vốn tín dụng; tăng các ưu đãi tín dụng; hỗ trợ các nội dung sau vay đảm bảo các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp sử dụng có hiệu quả nguồn vốn tín dụng. Hỗ trợ đầu tư nguồn lực từ các nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia và các đề án để đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng theo kế hoạch trong giai đoạn; hỗ trợ phát triển sản xuất, ưu tiên hỗ trợ mô hình sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị đối với các sản phẩm chủ lực của huyện; hỗ trợ, tạo điều kiện trong công tác xúc tiến, thu hút đầu tư, mời gọi các doanh nghiệp đầu tư đối với các lĩnh vực có thế mạnh của huyện Bảo Thắng, nhất là các doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm trong sản xuất nông, lâm nghiệp, chăn nuôi thủy sản.

+ Ưu tiên và quan tâm đặc biệt trong chỉ đạo tổ chức thực hiện, các chính sách hỗ trợ cho phát triển kinh tế, văn hóa xã hội, xây dựng cơ sở hạ tầng cho các xã đặc biệt khó khăn, các hộ nghèo, cận nghèo. Kêu gọi các tổ chức kinh tế - xã hội, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, lực lượng vũ trang cùng toàn thể cán bộ, công nhân, viên chức, lao động trên địa bàn huyện chung tay, góp sức ủng hộ bằng tiền mặt, ngày công, vật chất; huy động lực lượng bộ đội, dân quân tự vệ tham gia hỗ trợ cùng Nhân dân làm đường giao thông nông thôn, sửa chữa, chỉnh trang nhà ở; các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội huyện tổ chức các đợt tuyên truyền; giao nhiệm vụ cho cơ quan, đơn vị giúp đỡ các thôn hoàn thành xây dựng thôn NTM.

*** Công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện cấp xã và ở thôn**

- Đối với cấp xã: Đảng ủy, HĐND, UBND các xã đã ban hành Nghị quyết, kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện Chương trình; thành lập và thường xuyên kiện toàn Ban chỉ đạo, Ban quản lý xây dựng NTM, Ban phát triển thôn, bản,

Ban giám sát đầu tư xây dựng cộng đồng khi có sự thay đổi về nhân sự. Tổ chức các hội nghị quán triệt các văn bản chỉ đạo của trung ương, tỉnh, của huyện; tích cực tuyên truyền các nội dung của Chương trình xây dựng NTM. Phát động phong trào thi đua xây dựng NTM giữa các thôn, bản; huy động các nguồn lực để xây dựng NTM. Tuyên truyền vận động nhân dân hiến đất, giải phóng mặt bằng, góp công sức, kinh phí cải tạo nâng cấp đường giao thông, nhà văn hóa thôn, xây dựng thôn bản sáng, xanh, sạch đẹp, văn minh, phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo.

- *Đối với thôn:* Thành lập Ban phát triển thôn, Ban giám sát thôn để chỉ đạo và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ xây dựng NTM ở thôn, bản. Tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia tích cực vào phong trào xây dựng NTM tại địa phương.

1.4 Công tác kiểm tra, giám sát, hướng dẫn thực hiện

- Ban chỉ đạo xây dựng NTM huyện đã tổ chức nhiều đợt kiểm tra đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình xây dựng NTM và các Nghị quyết chuyên đề; tăng cường kiểm tra, giám sát việc lãnh đạo chỉ đạo thực hiện ở các xã; qua đó kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của cơ sở nhất là về nhận thức, quan điểm, lộ trình và phương pháp triển khai xây dựng NTM.

- Hàng năm, Huyện uỷ xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra giám sát công tác lãnh đạo xây dựng NTM ở cấp ủy các xã. Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội của huyện tích cực tham gia hưởng ứng phong trào chung tay xây dựng NTM, đồng thời chỉ đạo, hướng dẫn Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội ở các xã thực hiện hiệu quả công tác giám sát các nội dung xây dựng NTM trên địa bàn.

2. Công tác truyền thông, đào tạo, tập huấn.

2.1. Công tác truyền thông

- Ban Chỉ đạo xây dựng NTM huyện đã chỉ đạo các cơ quan, ban, ngành; Ủy ban Mặt trận tổ quốc và các tổ chức đoàn thể từ huyện đến cơ sở bám sát mục tiêu, nhiệm vụ của chương trình và chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị để tổ chức tuyên truyền sâu rộng đến cán bộ, đảng viên và nhân dân, tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức, nâng cao ý thức trách nhiệm và vai trò của các chủ thể trong việc tham gia thực hiện Chương trình xây dựng NTM. Phong trào “*Toàn dân chung sức xây dựng NTM*” được quan tâm tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện sâu rộng với nhiều hình thức tuyên truyền, vận động phong phú; tổ chức các buổi tuyên truyền miệng về chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM cho đội ngũ Bí thư chi bộ, trưởng thôn, trưởng các đoàn thể ở thôn, bản và đại diện các hộ dân ở 11 xã về vai trò trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp, sự tham gia của người dân trong xây dựng NTM; xây dựng các cụm panô tuyên truyền về xây dựng NTM tại các địa phương; Trung tâm Văn hoá Thể thao - Truyền thông huyện xây dựng các phóng sự tuyên truyền phản ánh kết quả thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM của các xã, những cách làm sáng tạo, những kinh nghiệm của các địa phương phát huy tốt vai trò chủ thể của người dân, huy động tốt các nguồn

lực, các nguồn vốn ngoài ngân sách để thực hiện chương trình xây dựng NTM. Kịp thời tuyên dương, khen thưởng những mô hình, điển hình tiên tiến, những tập thể, cá nhân có nhiều đóng góp cho chương trình xây dựng NTM.

- Ủy ban mặt trận tổ quốc và các đoàn thể huyện đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động bằng nhiều hình thức khác nhau để đoàn viên, hội viên và người dân hiểu rõ mục đích, ý nghĩa, nội dung tư tưởng chỉ đạo, phương pháp, cách làm, cơ chế chính sách của Đảng, nhà nước, của tỉnh và của huyện về xây dựng NTM, gắn với đẩy mạnh thực hiện phong trào thi đua “*Lào Cai chung sức xây dựng NTM*” giai đoạn 2016- 2020 và cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư*”; phát huy vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng NTM tại địa phương. Tập trung tuyên truyền, vận động, hướng dẫn nhân dân phát triển sản xuất nâng cao thu nhập; tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện công tác giải phóng mặt bằng để xây dựng các công trình, vận động nhân dân chủ động thực hiện các tiêu chí do nhân dân thực hiện không có sự hỗ trợ của nhà nước như: Tham gia đóng góp công lao động để làm đường giao thông nông thôn, xoá nhà tạm, làm nhà vệ sinh, chuồng trại chăn nuôi, vệ sinh môi trường nông thôn. Tuyên truyền vận động doanh nghiệp, cơ quan đơn vị, các tổ chức đoàn thể giúp đỡ các xã, các thôn đặc biệt khó khăn trong xây dựng nông thôn mới.

- Văn phòng điều phối xây dựng NTM huyện đã tổng hợp, biên soạn, in ấn các văn bản chỉ đạo của Trung ương, tỉnh về xây dựng NTM cấp phát cho thành viên Ban chỉ đạo huyện và Ban chỉ đạo các xã trên địa bàn huyện

- UBND các xã đã tăng cường công tác tuyên truyền, thường xuyên phổ biến các cơ chế chính sách về xây dựng NTM trên hệ thống loa truyền thanh; đặc biệt UBMTTQ và các đoàn thể các xã đã cụ thể hóa các nội dung phong trào thi đua, vận động đoàn viên, hội viên tích cực tham gia xây dựng NTM. Nhiều địa phương có cách làm hay, sáng tạo, phong phú, đa dạng như: Tuyên truyền trực quan bằng pa nô, áp phích; tổ chức họp dân để phổ biến cơ chế, chính sách và nghĩa vụ của người dân trong xây dựng NTM; tổ chức các hội thi, phong trào trong xây dựng nông thôn mới.

- Thông qua công tác tuyên truyền về xây dựng NTM, đã làm chuyển biến về nhận thức của người dân nhất là các vấn đề có liên quan đến công tác xây dựng NTM, người dân thấy được lợi ích của việc xây dựng NTM, từ đó có trách nhiệm, chủ động tích cực tham gia trong sản xuất, tích cực phát triển kinh tế, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; xây dựng, sửa chữa chỉnh trang nhà cửa, phát triển sản xuất, hiến đất, cây cối hoa màu, đóng góp công sức, giải phóng mặt bằng làm đường giao thông nông thôn và các công trình công cộng trên địa bàn xã, thôn từ đó huy động được đông đảo người dân tích cực tham gia, chung tay xây dựng NTM ở các địa phương trên địa bàn toàn huyện.

2.2. Công tác đào tạo, tập huấn

Hàng năm, Ban Chỉ đạo xây dựng NTM huyện đã phối hợp với Văn phòng Điều phối NTM tỉnh tổ chức các lớp tập huấn cho cán bộ chủ chốt xã, bí thư chi bộ, trưởng thôn, bản, trưởng các tổ chức đoàn thể cấp xã, thôn, bản làm công tác xây dựng NTM về chủ trương chính sách của Đảng và nhà nước, của tỉnh, huyện

trong xây dựng NTM; công tác lập, quản lý, tổ chức thực hiện quy hoạch, đề án xây dựng nông thôn mới; cơ chế huy động và quản lý nguồn vốn trong xây dựng NTM; phát triển sản xuất nâng cao thu nhập; vai trò trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị- xã hội các cấp, sự tham gia của người dân trong xây dựng NTM. Trong giai đoạn 2010 - 2020, toàn huyện đã tổ chức 14 lớp tập huấn nghiệp vụ xây dựng nông thôn mới cho cán bộ cấp huyện, cấp xã, cấp thôn trực tiếp tham gia thực hiện chương trình; 116 hội nghị cho các báo cáo viên cấp huyện, 15 lớp tập huấn cho các báo cáo viên, tuyên truyền viên các cấp, 1.400 hội nghị tuyên vận viên cấp xã để triển khai các nội dung tuyên truyền lồng ghép với xây dựng nông thôn mới. Các đoàn thể huyện đã tổ chức được trên 20 lớp tập huấn cho các cán bộ các cấp về xây dựng nông thôn mới. Đến nay đội ngũ cán bộ xây dựng NTM cấp huyện và các xã đều có đủ năng lực đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM trên địa bàn.

3. Sự tham gia của Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới

* Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện đã triển khai cuộc vận động "*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư*", triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung phong trào thi đua "*Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân*", "*xây dựng đường giao thông nông thôn gắn với duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông thôn giai đoạn 2010 - 2020*", "*Giữ gìn an ninh trật tự nông thôn*", "*Xây dựng nếp sống văn hóa, giữ gìn bản sắc dân*", "*Vệ sinh môi trường nông thôn*", "*Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới*" với nhiều hoạt động thiết thực, đạt được những kết quả quan trọng. Mặt trận tổ quốc các cấp, Ban công tác Mặt trận đã tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức cho các tầng lớp nhân dân và ý nghĩa, tầm quan trọng, nội dung, tiêu chí của chương trình xây dựng nông thôn mới. Phối hợp, hướng dẫn nhân dân lựa chọn những việc, những khâu ưu tiên tham gia xây dựng NTM phù hợp với đặc điểm, tình hình của từng thôn, bản và của từng địa phương. Thống nhất về nhận thức và cách làm đồng thời công khai các cơ chế, chính sách hỗ trợ của tỉnh về xây dựng NTM. Vận động nhân dân phát huy vai trò chủ thể của mình trong xây dựng NTM theo phương châm "*Nhân dân làm, nhà nước hỗ trợ, huy động tích cực mọi nguồn lực để xây dựng NTM*". Thực hiện tốt công tác giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng, Chính quyền. Hướng dẫn Ban công tác Mặt trận, Ban giám sát đầu tư cộng đồng, Ban thanh tra nhân dân phát huy quyền giám sát đối với các dự án, nguồn vốn đầu tư có sự đóng góp của nhân dân trong chương trình xây dựng NTM.

MTTQ huyện đã xây dựng kế hoạch và hướng dẫn MTTQ 14/14 xã, TT xây dựng kế hoạch thực hiện Cuộc vận động với 262/262 thôn, TDP đăng ký thôn, TDP văn hóa; 14/14 xã, TT đăng ký xây dựng mô hình điểm, trong đó có 11 mô hình cấp xã, 3 mô hình cấp huyện. Tại các mô hình điểm, đã xây dựng và duy trì từ 95-100% số hộ dân trong thôn có nhà tiêu, chuồng trại, hố rác hợp vệ sinh, đảm bảo môi trường nông thôn xanh- sạch- đẹp. Đã phối hợp với Công an huyện và các tổ chức thành viên duy trì hoạt động của 386 tổ an ninh Nhân dân,

193 tổ hòa giải, 67 tổ liên gia tự quản, 66 câu lạc bộ thanh niên, phụ nữ, cựu chiến binh phòng chống tội phạm; Xây dựng các khu dân cư tự quản, bảo vệ môi trường hoạt động có hiệu quả. Trong 10 năm đã vận động nhân dân hiến được 128.000m² đất làm đường nông thôn, nhà văn hóa và công trình công cộng..., nhân dân hỗ trợ 10.350 ngày công lao động, đóng góp 10.893.600 đồng cho xây dựng nông thôn mới. ..

- Về vận động ủng hộ Quỹ vì người nghèo: MTTQ huyện và cơ sở đã triển khai vận động xây dựng Quỹ VNN đến 100% khu dân cư và các cơ quan, đơn vị trên địa bàn, được Nhân dân đồng tình ủng hộ. Đã có hàng nghìn lượt tổ chức, cá nhân tham gia ủng hộ quỹ với tổng số tiền ủng hộ trong 10 năm là 5.594.100.000 đồng.

- Về thực hiện công tác xóa nhà tạm: Tổng số nhà làm mới và sửa chữa trong 10 năm là 578 nhà, tổng giá trị xây dựng và sửa chữa trên 10 tỷ đồng. Trong đó, nguồn kinh phí hỗ trợ từ quỹ VNN của Tỉnh và huyện là trên 4 tỷ đồng; nguồn hỗ trợ từ các doanh nghiệp, các tổ chức nhân đạo từ thiện và nguồn lực của các hộ dân ở địa phương trên 6 tỷ đồng.

- Về chăm lo cho người nghèo và thực hiện công tác cứu trợ: MTTQ huyện và các tổ chức thành viên đã tổ chức tiếp nhận và trao tặng tổng số 33.445 suất quà, trị giá 9.945.550.000 đồng, trong đó có quà của MTTQ huyện và quà của các cấp, các ngành đến các đối tượng thụ hưởng. Riêng MTTQ huyện đã trao tặng tổng số 673 suất quà, trị giá 186.100.000 đồng cho các đối tượng là hộ nghèo, học sinh nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, đối tượng chính sách theo quyết định số 65 của UBND tỉnh, các đại biểu tiêu biểu đại diện cho cộng đồng dân tộc Mông, Dao và Người có uy tín là Ủy viên UB MTTQ huyện...

- Vận động ủng hộ và sử dụng có hiệu quả nguồn quỹ cứu trợ: Tổng số tiền ủng hộ thu được là 866.011.000 đồng, đã kịp thời hỗ trợ đến Nhân dân trong huyện và nhân dân các tỉnh bị thiên tai, các trường hợp bị hỏa hoạn, mắc bệnh hiểm nghèo là 694.491.000 đồng. Trong đó: Hỗ trợ Nhân dân trong huyện bị thiên tai, hỏa hoạn, thiệt hại về người và tài sản, bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo là 60 trường hợp, số tiền 157.660.000 đồng; Ủng hộ Nhân dân các tỉnh khắc phục hậu quả thiên tai bão lũ: 536.831.000 đồng.

- Tổ chức 11 cuộc giám sát theo đề án 15/ĐA -TU về phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của MTTQ và các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội giai đoạn 2016-2020. Qua giám sát đã kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc tại cơ sở, tăng cường mở rộng và phát huy dân chủ, góp phần thực hiện tốt các chế độ chính sách tại địa phương.

- Tổ chức 18 cuộc tiếp xúc đối thoại với Nhân dân tại các xã, TT trong huyện. Tham gia 11 cuộc tiếp xúc đối thoại với Nhân dân do Huyện ủy và UBND huyện tổ chức. Qua tiếp xúc đối thoại, hầu hết các ý kiến kiến nghị, phản ánh của Nhân dân đã được MTTQ huyện tổng hợp và đề nghị các cơ quan chức năng xem xét, giải quyết theo quy định của Pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho Nhân dân, góp phần ổn định tình hình an ninh chính trị tại địa phương.

* **Hội Nông dân huyện Bảo Thắng** đã tích cực đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến đến đông đảo cán bộ, hội viên, nông dân về mục tiêu, ý nghĩa, nội dung của chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM, để nông dân thấy được vai trò chủ thể của mình trong tham gia xây dựng quy hoạch và thực hiện quy hoạch xây dựng NTM; trong tham gia xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở nông thôn; trong đổi mới hình thức tổ chức sản xuất; trong xây dựng và giữ gìn đời sống văn hóa - xã hội, môi trường ở nông thôn; gắn thực hiện nhiệm vụ công tác Hội với triển khai các phong trào thi đua xây dựng NTM. Kết quả trong 10 năm qua, các cấp Hội trong huyện đã phối hợp tổ chức 35 buổi tập huấn cho hơn 3.000 lượt cán bộ, hội viên nông cốt về công tác tuyên truyền, vận động hội viên tham gia xây dựng nông thôn mới; 180 buổi tuyên truyền, vận động hội viên nông dân về việc tham gia thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới. Thực hiện phong trào thi đua: “*Nông dân sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững*”, hàng năm có 8.987 lượt hộ đạt tiêu chuẩn sản xuất kinh doanh giỏi các cấp. Tổ chức Hội Nông dân đã có nhiều biện pháp hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất như: Hỗ trợ mua phân bón trả chậm với tổng số trên 36.900 tấn, trị giá 18,45 tỷ đồng; ủy thác vốn vay Ngân hàng CSXH dự nợ trên 876,7 tỷ/23.149 lượt hộ vay; ủy thác vốn vay Ngân hàng NN&PTNT dự nợ trên 1.382 tỷ/8.624 lượt hộ vay; ủy thác vay vốn Quỹ hỗ trợ nông dân 11,221 tỷ / 401 lượt hộ vay; phối hợp tập huấn khoa học kỹ thuật cho 993 lớp/ 48.194 lượt hộ tham gia; Mở lớp đào tạo nghề 94 lớp/ 3058 lao động nông thôn; vận động, hướng dẫn thành lập 7 HTX, 4 Tổ hợp tác hoạt động có hiệu quả; vận động hội viên nông dân tích cực hỗ trợ hộ nghèo, trong 10 năm qua các cấp Hội tham gia hỗ trợ giúp đỡ trên 5.735 hộ thoát nghèo bằng các biện pháp hỗ trợ tiếp cận vốn vay, khoa học kỹ thuật, đào tạo nghề, giúp đỡ ngày công lao động... góp phần hoàn thành các tiêu chí về thu nhập, hộ nghèo và tổ chức sản xuất.

Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể của huyện triển khai có hiệu quả cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư*”, vận động hội viên, nông dân tích cực tham gia thực hiện các tiêu chí xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, tham gia bảo hiểm y tế, tổ chức các hoạt động vui chơi thể thao, văn nghệ nâng cao chất lượng đời sống tinh thần của người dân địa phương, tham gia bảo vệ môi trường. Trong 10 năm qua, hội viên nông dân đã đóng góp trên 60,4 tỷ đồng, trên 500.000 ngày công lao động, hiến hơn 500.000m² đất xây dựng đường giao thông, các công trình cơ sở hạ tầng nông thôn. Tập trung tuyên truyền vận động nhân dân xóa 1.755 nhà tạm; làm mới 2.180 nhà tiêu hợp vệ sinh, nhân dân tích cực vệ sinh đường làng ngõ xóm xanh sạch đẹp, đảm bảo an ninh trật tự nông thôn.

* **Hội LHPN huyện Bảo Thắng**

Hội LHPN huyện Bảo Thắng đã bám sát chỉ đạo của Hội cấp trên và của Ban chấp hành đảng bộ huyện hàng năm đã chủ trì, phối hợp với MTTQ và các đoàn thể chính trị xã hội huyện, Đảng ủy, UBND các xã tổ chức ra quân về xây dựng NTM, xây dựng gia đình “5 không, 3 sạch” gắn với bảo đảm an toàn giao

thông, an toàn vệ sinh thực phẩm, đào hố thu gom rác thải hộ gia đình, vệ sinh đường làng, ngõ xóm; tuyên truyền, vận động hội viên hiến đất, góp công, góp sức tham gia làm đường giao thông nông thôn, xây dựng nhà văn hóa thôn; phối hợp với các cơ sở đào tạo nghề và doanh nghiệp mở các lớp dạy nghề và tư vấn giới thiệu việc làm cho hội viên; phối hợp với Liên minh Hợp tác xã tỉnh tư vấn thành lập các Hợp tác xã, Tổ hợp tác liên kết trong phát triển sản xuất; phối hợp với các đơn vị khối nông nghiệp và ngân hàng chính sách xã hội huyện xây dựng các mô hình phát triển kinh tế nhằm nâng cao thu nhập cho hội viên. Kết quả trong 10 năm qua, các cấp hội ở cơ sở đã vận động hội viên đóng góp trên 40 nghìn ngày công lao động, hiến hàng nghìn m² đất xây dựng các công trình hạ tầng ở thôn, xã; mở được 35 lớp đào tạo nghề ngắn hạn cho 345 phụ nữ nông thôn ở các xã, tổ chức được trên 150 lớp tập huấn chuyển giao tiến bộ kỹ thuật ứng dụng trong sản xuất cho 7100 lượt hội viên tham gia; giúp trên 4000 hộ phụ nữ vay vốn ưu đãi phát triển sản xuất với tổng số dự nợ đến nay hơn 389 tỷ đồng; phối hợp giúp đỡ thành lập được Hợp tác xã và 07 Tổ hợp tác liên kết trong sản xuất; các cấp hội ở cơ sở đã cắm được 05 biển đoạn đường tự quản; duy trì sử dụng trên 2000 hố thu gom rác thải; xây dựng được 1.500 nhà tiêu hợp vệ sinh; xây dựng được 79 mô hình “nhà sạch, vườn đẹp”; với 2.338 thành viên, có 719 hộ được gắn biển, cấp giấy chứng nhận đạt 10 tiêu chí) trồng và chăm sóc 35km đường hoa. Thông qua các việc làm cụ thể nêu trên nhận thức của hội viên được nâng cao trở thành phong trào thi đua sôi nổi ở các cấp hội từ huyện đến cơ sở góp phần tích cực trong thực hiện xây dựng thành công huyện nông thôn mới.

Kết quả đạt được của Hội phụ nữ trong 10 năm xây dựng NTM là đã huy động được toàn thể cán bộ, hội viên, phụ nữ tham gia, tạo được sức lan tỏa rất lớn trong các cấp hội, góp phần thực hiện thắng lợi đưa 11 xã, thị trấn của huyện về đích NTM./.

* **Hội Cựu chiến binh huyện** đã tăng cường công tác tuyên truyền vệ sinh môi trường xanh, sạch, đẹp; thực hiện tốt cuộc vận động "*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư*". Kết quả trong 10 năm qua, Hội cựu chiến binh huyện đã tổ chức được 1532 buổi tuyên truyền cho trên 76 nghìn lượt hội viên tham gia, Trong phong trào thi đua "*Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới*", các tổ chức Hội đã tích cực hưởng ứng, tham gia tuyên truyền trọng tâm là tiêu chí 18 và tiêu chí 19, huy động hội viên tự nguyện đóng góp 1.875.650.000đ; tham gia 12.151 ngày công đắp bê tông đường liên thôn; mở đường giao thông nông thôn và giải cấp phối, làm nhà văn hoá; có 114 hội viên CCB hiến 41.980m² đất (*điển hình như hội viên CCB xã Xuân Quang đóng góp 249 triệu đồng, hiến 4.448m² đất, tham gia 1.337 ngày công. Hội viên CCB xã Xuân Giao đóng góp 343,5 triệu đồng, tham gia 3.535 ngày công. Hội viên CCB xã Trì Quang đóng góp 279,9 triệu đồng, tham gia trên 1.000 ngày công. Hội viên CCB xã Thái Niên gần 100 triệu đồng, hiến 15.305m² đất, tham gia 2.127 ngày công... Hội viên CCB Trần Văn Quyền xã Trì Quang ủng hộ 70 triệu đồng; hội viên CCB Hà Trường Giang xã Phó Lu hiến 550m²) 100% tổ chức Hội cơ sở*

đã vận động các gia đình hội viên ký cam kết xây dựng mô hình nhà sạch, vườn đẹp và mỗi gia đình có hố rác thải thu gom, xử lý, vệ sinh sạch sẽ; xây dựng và duy trì hiệu quả mô hình "*Làng bản an ninh - Trật tự xã hội*" với 180 chi hội với 180 mô hình (*điển hình như Hội CCB xã Trì Quang; Thị trấn Phố Lu; xã Sơn Hải; Xuân Giao; thị trấn Tăng Loong...*)

Nhận uỷ thác vay vốn Ngân hàng chính sách xã hội, Hội đã duy trì và quản lý tốt vốn vay với tổng số dư nợ 109. 828.000.000đ/72 tổ TK&VV với 2355 hộ dư nợ. Ngoài ra Hội còn xây dựng chân quỹ của các chi hội để giúp nhau lúc khó khăn và phát triển kinh tế hộ gia đình với tổng số tiền là 5.246.800.000đ cho 250 hội viên vay với lãi suất thấp hơn NHCSXH.

Trong phong trào "*CCB giúp nhau giảm nghèo, làm kinh tế giỏi*" về làm kinh tế giỏi toàn huyện có 01 HTX (*triết suất tinh dầu xả*); 58 cửa hàng kinh doanh; 11 trang trại. 10 gia trại và 71 mô hình tổng hợp (*VACRR*) tạo thu nhập hàng năm 71. 404.000.000 đ, giải quyết việc làm cho 584 lao động tại địa phương. Trong giúp nhau giảm nghèo toàn huyện đã đóng góp 712.000.000đ, 1802 ngày công, 154. 645 con giống các loại; 10081 cây giống để giúp đỡ 47 hộ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn kết quả đã có 31 hộ thoát nghèo, 7 hộ trung bình và 9 hộ vươn lên khá, giàu.

* **Liên đoàn lao động huyện** đã xác định việc triển khai thực hiện Chương trình xây dựng NTM trên địa bàn huyện là nhiệm vụ trọng tâm của tổ chức Công đoàn; hàng năm Liên đoàn lao động huyện đã bám sát vào sự chỉ đạo của cấp trên triển khai phổ biến, quán triệt sâu rộng đến đoàn viên và CNLĐ trên địa bàn nắm vững và hiểu sâu về mục đích ý nghĩa, vai trò của chính quyền và chủ thể nhân dân, đối tượng thụ hưởng và chủ trương của huyện, tỉnh trong xây dựng nông thôn mới, từ đó mỗi đoàn viên công đoàn là nòng cốt trong công tác tuyên truyền vận động gia đình, dòng tộc, cộng đồng dân cư hiểu và đồng thuận với cấp ủy, chính quyền địa phương về chương trình xây dựng NTM. Trong 10 năm thực hiện chương trình, LĐLĐ huyện đã tổ chức 260 buổi tuyên truyền cho trên 3.000 đoàn viên và CNLĐ. Các công đoàn cơ sở của các cơ quan đơn vị được huyện phân công trực tiếp giúp các thôn của các xã để về đích NTM tích cực tuyên truyền động viên đoàn viên công đoàn xuống thôn, xã được giao phụ trách ít nhất 1 tuần 1 lần đồng thời ủng hộ thôn, các hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn thực hiện phần việc mà Nhân dân phải làm trong xây dựng NTM với tổng số tiền lên tới hàng tỷ đồng nổi bật điển hình như: Công đoàn 15 xã, thị trấn, Công đoàn Phòng Nông nghiệp & PTNT, Công đoàn Huyện ủy, Công đoàn Khối Dân vận... Mỗi đoàn viên Công đoàn là tấm gương đi đầu trong vận động nhân dân thực hiện các tiêu chí chương trình xây dựng nông thôn mới như: chấp hành việc giải tỏa hành lang giao thông, hiến đất, đóng kinh phí, ngày công... để làm đường giao thông, xây dựng các công trình phúc lợi xã hội đã và đang được người dân đồng tình hưởng ứng

* **Đoàn thanh niên huyện** đã tích cực hưởng ứng và tham gia thực hiện chương trình xây dựng NTM, điển hình trong triển khai thực hiện tốt phong trào "Tuổi trẻ Bảo Thắng chung tay xây dựng nông thôn mới" tới toàn thể các cấp bộ

đoàn và đoàn viên thanh niên trong toàn huyện, trong đó: các cấp bộ đoàn, đoàn viên thanh niên huyện Bảo Thắng đã làm tốt công tác tuyên truyền phong trào xây dựng nông thôn mới, tuyên truyền về chủ trương, nghị quyết của Đảng bộ tỉnh, Đảng bộ huyện về xây dựng huyện Bảo Thắng đạt chuẩn nông thôn mới vào năm 2020; các cấp bộ đoàn toàn huyện tổ chức được trên 3.000 hoạt động tham gia xây dựng nông thôn mới như:

Tình nguyện tham gia xây dựng cơ sở hạ tầng: Xây dựng được 2 nhà văn hóa thôn tại xã Sơn Hải và xã Phú Nhuận, 01 bể nước sạch tại thị trấn Phong Hải, 01 khu vui chơi liên hoàn dành cho thiếu nhi tại xã Xuân Quang, 01 nhà bán trú cho em tại trường tiểu học số 2 Thị trấn Tăng Loỏng... tổng trị giá các công trình trên 750 triệu đồng. Ngoài ra các cấp bộ đoàn toàn huyện đã xây mới trên 100 sân chơi cho thiếu nhi tại các điểm trường; bê tông hóa 20,5 km, tu sửa, phát dọn, đắp lề, khơi thông cống rãnh 126 km đường giao thông nông thôn; khơi thông trên 50km kênh mương nội đồng, đào trên 4500 hố rác, xây trên 500 nhà tiêu, 70 chuồng trại hợp vệ sinh; xây dựng được 98 bể môi trường (bể thu gom, xử lý chất thải gia súc); xóa được trên 60 nhà tạm. Triển khai cấp phát 49 tấn xi măng do Tập đoàn Viettel hỗ trợ cho công tác an sinh xã hội tại xã Bản Phiệt. Thu hút hàng nghìn lượt đoàn viên, thanh niên tham gia.

Thực hiện có hiệu quả chương trình đồng hành với thanh niên lập thân, lập nghiệp, thông qua các hoạt động tư vấn, hướng nghiệp, giới thiệu việc làm cho thanh niên; giúp đỡ thanh niên tiếp cận với các nguồn vốn ưu đãi để phát triển kinh tế như vốn Ngân hàng CSXH, nguồn vốn giải quyết việc làm kênh Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh. Thành lập mới và duy trì có hiệu quả các mô hình thanh niên phát triển kinh tế, tiêu biểu: BTV Huyện đoàn đã đảm nhận triển khai thực hiện mô hình trồng cây chanh tứ quý tại xã Xuân Quang với quy mô diện tích 3ha, 24 hộ tham gia. Triển khai mô hình hỗ trợ lợn giống cho 4 hộ đoàn viên nghèo tại thôn Cốc Sầm 4 xã Phong Niên với số lượng 8 con, trị giá trên 15 triệu đồng. Hiện nay trên địa bàn huyện Bảo Thắng có 145 mô hình phát triển kinh tế do thanh niên làm chủ có thu nhập từ 50 triệu đồng/năm trở lên, trong đó có những mô hình cho thu nhập hàng tỷ đồng/năm, qua đó đã tạo công ăn, việc làm cho hàng trăm thanh niên tại địa phương.

4. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng NTM trên địa bàn huyện

4.1. Về huy động nguồn vốn

Tổng vốn huy động xây dựng NTM trên địa bàn huyện giai đoạn 2010-2020 đạt 9.407,338 tỷ đồng (trong đó: giai đoạn 2011-2015 đạt 1.034,015 tỷ đồng; giai đoạn 2016-2019 đạt 8.373,323 tỷ đồng), gồm:

- Nguồn vốn từ ngân sách nhà nước: 1.406,113 tỷ đồng, chiếm 14,9%, trong đó:

- + Ngân sách Trung ương: 440,914 tỷ đồng, chiếm 4,7% vốn từ ngân sách;
- + Ngân sách tỉnh: 623,786 tỷ đồng, chiếm 3,6% vốn từ ngân sách;
- + Ngân sách huyện: 338,542 tỷ đồng, chiếm 3,6% vốn từ ngân sách;
- + Ngân sách xã: 2,871 tỷ đồng, chiếm 0,03% vốn từ ngân sách;

- Nguồn vốn huy động ngoài ngân sách nhà nước: 8.001,225 tỷ đồng,

chiếm 85,1%, trong đó:

+ Vốn tín dụng (bao gồm vốn tín dụng ưu đãi và tín dụng thương mại): 6.024,428 tỷ đồng, chiếm 64% vốn huy động ngoài ngân sách.

+ Vốn từ các doanh nghiệp, hợp tác xã và các loại hình kinh tế khác: 488 tỷ đồng, chiếm 5,2% vốn huy động ngoài ngân sách;

+ Vốn huy động đóng góp của cộng đồng dân cư 1.488,795 tỷ đồng, chiếm 15,8 % vốn huy động ngoài ngân sách.

(Chi tiết tại phụ lục 05 kèm theo)

4.2. Quản lý sử dụng vốn

Trong giai đoạn 2010-2020, được sự quan tâm, giúp đỡ của Trung ương, của tỉnh đã bố trí nhiều nguồn vốn cho huyện Bảo Thắng thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM trên địa bàn huyện, cụ thể:

- Nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương (NSTW), ngân sách tỉnh cho xây dựng nông thôn mới được quản lý, sử dụng đúng mục đích, phát huy hiệu quả cao. Đối với nguồn vốn đầu tư phát triển tập trung cho đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội như: đường giao thông nông thôn, xây dựng trụ sở xã, trường học, trạm y tế xã, thiết chế văn hóa, thể thao, chợ, thủy lợi, cấp nước sinh hoạt .. đạt chuẩn; đối với nguồn vốn sự nghiệp tập trung cho thực hiện công tác quy hoạch, hỗ trợ sản xuất, dịch vụ, ngành nghề nông thôn, đào nguồn nhân lực ... Cơ chế đầu tư được đổi mới căn bản theo hướng phân cấp đổi đa cho cấp xã và cộng đồng quyết định, giám sát đầu tư, nguồn kinh phí từ NSTW, ngân sách tỉnh chỉ thực hiện hỗ trợ từ 60-90%, phần còn lại bố trí đối ứng từ ngân sách huyện, xã và nhân dân đóng góp.

- Việc giao, phân bổ nguồn vốn được thực hiện nghiêm túc theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và quy định hướng dẫn của Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM. Kế hoạch vốn giao hàng năm được ưu tiên bố trí để xử lý dứt điểm nợ đọng xây dựng cơ bản, các dự án hoàn thành còn thiếu vốn, còn lại mới bố trí cho các dự án khởi công mới. Trong quá trình triển khai thực hiện, kiểm soát chặt chẽ về phạm vi, quy mô đầu tư của từng dự án theo đúng mục tiêu đã được phê duyệt, không phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án khi chưa xác định rõ nguồn vốn và khả năng cân đối vốn ... do vậy đến nay huyện Bảo Thắng không còn nợ đọng trong xây dựng cơ bản.

- Nguyên tắc dân biết, dân bàn, dân kiểm tra, dân thụ hưởng đã được hiện thực hóa trên cơ sở có sự tham vấn, lấy ý kiến của người dân và qua sự giám sát của Ban giám sát cộng đồng. Sự tham gia của người dân vào quá trình xây dựng, quản lý, vận hành các công trình đầu tư ở các xã cũng góp phần nâng cao trình độ quản lý dự án đầu tư của người dân, phát huy sức mạnh tổng hợp của cộng đồng dân cư và nâng cao hiệu quả đầu tư của nguồn vốn.

- Đối với nguồn vốn của nhân dân đóng góp: Với phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, trong đó người dân đóng vai trò chủ thể trong xây dựng NTM, nhà nước hỗ trợ một phần, tham gia đóng góp của người dân, cộng đồng dân cư mới là quan trọng và cần thiết. Việc huy động sức dân trong xây dựng NTM được triển khai tuyên truyền sâu rộng, thực hiện với nhiều hình thức đa

dạng, linh hoạt, có sự tham gia vào cuộc của cả hệ thống chính trị, chính quyền, đoàn thể các cấp trên tinh thần tự nguyện, bàn bạc, thống nhất mức đóng góp cụ thể cho từng dự án, nội dung, tiêu chí... không quy định bắt buộc, phù hợp với đặc điểm, điều kiện, tình hình cụ thể của từng địa bàn thôn, xã đảm bảo công khai minh bạch. Từ đó đã làm cho từng người dân, nhận thức đầy đủ, sâu sắc, đồng thuận cao và tham gia thiện có hiệu quả.

Do vậy trong giai đoạn 2010-2020 đã huy động hàng trăm tỷ đồng từ nguồn lực đóng góp của nhân dân, dưới nhiều hình thức như bằng tiền mặt, hiện vật, ngày công, hiến đất... để tập trung cho đầu tư vào các lĩnh vực: làm đường giao thông nông thôn, kênh mương nội đồng; xây dựng trường lớp học; xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao thôn, bản; xây dựng hệ thống điện chiếu sáng; phát triển các mô hình sản xuất, kinh doanh mới; chỉnh trang đường làng, ngõ xóm, khu dân cư, nhà ở, vệ sinh môi trường nông thôn... đạt chuẩn tiêu chí NTM.

4.3. Tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới

* Giai đoạn 2011-2015: Đến thời điểm 31/12/2015 không phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

* Giai đoạn 2016-2020: Số nợ đọng đến tháng 9/2020 là 7.333 triệu đồng, gồm 4 dự án do UBND huyện làm chủ đầu tư được đầu tư từ nguồn vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh, cụ thể:

- Lĩnh vực giao thông 01 dự án: 1.080 triệu đồng.
- Lĩnh vực Điện nông thôn 01 dự án: 5.158 triệu đồng.
- Lĩnh vực Trường học 02 dự án: 1.095 triệu đồng.

Đối với số nợ đọng xây dựng cơ bản trong giai đoạn 2016-2020 là 7.333 triệu đồng, UBND huyện đã đề nghị UBND tỉnh ưu tiên và tập trung các nguồn vốn từ ngân sách tỉnh trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 để bố trí, xử lý dứt điểm nợ đọng xây dựng cơ bản. Tổng kế hoạch vốn đã bố trí xử lý nợ XDCB tại Quyết định 4306/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của UBND tỉnh là 4.145 triệu đồng; Còn lại 1 dự án điện còn thiếu 3.188 triệu đồng, UBND tỉnh đã kế hoạch bố trí bảo đảm. Như vậy đến nay huyện Bảo Thắng không còn nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới.

IV. KẾT QUẢ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI CỦA HUYỆN.

1. Số xã đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định.

- Tổng số xã trên địa bàn huyện: 11 xã.
- Số xã đã được công nhận đạt chuẩn NTM đến năm 2020: 11/11 xã, tỷ lệ 100% xã trên địa bàn huyện đạt chuẩn NTM, trong đó:
 - + Năm 2014: Có 1 xã được công nhận đạt chuẩn NTM (Phú Nhuận).
 - + Năm 2015: Có 2 xã được công nhận đạt chuẩn NTM, gồm: Xuân Quang, Sơn Hải.
 - + Năm 2016: Có 2 xã được công nhận đạt chuẩn NTM, gồm: Xuân Giao, Sơn Hà.
 - + Năm 2018: Có 3 xã được công nhận đạt chuẩn NTM, gồm: Phong Niên, Bản Phiệt, Bản Cầm.
 - + Năm 2019: Có 2 xã được công nhận đạt chuẩn NTM, gồm: Gia Phú, Trì

Quang.

+ Năm 2020: Có 1 xã được công nhận đạt chuẩn NTM (Thái Niên).

- Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới là 100% tổng số xã trên địa bàn huyện
(*Danh sách các xã đạt chuẩn NTM tại phụ lục 06 kèm theo*).

2. Một số kết quả chủ yếu xây dựng nông thôn mới của các xã

2.1. Công tác lập quy hoạch và thực hiện quy hoạch

- *Kết quả thực hiện:* Đến tháng 12 năm 2012, toàn huyện có 12/12 xã đã triển khai và hoàn thành Đồ án quy hoạch chung xây dựng NTM và ban hành quy chế quản lý quy hoạch xây dựng NTM, được UBND huyện Bảo Thắng phê duyệt và triển khai thực hiện từ tháng 01 năm 2013. Sau khi Đồ án quy hoạch và Đề án xây dựng NTM được phê duyệt, Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo các xã tổ chức công khai các quy hoạch được duyệt; thực hiện quy chế quản lý quy hoạch; triển khai cắm mốc chỉ giới, tổ chức thực hiện quy hoạch, quản lý chặt chẽ quy hoạch theo quy chế được UBND huyện phê duyệt.

Trong quá trình thực hiện quy hoạch, từ năm 2017 đến năm 2018, UBND huyện đã chỉ đạo các xã rà soát, điều chỉnh quy hoạch cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đến nay đã có 12/12 xã điều chỉnh quy hoạch xây dựng NTM được UBND huyện Bảo Thắng phê duyệt làm căn cứ triển khai thực hiện.

- *Đánh giá:* Đến nay 11/11 xã (đạt 100%) số xã trên địa bàn huyện đạt tiêu chí số 1 (Quy hoạch) trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới. (năm 2020 thực hiện Nghị quyết số 896/NQ-UBTVQH14 ngày 11/02/2020, xã Phố Lu sáp nhập vào thị trấn Phố Lu).

2.2. Xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu

Cùng với nguồn vốn xã hội hóa và hỗ trợ của ngân sách các cấp, 9 năm qua, các xã đã tập trung sửa chữa, cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới nhiều hạng mục, công trình hạ tầng kinh tế - xã hội, cụ thể:

a. Về giao thông

Năm 2011, mạng lưới đường giao thông nông thôn trên địa bàn huyện phân bố tương đối hợp lý, phù hợp với địa hình nhưng chưa hoàn chỉnh về mật độ, cấp hạng kỹ thuật. Công trình thoát nước các tuyến đường còn thiếu, đặc biệt cầu qua suối lớn không đồng bộ về trọng tải và khổ cầu, nhiều cầu tải trọng thấp $\leq 5T$, nhiều cầu khổ hẹp từ 3,5 – 4 m. Nhiều công trình cầu, cống và nhiều tuyến đường sau nhiều năm đưa vào khai thác đã xuống cấp không đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của phương tiện tham gia giao thông, đi lại và phục vụ vận chuyển hàng hóa trên địa bàn. Hệ thống đường giao thông mới được đầu tư đến trung tâm xã, các tuyến đường nối tới các thôn, bản và khu đông dân cư còn thiếu, cụ thể:

- Đường trục xã được nhựa hóa, bê tông hóa là 4.5 km, đạt tỷ lệ 1.2%;

- Đường liên thôn, trục thôn được bê tông hóa, nhựa hóa 114 km, đạt tỷ lệ 29%;

- Đường ngõ xóm được bê tông hóa 0km, đạt tỷ lệ 0%;

- Đường trục chính nội đồng toàn bộ là đường đất chưa đáp ứng phục vụ sản

xuất của người dân.

Trong 10 năm triển khai thực hiện chương trình xây dựng NTM, huyện đã sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn hỗ trợ của nhà nước, vận động nhân dân hiến đất, đóng góp công sức, kinh phí thực hiện kiên cố hóa (trải nhựa, đổ bê tông) được 721.5 km đường giao thông nông thôn, trong đó: đường trục xã 348.6km; đường trục thôn, nội thôn là 352.1 km; đường ngõ xóm là 13km; đường trục chính nội đồng là 4.8km. Đồng thời các xã thường xuyên phát động nhân dân, các tổ chức đoàn thể tham gia phong trào làm vệ sinh môi trường các tuyến đường; vận động nhân dân tự tháo dỡ vi phạm hành lang an toàn giao thông dưới lòng, lề đường, vỉa hè; phát động nhân dân trồng hoa ven đường tạo cảnh quan khu dân cư.

Kết quả cụ thể:

Hiện tại trên địa bàn huyện có 854.7km đường giao thông, cầu ngầm xã quản lý: 1.779,8m trong đó.

Đường huyện quản lý là: 88.9km, bao gồm 59km đường từ trung tâm huyện đến trung tâm xã, 29,9km đường nội thị, đường tại các khu tái định cư. Tiêu chuẩn đường cấp 5 miền núi, mặt đường rộng từ 3.5m trở lên được rải bê tông nhựa, láng nhựa và cấp phối đá rậm.

Đường giao thông nông thôn do Xã quản lý là: 765.1km; bao gồm 460.78km đường bê tông, 306km đường cấp phối và đường đất.

Trong đó đường trục xã, đường trung tâm xã đến huyện là 348.6km. Đường trục thôn, xóm là 412.3km. Đường nội đồng là 4.8km.

- Đường trục xã được nhựa hóa, bê tông hóa là 348.6/348.6km, đạt tỷ lệ 100%;

- Đường liên thôn, trục thôn được cứng hóa bằng cấp phối và bê tông là: 289.3 km/386km, đạt tỷ lệ 75%;

- Đường ngõ xóm không lầy lội vào mùa mưa đạt 100%, được cứng hóa bằng cấp phối, bê tông 13/26.3km, đạt tỷ lệ 50%;

Đường trục chính nội đồng được cứng hóa bằng cấp phối là 4.8km/4.8km đạt tỉ lệ 100%

Đánh giá: Đến nay 11/11 xã (đạt 100%) số xã trên địa bàn huyện đạt tiêu chí số 2 (Giao thông) trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới.

b. Thủy lợi

- Hệ thống thủy lợi của các xã được thiết kế và xây dựng phù hợp với quy hoạch hệ thống thủy lợi chung của huyện đảm bảo tưới, tiêu cho 94,9% diện tích đất nông nghiệp, đáp ứng yêu cầu phòng chống thiên tai và đời sống dân sinh trong toàn huyện. Toàn huyện hiện có 199 công trình thủy lợi chính trên địa bàn 14 xã, thị trấn, trong đó: Hồ chứa 37 công trình, tổng dung tích 2,78 m³ (hồ chứa công suất trung bình 01 chiếc/ dung tích 1,05 m³, hồ chứa nhỏ 36 chiếc/ dung tích 1,73 m³); trạm bơm 01 công trình, công suất 60 m³/giờ. Tổng số km kênh mương của 11/11 xã về đích nông thôn mới là 475,142 km, trong đó kênh mương được kiên cố 290,512 km, đạt tỷ lệ 61,1%. Các công trình thủy lợi phục vụ tưới, tiêu chủ động cho 4.328,8 ha/4.561,7 ha đất sản xuất nông nghiệp, đạt

tỷ lệ 94,9%. Các công trình thủy lợi được UBND tỉnh giao cho UBND xã quản lý, vận hành, các xã giao cho các Tổ thủy nông quản lý.

- Tổng số công trình thủy lợi hiện có trên địa bàn huyện là 186 công trình hầu hết các công trình được đầu tư xây dựng từ năm 2016 trở về trước, trong đó:

+ Số công trình đang khai thác sử dụng bền vững là 25 công trình, chiếm tỷ lệ 13,4%.

+ Số công trình đang khai thác sử dụng có hiệu quả 161 công trình chiếm tỷ lệ 86,6%

+ Không có công trình đang khai thác kém hiệu quả.

- Số Tổ quản lý công trình thủy lợi là 163 tổ/186 công trình (100% các công trình thủy lợi đều có Tổ quản lý và đang hoạt động, trong đó có 23 Tổ quản lý 02 công trình).

- Công trình Kè sông, suối: Tổng số 04 công trình kè sông, suối với tổng chiều dài 9,5km, hiện trạng hoạt động rất hiệu quả.

(Chi tiết tại phụ biểu 07 kèm theo)

- Để phục vụ tốt nhiệm vụ phòng, chống thiên tai hàng năm Ủy ban nhân dân huyện thường xuyên kiện toàn Ban chỉ huy PCTT- TKCN cấp huyện, xây dựng kế hoạch, phương án PCTT-TKCN trên địa bàn huyện; 100% các xã đã thành lập Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện Kế hoạch phòng, chống thiên tai; có Phương án ứng phó đối với các loại hình thiên tai chủ yếu, thường xuyên xảy ra trên địa bàn theo phương châm “4 tại chỗ” được phê duyệt theo quy định của Luật Phòng, chống thiên tai.

Hàng năm các xã đã tổ chức quán triệt và thực hiện nghiêm, kịp thời các Luật, Pháp lệnh, Nghị định và các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, các Bộ, Ngành Trung ương, của UBND tỉnh, UBND huyện về công tác PCTT và TKCN. Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức của cả cộng đồng về các loại hình thiên tai, kinh nghiệm, kiến thức phòng tránh, nhất là việc chủ động phương án ứng phó, khắc phục hậu quả với lũ quét và sạt lở đất. Xác định phòng chống, ứng phó, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và của cộng đồng dân cư trên địa bàn. Công tác tuyên truyền được thường xuyên phát sóng trên hệ thống đài truyền thanh huyện, cum loa tuyên truyền các xã và tăng thời lượng, truyền tải kịp thời các bản tin, công điện chỉ đạo của các cấp về phòng chống, ứng phó thiên tai trong thời điểm diễn ra các đợt mưa, lũ, để các cấp chính quyền địa phương, cơ sở và người dân chủ động thực hiện. Từ năm 2018 đến nay, thực hiện Nghị định 94/2014/NĐ – CP, ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định về thành lập và quản lý quỹ phòng chống thiên tai, toàn huyện đã thu được 2.269,4 triệu đồng quỹ phòng chống thiên tai để bổ sung nguồn quỹ phòng chống thiên tai của tỉnh.

Đánh giá: Đến nay 11/11 xã (đạt 100%) số xã trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 3 (Thủy lợi) trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới.

c. Điện

- Năm 2011, toàn huyện có 57 trạm biến áp, 140,05 km đường dây 35KV

và 331 km đường dây 0,4KV 21.920/27.400 hộ được sử dụng điện an toàn, chiếm 80%.

- Từ năm 2011 đến nay đã xây dựng mới 132 trạm biến áp; xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp 103,935 km đường dây trung thế và 195,158 km đường dây hạ thế. Đến năm 2020, toàn huyện có 189 trạm biến áp, tăng 132 trạm biến áp so với năm 2011; có 243,985 km đường dây trung thế, tăng 103,935 km so với năm 2011; 526,158km đường dây hạ thế, tăng 195,158 km so với năm 2011, đảm bảo cung cấp nguồn điện ổn định, an toàn cho sản xuất và kinh doanh; 100% số xã đều có hệ thống điện nông thôn đạt chuẩn; số hộ sử dụng điện an toàn 28.682/29.267 hộ, đạt tỷ lệ 98%.

Đánh giá: Đến nay 11/11 (đạt 100%) số xã trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 4 (Điện) trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới.

d. Trường học

Thời điểm năm 2010, trên địa bàn huyện có 15 xã, thị trấn với 77 đơn vị trường học trực thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo, gồm: 18 trường Mầm non, 36 trường Tiểu học, 23 trường THCS. Số trường đạt chuẩn quốc gia 14 trường (TH 1 TT Phong Hải, TH số 1 TT Phố Lu, TH xã Bản Phiệt, MN xã Xuân Giao, TH xã Bản Cầm, TH số 2 TT Phong Hải, TH 2 xã Xuân Quang, TH số 2 xã Gia Phú, TH số 1 xã Xuân Giao, TH số 2 TT Tăng Lũng, MN Bình Minh TT Phố Lu, MN Hoa Ban Gia Phú, THCS TT Phố Lu, THCS số 1 Gia Phú). Thực trạng cơ sở vật chất còn thiếu phòng học, còn nhiều phòng học tạm, đa số các trường chưa có phòng học bộ môn; đội ngũ giáo viên chưa cân đối về cơ cấu bộ môn, còn một số giáo viên chưa đạt chuẩn về trình độ đào tạo chuyên môn; chất lượng giáo dục giữa các trường chưa đồng đều.

Thực hiện mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, trong giai đoạn 2010-2020, huyện Bảo Thắng đã chỉ đạo, triển khai đồng bộ các giải pháp để hoàn thành các tiêu chí về giáo dục và đào tạo. Đến nay, quy mô trường lớp được sắp xếp ổn định, tổng số 69 trường trực thuộc phòng Giáo dục và Đào tạo (21 trường có cấp THCS, 29 trường Tiểu học, 19 trường MN). Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đáp ứng yêu cầu giảng dạy. Chất lượng giáo dục được nâng lên. Cơ sở vật chất trường lớp học từng bước đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập, sinh hoạt của giáo viên và học sinh, 100% trường trên địa bàn huyện có quy hoạch mặt bằng tổng thể, có sân chơi, bãi tập, nhà để xe, nhà vệ sinh nam nữ riêng biệt cho giáo viên và học sinh; hệ thống cấp thoát nước, điện phục vụ hoạt động của nhà trường được đầu tư đồng bộ, đảm bảo khuôn viên, cảnh quan trường học xanh - sạch - đẹp - an toàn; 100% cơ sở giáo dục có kết nối Internet, có 100% trường học có Website thông tin hoạt động thường xuyên.

Sau 10 năm triển khai thực hiện Đề án xây dựng nông thôn mới, toàn huyện có 61/69 trường trực đạt chuẩn cơ sở vật chất đạt tỷ lệ 88,4%, trong đó có 50/69 trường MN, TH, THCS đạt chuẩn Quốc gia, đạt tỷ lệ 72,4%, trong đó 12 trường Mầm non (MN Năng Sớm xã Sơn Hà, MN Bình Minh TT Phố Lu, MN Bông Sen xã Sơn Hải, MN Hoa Ban Gia Phú, MN Hoa Hồng xã Phong Niên, MN Hoa Mai xã Xuân Quang, MN Hoa Phượng Đỏ xã Phú Nhuận, MN Năng

Mai xã Xuân Quang, MN Sao Mai xã Trì Quang, MN Số 2 TT Phong Hải, MN Sơn Ca thị trấn Tầng Loong, MN xã Xuân Giao), 24 Tiểu học (TH xã Trì Quang, TH 1 TT Phong Hải, TH 2 xã xuân Quang, TH 3 xã xuân Quang, TH số xã Sơn Hải, TH số 1 TT Phố Lu, TH số 1 xã Phong Niên, TH số 1 xã Phú Nhuận, TH số 1 xã Sơn Hà, TH số 1 xã Thái Niên, TH số 1 xã Xuân Giao, TH số 2 TT Phố Lu, TH số 2 TT Phong Hải, TH số 2 TT Tầng Loong, TH số 2 xã Gia Phú, TH số 2 xã Sơn Hà, TH số 2 xã Thái Niên, TH số 2 xã Xuân Giao, TH số 3 TT Phố Lu, TH số 3 xã Phú Nhuận, TH TT Tầng Loong, TH xã Bản Cầm, TH xã Bản Phiệt, PTDTBT TH số 2 xã Phong Niên), 14 trường THCS (PTDTBT THCS Phong Niên, THCS Bản Cầm, THCS số 1 Gia Phú, THCS số 1 Phú Nhuận, THCS số 1 Xuân Quang, THCS số 2 Phú Nhuận, THCS số 2 xã Thái Niên, THCS số 2 Xuân Quang, THCS số 3 xã Xuân Quang, THCS TT Phố Lu, THCS TT Tầng Loong, THCS xã Sơn Hà, THCS xã Sơn Hải, THCS xã Xuân Giao); trường đạt chuẩn cơ sở vật chất 11/69 chiếm tỷ lệ 15,9%, trong đó 5 trường MN (MN Ánh Sao Bản Phiệt, MN Ánh Dương Bản Cầm, MN Hoa Lan Phú Nhuận, MN Họa Mi Thái Niên, MN Ngọc Lan Thái Niên), 2 trường tiểu học (Tiểu học số 2 Phú Nhuận, Tiểu học số 3 Thái Niên), 04 trường có cấp học THCS (PTDTBT THCS số 3 Thái Niên, THCS xã Bản Phiệt, THCS Trì Quang, PTDTBT THCS xã Gia Phú).

(Chi tiết tại phụ biểu 08 kèm theo)

Đánh giá: 100% số xã trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 5 (Trường học) trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới.

e. Cơ sở vật chất văn hóa

- Xã có nhà văn hóa đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt TDTT:

Đến nay 11/11 xã có nhà văn hóa đa năng được xây dựng theo mẫu định hình và sân thể thao phục vụ nhu cầu sinh hoạt cho nhân dân. Hàng năm duy trì tổ chức giải bóng chuyền, cầu lông, các ngành, đoàn thể ở xã hàng tuần, tháng tháng tổ chức sinh hoạt các câu lạc bộ như CLB khuyến nông, CLB dưỡng sinh. 01 năm vào dịp hè mở các lớp năng khiếu cho các cháu thiếu niên, nhi đồng, tổ chức trưng bày sách báo vào dịp tết nguyên đán và các ngày lễ kỷ niệm trong năm.

- Xây dựng nhà văn hoá thôn: Luôn được huyện quan tâm chỉ đạo, với phương châm Nhà nước và Nhân dân cùng làm, phong trào xây dựng nhà văn hoá thôn, tổ dân phố được triển khai đồng bộ trên địa bàn toàn huyện. Năm 2011 toàn huyện có 60/260 nhà văn hóa thôn đến năm 2020 thực hiện chủ trương sáp nhập thôn, TDP toàn huyện hiện nay giảm còn 193 thôn, TDP (trong đó có 143 thôn của 11 xã xây dựng nông thôn mới) các thôn đã thực hiện sắp xếp lại tu sửa khuôn viên xây dựng mới nhà văn hóa 193/193 thôn, TDP có nhà văn hóa mỗi NVH được xây dựng trung bình từ 300 triệu đồng trở lên, về hiện trạng các nhà văn hóa thôn, đối với diện tích tổng thể có 26 thôn diện tích từ 300 đến 500 m² trở lên, còn lại đều đạt từ 600 đến 1,500² các nhà văn hóa đều có khuôn viên sân bãi để tổ chức các hoạt động TDTT như sân bóng chuyền, sân cầu lông. Đối với diện tích nhà văn hóa thôn 100% các nhà văn hóa đạt diện tích từ 80m² trở lên,

nhều nhà VH diện tích đạt từ 120m² đến 150m² như NVH thôn Tả Hà 2, Khe Mụ xã Sơn Hà, NVH thôn Phú Xuân, Bến Phà xã Gia Phú, NVH thôn Bắc Ngâm, NVH thôn Na Ó, Hốc Đá xã Xuân Quang.

- **Xã có điểm vui chơi cho trẻ em:** Toàn huyện có 193/193 thôn, TP có sân gắn với nhà văn hóa thôn để phục vụ cho tập luyện TDTT cho trẻ em ngoài ra hệ thống sân bãi ngoài trời tập luyện TDTT cũng được quan tâm đầu tư xây dựng. Trên địa bàn huyện có 07 nhà thi đấu cầu lông có mái che, 01 sân vận động có khán đài, 13 sân cầu lông ngoài trời, 16 sân bóng chuyền, 09 sân bóng đá cỏ nhân tạo, 03 bể bơi, 02 khu thể thao ngoài trời tại 02 tiểu công viên thuộc thị trấn Phố Lu được trang bị dụng cụ TDTT để phục vụ hoạt động TDTT cho các cháu thiếu niên nhi đồng.

- Trung tâm văn hóa huyện phối hợp với các ngành hàng năm tổ chức từ 02 cuộc thi TDTT cho các cháu thiếu niên, nhi đồng như Đá cầu, Cầu lông, bóng đá tổ chức các cuộc thi văn nghệ, hội thi kể chuyện sách. Tổ chức các hoạt động tại chỗ với các loại hình câu lạc bộ bóng bàn; thể dục thẩm mỹ; văn nghệ quần chúng; mở các lớp năng khiếu; tổ chức vui chơi giải trí... phục vụ trẻ em trên địa bàn huyện.

- **Tổ chức khai thác hoạt động của các nhà văn hóa thôn:** Được quan tâm chỉ đạo, UBND huyện đã có hướng dẫn về việc xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban chủ nhiệm NVH thôn, theo đó các thôn đã thành lập Ban chủ nhiệm NVH thôn gồm: Chủ nhiệm là trưởng thôn. Các thành viên gồm: Trưởng ban công tác Mặt trận và các tổ chức đoàn thể như: Chi Hội CCB, chi Hội Phụ nữ, chi Hội Nông dân, chi Hội NCT, Đoàn Thanh niên, các thành viên được phân công phụ trách thành lập các loại hình CLB, đội văn nghệ - thể thao duy trì hoạt động các câu lạc bộ và tổ chức các hoạt động vui chơi cho trẻ em đạt hiệu quả cao. nhà văn hóa thôn đã phát huy được hiệu quả sinh hoạt như phát triển phong trào VH, TDTT. Toàn huyện có 125/143 NVH thôn thành lập đội, tổ nhóm văn nghệ, câu lạc bộ thơ; 115 đội thể thao duy trì hoạt động tại NVH. Ngoài ra NVH còn phát huy hiệu quả công tác tuyên truyền như phối hợp với đội tuyên truyền lưu động, chiếu phim lưu động các tổ đội văn nghệ quần chúng, các CLB để tổ chức hoạt động hội diễn, liên hoan văn nghệ, trung bình tổ chức 20 buổi/01 năm thu hút sự tham gia đông đảo của nhân dân. Tiêu biểu như nhà văn hóa thôn Trang Nùng, Bắc Ngâm xã Xuân Quang, Thôn Xả Hồ, An Hồ, Cốc Xâm xã Phong Niên, Thôn Phú Xuân, Hùng Thắng xã Gia Phú, Thôn Soi Chát, Đồng Tâm xã Sơn Hải, thôn Tả Hà 3, Khe Mụ xã Sơn Hà các thôn đều có các câu lạc bộ TDTT, đội văn nghệ bản sắc văn hóa hoạt động thường xuyên tại NVH và tham gia các hội thi hội diễn tại huyện đạt kết quả cao.

Đánh giá: Đến nay 11/11 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 6 (Cơ sở vật chất văn hóa) trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới.

f. Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

- Năm 2011, trên địa bàn huyện có 9 chợ nông thôn, diện tích bình quân cho 1 chợ khoảng 300 – 400 m². Số hộ kinh doanh cố định bình quân là 33 hộ/chợ và số người tham gia bán hàng trong chợ bình quân 110 người/chợ. Các

chợ đều chưa đạt tiêu chuẩn của Bộ Công thương.

- Sau 10 năm triển khai thực hiện chương trình xây dựng NTM, các xã đã đầu tư xây dựng mới 4 chợ (Xuân Giao, Sơn Hà, Phong Niên, Trì Quang); cải tạo, nâng cấp 9 chợ đồng bộ theo yêu cầu của tiêu chí. Đến nay, trên địa bàn huyện có 01 chợ hạng II và 14 chợ hạng III, 01 xã không có quy hoạch chợ (Xã Sơn Hải) có từ 5 - 7 cửa hàng kinh doanh dịch vụ có từ 150 đầu sản phẩm trở lên phục vụ nhu cầu tiêu dùng của nhân dân trên địa bàn xã. Hệ thống chợ và cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn đã góp phần chuyển đổi cơ cấu kinh tế, tạo việc làm cho lao động nông thôn, đáp ứng được nhu cầu mua bán, trao đổi hàng hóa của nhân dân trên địa bàn huyện, góp phần lưu thông hàng hóa, thúc đẩy kinh tế xã hội phát triển.

Đánh giá: Đến nay 11/11 xã (đạt 100%) số xã trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 7 (Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn) trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới.

g. Thông tin và truyền thông

100% xã có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ bưu chính của các tổ chức, cá nhân tại địa phương như nhận gửi bưu phẩm, bưu kiện, chuyển phát nhanh, phát hành báo, tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính theo Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ. Ngoài ra còn cung cấp các dịch vụ khác như: chuyển tiền nhanh, tiết kiệm bưu điện, chi trả lương hưu và BHXH, thu BHXH tự nguyện, các điểm phục vụ bưu chính có biển hiệu, có nhân viên phục vụ và thùng thư công cộng hoạt động theo quy định.

100% xã có khả năng đáp ứng về dịch vụ viễn thông và Internet đảm bảo theo yêu cầu của tiêu chí. Hạ tầng viễn thông của các nhà cung cấp dịch vụ internet đạt chuẩn về chất lượng dịch vụ, đáp ứng tốt nhu cầu sử dụng của khách hàng, đảm bảo hoạt động ổn định. 100% xã có hạ tầng kỹ thuật viễn thông đạt chuẩn về chất lượng dịch vụ đáp ứng nhu cầu của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn. Bình quân toàn huyện có 72% số hộ gia đình đã sử dụng internet để truy cập thông tin (mạng internet băng thông rộng, 3G, 4 G).

100% xã, thị trấn trong có Đài truyền thanh cấp xã, 100% thôn, tổ dân phố có cụm loa truyền thanh (465 cụm loa, trung bình 2,4 cụm loa/1 thôn, tổ dân phố) Đối với 11 xã nông thôn mới có 145 thôn thì có 354 cụm loa (trung bình 2.5 cụm loa/thôn). Các xã thực hiện nghiêm túc việc tiếp sóng Đài 3 cấp và truyền tải các thông tin quản lý, điều hành của địa phương. Đài truyền thanh các xã hoạt động ổn định, thường xuyên đổi mới nội dung tuyên truyền phù hợp với mục đích, tình hình kinh tế - chính trị của huyện, của xã. Toàn bộ các thôn có hệ thống loa, cụm loa ngoài trời đặt tại địa bàn thôn đảm bảo 99,9 % số hộ gia đình của các thôn nghe được các thông tin tuyên truyền về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước và các thông tin về tình hình thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương.

100% số xã trong huyện có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và điều hành; hệ thống quản lý văn bản và điều hành công việc hoạt

động thông suốt từ huyện đến cơ sở (phần mềm quản lý văn bản và điều hành, Igate, thư điện tử và nhiều phần mềm ứng dụng khác). 100% các xã, công chức cấp huyện, cấp xã đã được cấp hòm thư điện tử công vụ và sử dụng thành thạo, tạo thuận lợi cho việc quản lý, điều hành và giải quyết công việc. Tổng số máy tính/cán bộ, công chức đạt 100%; tỷ lệ máy tính kết nối Internet đạt 98%, 2% máy tính không nối mạng được sử dụng cho soạn thảo các văn bản mật.

Đánh giá: 11/11 xã (đạt 100%) số xã trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 8 (Thông tin và truyền thông) trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới.

h. Nhà ở dân cư

Từ năm 2011 đến nay, đã hỗ trợ cho 241 hộ nghèo xóa nhà tạm, nhà dột nát; hỗ trợ 150 hộ người có công xây mới, sửa chữa nhà ở bằng nguồn ngân sách từ Trung ương và tỉnh cấp. Bên cạnh đó huyện kêu gọi từ các tổ chức, cá nhân những nhà hảo tâm để xây dựng nhà tình nghĩa cho các hộ gia đình chính sách và hộ nghèo, hỗ trợ hộ nghèo vay vốn cải thiện nhà ở từ Ngân hàng chính sách xã hội, quỹ vì người nghèo...; Tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân các xã chủ động chỉnh trang, xây mới, cải tạo, nâng cấp nhà ở, công trình rừng, vườn, ao, chuồng trại chăn nuôi theo tiêu chí “3 sạch”. Từ đó, nhà ở nông thôn đã có sự thay đổi vượt bậc. Năm 2011, tỷ lệ nhà ở dân cư đạt chuẩn chiếm tỷ lệ 85,9%, đến nay tỷ lệ nhà ở dân cư đạt chuẩn chiếm 97,8%; trên địa bàn huyện không còn nhà tạm, nhà dột nát.

Đánh giá: Đến nay 11/11 xã (đạt 100%) số xã trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 9 (Nhà ở dân cư) trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới.

2.3. Phát triển sản xuất nâng cao thu nhập cho người dân

a. Về sản xuất nông lâm nghiệp, thủy sản

Huyện Bảo Thắng là huyện vùng thấp của tỉnh Lào Cai, dân số chiếm khoảng 67%. Đối với sản xuất nông lâm nghiệp những năm trước đây nhận thức của Nhân dân còn hạn chế, nhất là trong sản xuất phát triển kinh tế ở khu vực nông thôn, chủ yếu sản xuất theo truyền thống, nhỏ lẻ, tự cung tự cấp, chưa có các vùng sản xuất chuyên canh hàng hóa tập trung, các loại sản phẩm hàng hóa chủ lực, các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, giá trị và hiệu quả trong sản xuất nông lâm nghiệp còn thấp, chưa khai thác và phát huy hết được tiềm năng và thế mạnh của huyện trong phát triển kinh tế nông lâm nghiệp.

Với mục tiêu là nâng cao thu nhập, chất lượng đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân, trong 10 năm qua huyện Bảo Thắng đã tập trung chỉ đạo tổ chức thực hiện phát triển sản xuất để nâng cao thu nhập cho Nhân dân, đặc biệt ở khu vực nông thôn. Do vậy, ngay từ đầu nhiệm kỳ, UBND huyện tham mưu Huyện ủy xây dựng các Đề án, Kế hoạch giai đoạn, hàng năm triển khai kế hoạch thực hiện đảm bảo thực hiện thắng lợi mục tiêu Đề án đề ra. Trong đó, tập trung thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng NTM của tỉnh Lào Cai một cách có hiệu quả, bền vững, trong đó nhiệm vụ trọng tâm là thực hiện việc cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp, thực hiện đồng bộ các giải pháp tái cơ cấu nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị và hiệu quả sản xuất.

Quy hoạch các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa chuyên canh tập trung

phù hợp với điều kiện sản xuất và lợi thế của huyện, tổ chức vận động Nhân dân thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi kém hiệu quả sang nuôi, trồng những giống cây trồng, vật nuôi có hiệu quả kinh tế cao hơn; đồng thời phát triển mở rộng quy mô diện tích cây trồng, vật nuôi có giá trị và hiệu quả phù hợp với điều kiện sản xuất để nâng cao giá trị, hiệu quả sản xuất, tạo ra những vùng sản xuất hàng hóa với khối lượng sản phẩm lớn. Tổ chức lại sản xuất, thành lập mới và củng cố hoạt động của các hợp tác xã, tổ hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp theo Luật Hợp tác xã năm 2012 và theo hướng kinh doanh dịch vụ đa ngành; là đầu mối liên kết với doanh nghiệp trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp chủ lực của huyện theo chuỗi giá trị. Đổi mới và xây dựng các mô hình phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng áp dụng tiến bộ kỹ thuật, liên kết chuỗi sản xuất, nâng cao giá trị sản phẩm và phát triển bền vững. Đẩy mạnh việc thực hiện phát triển các sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản chủ lực của huyện, ứng dụng khoa học công nghệ, xây dựng liên kết sản xuất, xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, chứng nhận chất lượng sản phẩm nông sản.

Sau 10 năm tổ chức thực hiện các Chương trình, Đề án và thực hiện đồng bộ các giải pháp tái cơ cấu nông nghiệp theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng gắn với xây dựng nông thôn mới. Đến nay, sản xuất nông nghiệp tại các xã trên địa bàn huyện phát triển toàn diện và có bước đột phá rõ nét trong chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi tạo ra các vùng sản xuất hàng hóa và sản phẩm chủ lực có giá trị, hiệu quả kinh tế và sức cạnh tranh cao trên thị trường như: Sản phẩm chè; bưởi Múc; Quế; gà, thủy sản...

Hiện nay trên địa bàn huyện có 11/11 xã đã xây dựng và phát triển các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm; Xây dựng thương hiệu, chứng nhận chất lượng sản phẩm, nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm nông sản như: Vùng sản xuất lương thực có hạt ở 14 xã, thị trấn, diện tích trên 8.200 ha; sản lượng trên 40.000 tấn/năm; vùng chè 858 ha tập trung tại xã Phú Nhuận, thị trấn Phong Hải, sản lượng 6.787 tấn; vùng cây ăn quả 2.694 ha, sản lượng trên 26.000 tấn tập trung tại các xã Xuân Quang, Thái Niên, Phong Niên..., vùng Quế 7.384 ha tập trung tại xã Sơn Hà; Phú Nhuận, thị trấn Phong Hải, sản lượng trên 100.000 lít tinh dầu quế/năm; vùng gỗ nguyên liệu trên 15.000 ha tập trung nhiều tại các xã Thái Niên; Sơn Hải; Sơn Hà..., tỷ lệ che phủ rừng đạt 55,1%; vùng sản xuất rau an toàn trên 2.500 ha, sản lượng trên 43.000 tấn tại tập trung tại xã Gia Phú; Sơn Hải, Thái Niên...

Trong sản xuất chăn nuôi đã cơ bản chuyển đổi từ chăn nuôi nhỏ lẻ sang chăn nuôi hàng hóa quy mô tập trung đảm bảo an toàn dịch bệnh. Công tác phòng, chống dịch bệnh được tăng cường. Toàn huyện có 110 trang trại, trong đó có 98 trang trại chăn nuôi tập trung. Đã có các mô hình chăn nuôi liên kết sản xuất giữa các tổ hợp tác hộ chăn nuôi, Hợp tác xã chăn nuôi với các đơn vị cung cấp giống, thức ăn chăn nuôi và tiêu thụ sản phẩm gà thịt tại các xã Sơn Hà, Xuân Quang... tạo thành chuỗi liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm bền vững. Tổng đàn gia súc chủ yếu đạt 148.565 con, đàn gia cầm trên 1.973.000 con, sản lượng thịt

hời xuất chuồng năm 2020 ước đạt 27.325 tấn tăng 19.687 tấn so với năm 2010. Đẩy mạnh phát triển thủy sản theo hướng bán thâm canh, diện tích nuôi cá ao hồ 754 ha; sản lượng 3.200 tấn, tăng 2.049 tấn so với năm 2010.

Đã xây dựng và phát triển các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm; ứng dụng khoa học công nghệ, xây dựng thương hiệu, chứng nhận chất lượng sản phẩm, nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm nông sản. Điển hình là chuỗi liên kết phát triển sản xuất, tiêu thụ sản phẩm từ lợn của Hợp tác xã chăn nuôi gia súc, gia cầm Quý Hiền, xã Sơn Hà phối hợp với các thành viên HTX, các Doanh nghiệp, Trường học, nhà hàng trên địa bàn tỉnh liên kết cung ứng, tiêu thụ trên 1.200 tấn thịt lợn/năm, doanh thu bình quân 80.000 triệu đồng/năm, lợi nhuận bình quân trên 10.000 triệu đồng/năm. Chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ gia cầm của Hợp tác xã chăn nuôi gia súc, gia cầm Xuân Tiến phối hợp với các thành viên Hợp tác xã, các hộ dân trên địa bàn xã Xuân Quang, Công ty DABACO liên kết, cung ứng, tiêu thụ trên 33 tấn gia cầm. Tổng doanh thu 18.810 triệu đồng, lợi nhuận trên 3.762 triệu đồng, tạo việc làm cho gần 20 lao động. Chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ chè của Công ty Chè cổ phần Phong Hải liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm chè với các tổ, nhóm, người dân trồng chè trên địa bàn huyện, hàng năm liên kết tiêu thụ sản phẩm chè trên 6.700 tấn, tổng doanh thu đạt trên 44.115 triệu đồng. Chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ quả dứa đối với 2 Tổ hợp tác xã Bản Phiệt. Công ty Cổ phần thực phẩm Á Châu phối hợp với 2 tổ hợp tác xã Bản Phiệt liên kết, tiêu thụ 10 ha dứa, sản lượng 260 tấn cho 80 hộ dân thôn Nậm Sưu, Nậm Sò, xã Bản Phiệt, doanh thu bình quân 1.300 triệu đồng/năm, lợi nhuận bình quân 105 triệu đồng/1ha/năm. Chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ Sả đối với HTX Minh Ngọc, xã Phong Niên, HTX trồng và chiết xuất, kinh doanh tinh dầu xả JaVa thôn Làng Trung, xã Trì Quang, liên kết trồng và tiêu thụ sản phẩm cho trên 40 hộ dân với diện tích trên 40 ha, sản lượng đạt trên 720 tấn lá /năm (tương đương 7.200 lít tinh dầu), tổng doanh thu bình quân 2.880 triệu đồng, bình quân đạt 72 triệu đồng/ha, lợi nhuận 52 triệu đồng/ha. Chuỗi liên kết sản xuất tiêu thụ thủy sản đối với HTX Thủy Sản thị trấn Phong Hải liên kết cung ứng giống, tiêu thụ sản phẩm cho các hộ dân trên địa bàn huyện, diện tích trên 12 ha, sản lượng đạt trên 130 tấn, doanh thu bình quân 4.810 triệu đồng/năm, lợi nhuận bình quân khoảng 200 triệu đồng/ha/năm.

Xây dựng các sản phẩm OCOP, trọng tâm là các sản phẩm chủ lực: Quả Na, quả bưởi; Quế, rau an toàn, gà thương phẩm, mật ong, sản phẩm đồ uống...

Những kết quả trong phát triển sản xuất đã góp phần tăng nhanh giá trị sản xuất ngành nông nghiệp, giá trị sản phẩm bình quân 1 ha đất canh tác tăng từ 38,99 triệu đồng/ha (năm 2010) lên 95 triệu đồng/ha (năm 2020), tăng 56,01 triệu đồng/1ha canh tác; thu nhập bình quân của người dân đạt 48,3 triệu đồng, tăng 35,5 triệu đồng so với năm 2010, giúp nhiều hộ dân thoát nghèo, nhiều hộ dân làm giàu, Nhân dân chủ động tích cực phát triển kinh tế, chuyển đổi cây trồng, vật nuôi theo hướng nâng cao giá trị, hiệu quả sản xuất.

b. Về hình thức tổ chức sản xuất trong nông nghiệp.

- Giai đoạn 2011 - 2015, trên địa huyện Bảo Thắng có tổng số 27 hợp tác xã, trong đó có 18 HTX đang hoạt động (11 HTX được đánh giá hoạt động xếp loại khá) và 09 HTX ngừng hoạt động. Các hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực, gồm: Nông lâm nghiệp 08 HTX; Công nghiệp có 06 HTX; Xây dựng có 1 HTX; Dịch vụ, thương mại có 6 HTX; 06 HTX vận tải. Tổng số thành viên HTX là 268 thành viên; Vốn điều lệ 37,054 tỷ đồng; Doanh thu bình quân của HTX đạt 483 triệu đồng/HTX; Lợi nhuận bình quân của HTX đạt 30 triệu đồng/HTX; Thu nhập bình quân của người lao động đạt 35 triệu đồng/người/năm; số nộp ngân sách Nhà nước trên 0,564 tỷ đồng.

- Giai đoạn 2016-2020: Tính đến hết ngày 20/11/2020, huyện Bảo Thắng thành lập được 54 HTX, tăng 26 HTX so với năm 2011; Thực tế đến thời điểm báo cáo chỉ còn 31 HTX, trong đó có 24 HTX đang hoạt động trên các lĩnh vực: 15 HTX Nông nghiệp; 02 HTX Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp, 05 HTX Vận tải; 02 HTX Thương mại - Dịch vụ; 07 HTX đang tạm dừng hoạt động (trong đó có 04 HTX bắt đầu tạm dừng hoạt động từ 01/01/2020 để tái cơ cấu sản xuất, 03 HTX đang hoàn thiện các thủ tục để giải thể); Đã thực hiện thu hồi, giải thể 23 HTX. Tổng số thành viên HTX tại thời điểm 20/11/2020: 532 người, tăng 264 thành viên so với thời điểm 31/12/2015, số thành viên là cá nhân, hộ gia đình 532; trong đó số thành viên thực tế còn 233 người/ 24 HTX đang hoạt động, trong đó thành viên mới gia nhập HTX năm 2020 là 38 người/4 HTX. Tổng số lao động làm việc thường xuyên trong hợp tác xã trên 275 người, trong đó số lao động đồng thời là thành viên của hợp tác xã 272 người. Tổng số vốn hoạt động, giá trị tài sản của HTX (tại thời điểm 20/11/2020) trên 116,223 tỷ đồng. Ước doanh thu bình quân của hợp tác xã tại năm 2020 đạt 476,9 triệu đồng/HTX. Thu nhập bình quân của thành viên, người lao động đạt từ 6-7 triệu đồng/người/tháng.

Điển hình các HTX hoạt động có hiệu quả năm 2020 chủ yếu trên lĩnh vực nông nghiệp như:

+ HTX chăn nuôi gia súc, gia cầm Quý Hiền: Địa chỉ thôn Tả Hà 2, xã Sơn Hà, với quy mô 34 thành viên tham gia, tổng vốn điều lệ HTX: 200.000 triệu đồng, với doanh thu của hợp tác xã: 6.324 triệu đồng, thu nhập bình quân của một thành viên HTX là: 15,5 triệu đồng.

+ HTX chăn nuôi gia súc, gia cầm Xuân Tiến: Địa chỉ thôn Làng Bông xã Xuân Quang, với quy mô 15 thành viên tham gia, tổng vốn điều lệ HTX: 1.560 triệu đồng, với doanh thu của hợp tác xã: 2.700 triệu đồng/năm, thu nhập bình quân của một thành viên HTX là: 15,5 triệu đồng/tháng.

+ HTX sản xuất và kinh doanh thủy sản Phong Hải: Địa chỉ tổ dân phố số 5, thị trấn Phong Hải, với quy mô 15 thành viên tham gia, tổng vốn điều lệ: 1.140 triệu đồng, với doanh thu của hợp tác xã: 1.440 triệu đồng/ năm, thu nhập bình quân của một thành viên HTX là: 8 triệu đồng/ tháng.

+ HTX nông sản dược liệu Mạnh Hương: Địa chỉ thôn Bản Bay, xã Gia Phú, với quy mô 7 thành viên tham gia, tổng vốn điều lệ HTX: 1.500 triệu đồng,

với doanh thu của hợp tác xã: 672 triệu đồng/năm, thu nhập bình quân của một thành viên HTX là: 8 triệu đồng/tháng.

+ HTX Bưởi Múc xã Thái Niên: Địa chỉ thôn Làng Múc, xã Thái Niên, với quy mô 28 thành viên tham gia, tổng vốn điều lệ HTX: 500 triệu đồng, với doanh thu của hợp tác xã: 2.016 triệu đồng/năm, thu nhập bình quân của một thành viên HTX là: 6 triệu đồng/tháng.

- Tình hình chuyển đổi, đăng ký lại HTX theo Luật HTX năm 2012: Các HTX đã thực hiện đăng ký, chuyển đổi hoạt động theo đúng Luật hợp tác xã năm 2012. Toàn huyện có 54 HTX, trong đó có 33 HTX thành lập theo Luật HTX 2012 và 21 HTX thành lập trước thời điểm Luật HTX 2012 có hiệu lực. Hiện tại đã thực hiện chuyển đổi hoạt động, đăng ký lại theo đúng Luật hợp tác xã năm 2012 được 07 HTX, còn 14 HTX không thực hiện chuyển đổi đăng ký lại do đã ngừng hoạt động và đã hoàn thiện các thủ tục giải thể, thu hồi.

- Qua 10 năm (2011-2020) thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới, hoạt động của các HTX sau chuyển đổi và thành lập mới theo Luật HTX năm 2012 đã có nhiều tiến bộ, đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới. Nhiều HTX hoạt động có hiệu quả, phát huy tốt những tiềm năng, thế mạnh của địa phương, các hợp tác xã đã từng bước củng cố, đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Hoạt động của nhiều HTX đa dạng hơn, theo xu hướng sản xuất kinh doanh tổng hợp gắn với tiêu thụ sản phẩm và dịch vụ phục vụ lợi ích cho HTX và xã viên. Các HTX thành lập mới tuân thủ theo các quy định của Luật HTX năm 2012, do đó đã phát huy vai trò tự chủ độc lập trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Các HTX nông nghiệp trên địa bàn huyện đang từng bước khẳng định được vai trò trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương, một số HTX bước đầu đã khẳng định được vị trí trong việc phát triển sản xuất hàng hóa, phát huy được lợi thế, các tiến bộ khoa học kỹ thuật từng bước được áp dụng; quy mô sản xuất được mở rộng và đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh. Nhiều HTX đã năng động và tư duy sáng tạo hơn trong việc quản lý cũng như hoạt động của mình như HTX chăn nuôi Quý Hiền đã chủ động liên doanh, liên kết với nhiều Viện nghiên cứu; các công ty giống, vật tư nông nghiệp xây dựng vùng sản xuất hàng hóa tập trung, tạo ra sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường, ngoài ra còn tích cực tham gia các hoạt động xã hội - từ thiện ở địa phương. Một số HTX đã tích cực tìm hiểu thị trường, liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp trong việc tiêu thụ sản phẩm cũng như tạo việc làm, thu nhập ổn định cho xã viên.. Số lượng HTX tăng từng năm, cụ thể năm 2015 là 09 HTX, ước hết năm 2020 là 31 HTX. Một số HTX hoạt động hiệu quả như HTX chăn nuôi gia súc, gia cầm Xuân Tiến; HTX chăn nuôi Quý Hiền; HTX Thủy sản thị trấn Phong Hải; HTX bưởi Múc xã Thái Niên; HTX ứng dụng công nghệ cao Gia Phú. Thu nhập của người lao động bình quân đạt 6 - 7,5 triệu đồng/tháng.

Đánh giá: Đến nay 11/11 xã (đạt 100%) số xã trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 13 (Tổ chức sản xuất) trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới.

c. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề dịch vụ

- Xác định phát triển sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp là trọng tâm trong phát triển kinh tế, động lực cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, huyện đã khuyến khích, quan tâm, tạo điều kiện, ưu tiên cho các thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp có sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, sử dụng nhiều lao động, chế biến sâu các sản phẩm giá trị gia tăng lớn, tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường vào địa bàn. Trong giai đoạn 2011-2019 thu hút được nhiều dự án đầu tư có quy mô lớn, công nghệ cao và tạo việc làm cho nhiều lao động ở một số lĩnh vực có lợi, tiềm năng của huyện; một số dự án đầu tư sản xuất công nghiệp đã hoàn thành và đi vào hoạt động tạo ra sản phẩm mới có giá trị kinh tế cao như Graphit, sản phẩm thép hộp, thép ống, quần áo may gia công xuất khẩu, quặng cầu viên ... đã làm gia tăng thêm giá trị sản xuất ngành công nghiệp. Thực hiện tốt các chính sách cho phát triển công nghiệp trên địa bàn: hỗ trợ khuyến công, đào tạo và cung ứng nguồn lao động, quảng bá giới thiệu sản phẩm công nghiệp chế biến, quan tâm quy hoạch và xây dựng khu, cụm công nghiệp.

- Sản xuất công nghiệp - TTCN trên địa bàn huyện trong những năm qua có mức tăng trưởng cao, tạo bước phát triển theo hướng ổn định và hiệu quả. Huyện xác định phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ là khâu đột phá nhằm đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu, phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp hóa. Vì vậy, nhiệm vụ phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp được huyện hết sức quan tâm. Trên địa bàn huyện hiện có 01 khu công nghiệp với diện tích quy hoạch là 1.300 ha, tổng mức đầu tư trên 1.000 tỷ đồng; 04 cụm công nghiệp với diện tích quy hoạch trên 40 ha. Bên cạnh đó, trên địa bàn toàn huyện có 265 cơ sở sản xuất kinh doanh giải quyết việc làm cho trên 4.000 lao động có thu nhập ổn định. Năm 2020, giá trị sản xuất ngành công nghiệp (theo giá thực tế) đạt 750 tỷ đồng. Huyện Bảo Thắng đang tiếp tục mở rộng, thành lập mới 02 cụm công nghiệp tại Phong Niên, Thái Niên, tích cực xúc tiến kêu gọi đầu tư, thu hút đầu tư phát triển sản xuất tại các cụm công nghiệp đã được UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch.

- Các cơ sở sản xuất công nghiệp - TTCN đã nỗ lực tìm kiếm thị trường tiêu thụ, đổi mới dây chuyền công nghệ, tăng quy mô sản xuất, đa dạng hóa sản phẩm theo hướng ưu tiên cho xuất khẩu, sản lượng một số sản phẩm chủ yếu dự ước năm 2020: chè khô chế biến đạt 500 tấn; tinh dầu quế 38 tấn; gỗ xẻ thanh, gỗ bao bì đạt 6.900 m³; gỗ ván bóc 58.000 m³; gỗ ván dán Okan 13.500 m³; ván ghép thanh 2.000m³; quặng sắt chế biến 47.000 tấn; khai thác cát, sỏi 15.500 m³; graphit các loại 12.500 tấn; thép hộp, thép ống 17.500 tấn.

- Hoạt động thương mại, dịch vụ trên địa bàn huyện trong những năm qua tiếp tục được mở rộng và phát triển. Cơ sở hạ tầng thương mại, dịch vụ được đầu tư có hiệu quả, hoạt động mua, bán lưu thông hàng hóa ngày càng sôi động tại các chợ với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế. Kinh doanh thương mại theo hướng hiện đại bắt đầu phát triển, đặc biệt hình thành mạng lưới các cửa hàng bán lẻ với nhiều loại mặt hàng có quy mô ngày càng lớn. Các loại hình

dịch vụ vận tải, viễn thông, ăn uống, tín dụng phát triển rộng khắp; một số điểm có tiềm năng về phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí đã được một số nhà đầu tư quan tâm tìm hiểu, khảo sát và lập dự án đầu tư.

d. Lao động có việc làm

Năm 2011, toàn huyện có 69.336 người trong độ tuổi lao động, trong đó: Số người trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động là 69.014 người; số người trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động có việc làm là 65.218 người, đạt tỷ lệ 94,5% đánh giá đạt so với tiêu chí.

Kết quả thực hiện đến năm 2020: Công tác đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm cho lao động nông thôn được các cấp các ngành quan tâm, từ năm 2011 đến nay đã đào tạo nghề cho 30.798 lao động, trong đó: Đào tạo nghề theo Quyết định 1956 là 2.956 lao động; đào tạo xã hội hóa 27.842 lao động. Bình quân mỗi năm số lao động được tạo việc làm mới 2.455 người, trong đó: Lao động làm việc tại địa phương 940 người, lao động trong tỉnh 730 người, lao động ngoài tỉnh 635 người, xuất khẩu lao động 150 người; từ đó tạo thêm việc làm mới tăng thu nhập và nâng cao thu nhập và đời sống cho người dân nông thôn, góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 31,90% năm 2011 xuống còn 6,91% (tỷ lệ hộ nghèo không thuộc đối tượng chính sách bảo trợ xã hội là 4,63%).

- Bên cạnh công tác giải quyết việc làm gắn liền với đào tạo nghề, hàng năm huyện đã chỉ đạo Phòng Lao động- thương binh và xã hội phối hợp với Ngân hàng chính sách thẩm định cho vay vốn từ quỹ quốc gia giải quyết việc làm với số tiền trên 5 tỷ đồng của 140 dự án; đã giải quyết việc làm mới cho 400 lao động/năm; ngoài ra còn khuyến khích tự tạo việc làm linh hoạt ở gia đình, địa phương.

- Đến nay số lao động có việc làm thường xuyên trên địa bàn huyện là 70.045/72.383 lao động trong độ tuổi có khả năng lao động, đạt tỷ lệ 96,77%.

(Chi tiết tại phụ lục 9 đính kèm)

Đánh giá: Đến nay 11/11 xã (đạt 100%) số xã trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 12 (Lao động có việc làm) trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới.

e) Về thu nhập và tỷ lệ hộ nghèo.

* *Về thu nhập:* Năm 2011, bình quân thu nhập đầu người toàn huyện mới đạt 11,2 triệu đồng/người/năm. Được sự chỉ đạo quyết liệt của Huyện ủy, UBND huyện đã tập trung các giải pháp, huy động tối đa mọi nguồn lực để phát triển các lĩnh vực: nông, lâm nghiệp, thủy sản, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ... từ đó nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn. Năm 2020, thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn trên địa bàn huyện như sau:

- Tổng thu nhập từ các nguồn của 11 xã trên địa bàn huyện: 3.361.912 triệu đồng. Trong đó:

+ Thu nhập từ nông, lâm nghiệp, thủy sản: 1.338.490 triệu đồng (nông nghiệp 1.160.253 triệu đồng; lâm nghiệp: 127.076 triệu đồng; thủy sản 51.161 triệu đồng).

+ Thu nhập từ sản xuất phi nông, lâm nghiệp, thủy sản: 449.896 triệu đồng (Doanh nghiệp, HTX 32.372 triệu đồng; hộ sản xuất kinh doanh cá thể 417.524 triệu đồng).

+ Thu nhập từ tiền công, tiền lương và các khoản thu nhập hợp pháp khác: 1.573.526 triệu đồng.

- Nhân khẩu thực tế thường trú năm 2020 của 11 xã trên địa bàn huyện là: 79.690 người.

- Thu nhập bình quân đầu người/năm của 11 xã trên địa bàn huyện năm 2019 là 37,83 triệu đồng; 2020 là 42,19 triệu đồng.

(Chi tiết tại phụ lục 10 đính kèm)

Đánh giá: 100% số xã trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 10 (Thu nhập) trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới.

** Về tỷ lệ hộ nghèo*

+ Năm 2011 khi bắt tay thực hiện chương trình xây dựng NTM, toàn huyện có 8.335 hộ nghèo/26.129 hộ, chiếm tỷ lệ 31,90%. Trong những năm qua Huyện ủy, HĐND, UBND huyện luôn quan tâm, chỉ đạo việc thực hiện chính sách an sinh xã hội gắn với Chương trình xây dựng NTM, đã huy động được nhiều nguồn lực của toàn xã hội để trợ giúp, hỗ trợ cho các hộ nghèo, cận nghèo, giải quyết việc làm, ưu đãi người có công, trợ giúp xã hội; xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng thiết yếu ở địa phương; với nỗ lực trong tổ chức thực hiện, công tác an sinh xã hội ngày càng được bảo đảm tốt hơn, góp phần quan trọng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện Bảo Thắng. Các chính sách và giải pháp giảm nghèo được các cấp ủy đảng, chính quyền từ huyện đến các xã, thị trấn quan tâm triển khai đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực như: Giúp hộ nghèo tiếp cận dạy nghề, hỗ trợ về nhà ở không an toàn; hỗ trợ phát triển sản xuất thông qua các chính sách vay vốn để phát triển ngành nghề...nâng cao thu nhập cho người lao động. Làm tốt công tác tuyên truyền, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của người lao động để xây dựng kế hoạch đào tạo nghề, giải quyết việc làm, chỉ đạo các đoàn thể phân công hội viên giúp đỡ hộ nghèo để phát triển kinh tế. Bằng sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động về chính sách dạy nghề, tạo việc làm, giúp đỡ hộ nghèo tiếp thu và áp dụng khoa học kỹ thuật trong phát triển kinh tế hộ gia đình để từng bước vươn lên thoát nghèo một cách bền vững.

+ Kết quả thực hiện hỗ trợ cho hộ nghèo:

Hỗ trợ về nhà ở: Giai đoạn 2011 – 2020 thực hiện chính sách hỗ trợ về nhà ở theo Quyết định số 33 của Chính phủ đã hỗ trợ cho 152 hộ xóa nhà dột nát với tổng kinh phí hỗ trợ 3,8 tỷ đồng; chính sách hỗ trợ nhà ở từ quỹ vì người nghèo 269 nhà với kinh phí gần 4 tỷ đồng.

Hỗ trợ về tiền điện: Tổng số lượt hộ nghèo được hỗ trợ tiền điện từ năm 2011 đến năm 2019 là 53.292 lượt hộ, kinh phí hỗ trợ trên 23 tỷ đồng.

Công tác thăm hỏi tặng quà các đối tượng hộ nghèo nhân dịp tết Nguyên Đán hàng năm được huyện quan tâm. Trong 9 năm qua đã trao tặng trên

25.000 xuất quà, trị giá trên 7 tỷ đồng; Gạo cứu đói cho 2.729 hộ, 28.469 khẩu, kinh phí 1,8 tỷ đồng. Có thể khẳng định các chính sách, dự án thuộc chương trình giảm nghèo bền vững gắn với chương trình xây dựng NTM đã được triển khai lồng ghép với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, đã cải thiện khả năng tiếp cận của người nghèo đối với các dịch vụ sản xuất, dịch vụ xã hội; nhận thức, năng lực trách nhiệm về công tác giảm nghèo của các cấp, các ngành từ huyện đến cơ sở được nâng lên, tạo được những bước đột phá quan trọng trong công tác giảm nghèo; đã có nhiều mô hình giảm nghèo hiệu quả đã được nhân rộng. Công tác vận động xây dựng “Quỹ vì người nghèo” đã được các cấp, các ngành, các tổ chức, doanh nghiệp, các nhà hảo tâm hỗ trợ; đã huy động được nội lực trong nhân dân cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân ngày càng được cải thiện, số hộ nghèo được thụ hưởng những kết quả trong lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội ngày càng nhiều, đã giúp hộ nghèo có điều kiện phát triển sản xuất, tăng thu nhập, ổn định đời sống, góp phần quan trọng vào ổn định chính trị - trật tự xã hội khu vực nông thôn. Nhờ làm tốt công tác giảm nghèo và an sinh xã hội, nên tỷ lệ hộ nghèo hàng năm đều giảm; đến năm 2019 toàn huyện còn 2.165 hộ nghèo/31.336 hộ, tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 6,91% (tỷ lệ hộ nghèo không thuộc đối tượng chính sách bảo trợ xã hội là 4,63%). **Dự ước đến hết năm 2020 số hộ nghèo còn lại là 592 hộ, tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 2,03% (không bao gồm hộ nghèo bảo trợ xã hội)**

(Chi tiết tại phụ lục 11 đính kèm)

Đánh giá: Đến nay 11/11 xã (đạt 100%) số xã trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 11 (Hộ nghèo) trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới.

2.4. Về phát triển giáo dục, y tế, văn hóa và bảo vệ môi trường

a) Về giáo dục và đào tạo

Thời điểm năm 2010, trên địa bàn huyện 15/15 xã, thị trấn đều duy trì tốt công tác PCGD tiểu học đúng độ tuổi, chống mù chữ và Phổ cập THCS, chưa có xã nào đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS tiếp tục theo học các loại hình THPT, Trung tâm GDNN&GDTX, trung cấp và học nghề đạt 67,3%.

Đến năm 2020, toàn huyện có 14/14 xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập cho trẻ mầm non 5 tuổi; 14/14 xã, thị trấn phổ cập giáo dục Tiểu học đạt mức độ 3; phổ cập giáo dục THCS mức độ 2 có 3/14 xã, thị trấn, mức độ 3 có 11/14 xã, thị trấn. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS tiếp tục theo học các loại hình THPT, Trung tâm GDNN&GDTX, trung cấp và học nghề là 85,9%.

Số người trong độ tuổi lao động có việc làm qua đào tạo là 35.798/ 70.045 lao động có việc làm thường xuyên, đạt tỷ lệ 51,11%.

Đánh giá: 100% số xã trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 14 (Giáo dục) trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới.

b. Về y tế

- Hiện trạng y tế xã năm 2011: Toàn huyện có 15 trạm y tế xã, 03 phòng khám đa khoa khu vực. Số bác sỹ công tác tại các trạm Y tế 06 người; 100% số

thôn có nhân viên y tế hoạt động, 11 cán bộ chuyên trách dân số. Về cơ sở vật chất các Trạm y tế xã xuống cấp, thiếu phòng làm việc chưa đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Tỷ lệ người dân nông thôn tham gia các hình thức bảo hiểm y tế năm 2011 đạt 80%. Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) là 24,11%.

- Sau 10 năm thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới, Huyện ủy, HĐND, UBND huyện đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đầu tư, nâng cấp về cơ sở vật chất, hiện đại hóa hệ thống trang thiết bị y tế cho các trạm Y tế xã; đẩy mạnh triển khai các kỹ thuật mới chuyên sâu; ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý sức khỏe có hiệu quả; quan tâm nâng cao trình độ chuyên môn, y đức cho đội ngũ cán bộ Y tế xã hướng đến nâng cao chất lượng phục vụ người bệnh; công tác tuyên truyền cho người dân tham gia bảo hiểm y tế được trú trọng. Kết quả đạt được như sau:

- Kết quả thực hiện nhiệm vụ, công tác: Cùng cố hoàn thiện hệ thống mạng lưới y tế cơ sở phát triển hiệu quả bền vững; không ngừng nâng cao chất lượng các dịch vụ khám, chữa bệnh đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng và đa dạng của nhân dân; giảm tỷ lệ mắc bệnh, tử vong, nâng cao thể lực, tăng tuổi thọ và cải thiện chất lượng cuộc sống; phấn đấu để mọi người dân được cung cấp dịch vụ y tế cơ bản, có điều kiện tiếp cận và sử dụng các dịch vụ Y tế có chất lượng, các thành tích nổi bật đó là:

+ Hệ thống tổ chức bộ máy được củng cố theo chủ trương của cấp trên nhằm triển khai đồng bộ và hiệu quả nhiệm vụ công tác chuyên môn và nâng cao năng lực công tác. Không ngừng “*Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế hướng tới sự hài lòng của người bệnh*” nhằm thay đổi nhận thức, thái độ, phong cách phục vụ người bệnh của cán bộ y tế, rèn luyện kỹ năng giao tiếp, ứng xử, nâng cao tinh thần, thái độ phục vụ, giữ vững niềm tin và sự hài lòng của người bệnh, xây dựng hình ảnh đẹp của người cán bộ y tế tác phong và chuyên nghiệp.

+ Hoàn thành chỉ tiêu xây dựng xã đạt Tiêu chí Quốc gia về y tế xã và các tiêu chí NTM do ngành y tế phụ trách 14/14 xã, thị trấn, đạt 100%; Triển khai thực hiện tốt các chương trình y tế mục tiêu, các chỉ tiêu chuyên môn đề ra cơ bản đều đạt tiến độ so với kế hoạch.

+ Hoàn thiện “Cải tiến chất lượng Bệnh viện” được Sở Y tế đánh giá cao về sự phát triển toàn diện, xu thế và bền vững lồng ghép thực hiện đổi mới phong cách, môi trường làm việc thân thiện Xanh-Sạch-Đẹp, thực hiện 5S tại các Khoa, Phòng từ Bệnh viện đa khoa huyện đến các Phòng khám đa khoa khu vực, Trạm y tế xã.

+ Hoạt động đào tạo - nghiên cứu khoa học luôn được quan tâm được đẩy mạnh, triển khai ứng dụng có hiệu quả các kết quả nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, các kỹ thuật chuyên môn mới trong khám, chữa bệnh.

+ Thực hiện có hiệu quả các dự án của các tổ chức chính phủ, phi chính phủ trong các lĩnh vực xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm TTBYT và các hoạt động, chăm sóc sức khỏe cộng đồng, đào tạo nâng cao năng lực cán bộ y tế...

+ Về cơ sở vật chất, trang thiết bị và đội ngũ Bác sỹ công tác tại các Trạm Y tế: Từ năm 2011 đến nay, toàn huyện xây dựng mới được 08 Trạm Y tế ; nâng cấp, sửa chữa 06 Trạm Y tế xã bằng các nguồn vốn AP, EU, HPET, Trái phiếu chính phủ, Ngân sách tập trung và nguồn vốn Chương trình xây dựng nông thôn mới. Tiến đến xây dựng Trạm Y tế điểm hoạt động theo nguyên lý y học gia đình, đồng thời triển khai nhân rộng mô hình đến toàn bộ các Trạm Y tế trong toàn huyện. 08/11 Trạm Y tế xã có Bác sỹ.

+ Công tác y tế dự phòng chủ động giám sát các bệnh gây dịch, đặc biệt các dịch nguy hiểm, không để dịch bệnh lớn xảy ra, không có ca tử vong do các bệnh dịch nguy hiểm ở người. Giảm tỷ lệ SDD trẻ em dưới 5 tuổi hàng năm và có tính bền vững, duy trì tỷ lệ trẻ em Tiêm chủng đầy đủ 8 loại vaccine đạt trên 95%; công tác quản lý An toàn thực phẩm được đẩy mạnh, không có vụ ngộ độc lớn, khống chế các vụ ngộ độc thực phẩm nhỏ lẻ; làm tốt công tác xử lý môi trường, khắc phục hậu quả do thiên tai, mưa lũ và các chương trình Y tế khác.

+ Công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, tiếp tục duy trì chỉ tiêu giảm sinh ở mức 0,2‰; kiểm soát tốc độ gia tăng tỷ số giới tính khi sinh; tình trạng sinh con thứ 3 trở lên ở đồng bào dân tộc thiểu số và chất lượng dân số được nâng lên.

- Về tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế: Năm 2019, toàn huyện có 110.619 người tham gia Bảo hiểm y tế, đạt tỷ lệ 98%, tăng 18% so với năm 2011.

- Số xã đạt Tiêu chí Quốc gia về y tế xã: Từ năm 2011- 2019, Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai đã cấp Bằng công nhận cho 14/14 xã, thị trấn trên địa bàn huyện Bảo Thắng đạt bộ Tiêu chí Quốc gia về y tế xã, đạt tỷ lệ 100%.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao/tuổi) ở các xã đến năm 2019 còn 17,33%, giảm 6,78% so với năm 2011.

(Chi tiết tại phụ lục 14 kèm theo)

Đánh giá: Đến nay, 21/21 xã (đạt 100%) số xã trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 15 (Y tế) trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới.

c. Về văn hóa

Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" được triển khai đồng bộ xây dựng gia đình văn hoá được xác định là nòng cốt của phong trào. Trong những năm qua phong trào đã được các cấp ủy, chính quyền địa phương hết sức quan tâm, nhân dân đồng tình hưởng ứng, có sức lan tỏa mạnh, thực hiện lồng ghép triển khai phong trào một cách đồng bộ. Kết quả năm 2010 toàn huyện có 63% số hộ đạt văn hóa, đến năm 2020 số hộ gia đình văn hóa đạt 87,4% tăng 24,4 so với năm 2010.

Nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao hiện có, đồng thời đầu tư xây dựng một số công trình văn hóa, thể thao, chăm lo đời sống văn hóa của Nhân dân gắn với việc xây dựng nông thôn mới. Việc xây dựng nhà văn hoá thôn, tổ dân phố luôn được huyện quan tâm chỉ đạo, với phương châm Nhà nước và Nhân dân cùng làm, phong trào xây dựng nhà văn hoá thôn, tổ dân phố được triển khai đồng bộ trên địa bàn toàn huyện. Năm 2011

toàn huyện có 60/260 nhà văn hóa thôn đến năm 2020 thực hiện chủ trương sáp nhập thôn, TDP toàn huyện hiện nay giảm còn 193 thôn, TDP (trong đó có 143 thôn của 11 xã xây dựng nông thôn mới) các thôn đã thực hiện sắp xếp lại tu sửa khuôn viên xây dựng mới nhà văn hóa 193/193 thôn, TDP có nhà văn hóa mỗi NVH được xây dựng trung bình từ 300 triệu đồng trở lên, về hiện trạng các nhà văn hóa thôn, đối với diện tích tổng thể có 26 thôn diện tích từ 300 đến 500 m² trở lên, còn lại đều đạt từ 600 đến 1,500² các nhà văn hóa đều có khuôn viên sân bãi để tổ chức các hoạt động TDTT như sân bóng chuyền, sân cầu lông. Đối với diện tích nhà văn hóa thôn 100% các nhà văn hóa đạt diện tích từ 80m² trở lên, nhiều nhà VH diện tích đạt từ 120m² đến 150m² như NVH thôn Tả Hà 2, Khe Mụ xã Sơn Hà, NVH thôn Phú Xuân, Bến Phà xã Gia Phú, NVH thôn Bắc Ngầm, NVH thôn Na Ó, Hốc Đá xã Xuân Quang.

Về hiện trạng các nhà văn hóa thôn, đối với diện tích tổng thể có 26 thôn diện tích từ 300 đến 500 m² trở lên, còn lại đều đạt từ 600 đến 1,500² các nhà văn hóa đều có khuôn viên sân bãi để tổ chức các hoạt động TDTT như sân bóng chuyền, sân cầu lông. Đối với diện tích nhà văn hóa thôn 100% các nhà văn hóa đạt diện tích từ 80m² trở lên, nhiều nhà VH diện tích đạt từ 120m² đến 150m² như NVH thôn Tả Hà 2, Khe Mụ xã Sơn Hà, NVH thôn Phú Xuân, Bến Phà xã Gia Phú, NVH thôn Bắc Ngầm, NVH thôn Na Ó, Hốc Đá xã Xuân Quang.

Việc khai thác hoạt động của các nhà văn hóa thôn, TDP được quan tâm chỉ đạo, UBND huyện đã có hướng dẫn về việc xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban chủ nhiệm NVH thôn, theo đó các thôn đã thành lập Ban chủ nhiệm NVH thôn gồm: Chủ nhiệm là trưởng thôn. Các thành viên gồm: Trưởng ban công tác Mặt trận và các tổ chức đoàn thể như: Chi Hội CCB, chi Hội Phụ nữ, chi Hội Nông dân, chi Hội NCT, Đoàn Thanh niên, các thành viên được phân công phụ trách thành lập các loại hình CLB, nhà văn hóa thôn đã phát huy được hiệu quả sinh hoạt như phát triển phong trào VH, TDTT. Toàn huyện có 125 NVH thôn thành lập đội, tổ nhóm văn nghệ, câu lạc bộ thơ; 115 đội thể thao duy trì hoạt động tại NVH. Ngoài ra NVH còn phát huy hiệu quả công tác tuyên truyền như phối hợp với đội tuyên truyền lưu động, chiếu phim lưu động các tổ đội văn nghệ quần chúng, các CLB để tổ chức hoạt động hội diễn, liên hoan văn nghệ, trung bình tổ chức 20 buổi/01 năm thu hút sự tham gia đông đảo của nhân dân. Tiêu biểu như nhà văn hóa thôn Trang Nùng, Bắc Ngầm xã Xuân Quang, Thôn Xả Hồ, An Hồ, Cốc Xâm xã Phong Niên, Thôn Phú Xuân, Hùng Thắng xã Gia Phú, Thôn Soi Chát, Đồng Tâm xã Sơn Hải, thôn Tả Hà 3, Khe Mụ xã Sơn Hà các thôn đều có các câu lạc bộ TDTT, đội văn nghệ bản sắc văn hóa hoạt động thường xuyên tại NVH và tham gia các hội thi hội diễn tại huyện đạt kết quả cao.

Việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa tại các thôn, TDP được quan tâm Bảo tồn được 6 lễ hội đặc sắc, có giá trị của các dân tộc. bảo tồn và phát huy bộ hiện vật có giá trị, tiêu biểu sách cổ dân tộc Dao xã Sơn Hà, Xuân Quang đồng thời phối hợp với các ngành của tỉnh tổ chức truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể tại NVH

thôn và tại cộng đồng các xã Phú Nhuận, Bản Phiệt. duy trì sinh hoạt hát then, hát giao duyên, nghi lễ then cổ xã Phú Nhuận tại NVH thôn nhằm tuyên truyền quảng bá du lịch, thông qua việc bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa truyền thống địa phương.

11/11 xã xây dựng nông thôn mới có thiết chế văn hóa xã trang thiết bị được đầu tư đảm bảo bao gồm trang âm, trang trí khánh tiết, bàn ghế được đầu tư xây dựng theo chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới đạt chuẩn theo tiêu chí của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch với mức đầu tư trên 30 tỷ đồng. Các công trình trên thường xuyên tổ chức hoạt động và đã cơ bản đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao, hội họp của Nhân dân tại các thôn, tổ dân phố, góp phần nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân trong huyện.

Hoạt động văn nghệ quần chúng tại các thôn, TDP có sự phát triển mạnh mẽ đã xây dựng được các đội văn nghệ của các nhà văn hóa, hàng năm tổ chức thành công hội diễn NTQC tại cơ sở, nhiều đội văn nghệ do các nghệ nhân cao đứng ra thành lập như đội văn nghệ thôn Lướt xã Thái Niên, thôn Phú Long 2 TT Phố Lu, thôn Tả Hà 2 xã Sơn Hà, đội văn nghệ hội người cao tuổi TT Phố Lu, đội văn nghệ thôn Giao Bình xã Xuân Giao, thôn Đồng Lục xã Gia Phú, thôn Tân Lập xã Phú Nhuận. Các đội văn nghệ thôn, TDP đã tổ chức biểu diễn văn nghệ quần chúng bình quân 40 buổi/năm tại các cụm dân cư, tổ chức thành công ngày hội văn hóa- thể thao các dân tộc năm 2014, 2018, hội diễn NTQC các nhà văn hóa thôn, TDP năm 2014, 2016, 2018.

Đánh giá: Đến nay 11/11 xã (đạt 100%) số xã trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 16 (Văn hóa) trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới.

d. Về môi trường và an toàn thực phẩm

** Hiện trạng năm 2011:*

- Toàn huyện có 20.655/ 29.257 hộ sử dụng nước hợp vệ sinh đạt tỷ lệ 70,6% (trong đó, tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung là 3.400hộ/ 29.257 hộ, chiếm 11,62%). Tỷ lệ hộ có nhà tắm HVS 14.289/25.223 đạt 56,65%. Tỷ lệ hộ gia đình có nhà tiêu HVS 15.180/25.223 đạt 60,18%. Số hộ có bể chứa nước HVS 13.198/ 25.223 đạt 52,32%; **hộ gia đình đảm bảo 3 sạch, đạt tỷ lệ 58,2%.**

- Có 63 cơ sở sản xuất kinh doanh có hồ sơ bảo vệ môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt/xác nhận.

- Có 01 bãi chôn lấp chất thải rắn tập trung của huyện tại thôn Làng My xã Xuân Quang được đầu tư từ năm 2002 không đảm bảo vệ sinh môi trường gây bức xúc trong Nhân dân. Tại các xã không có hệ thống thu gom xử lý rác thải tập trung, rác thải phát sinh do người dân tự xử lý tại gia đình (đốt/chôn lấp) hoặc vứt rác ra nơi công cộng, sông, suối ...

- Trên địa bàn huyện có 01 khu công nghiệp Tăng Loỏng với tổng diện tích hơn 1.000 ha có 22 Nhà máy được đầu tư xây dựng không có hệ thống thu gom xử lý nước thải tập trung. Thời điểm này khu công nghiệp Tăng Loỏng thu hút các nhà máy hóa chất chế biến khoáng sản đầu tư sản xuất nhưng hạ tầng không

đồng bộ dân cư ở xen kẽ trong khu công nghiệp không đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường thường xuyên xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường. Trong khi đó khu công nghiệp Tăng Loong chưa có đánh giá tổng thể những tác động đến môi trường khu dân cư. Huyện thường xuyên nhận được kiến nghị phản ánh của Nhân dân về việc ảnh hưởng môi trường khu công nghiệp đến đời sống sản xuất (cây cháy tấp lá...).

** Kết quả thực hiện đến năm 2020:*

- *Về hộ sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch:* Trong những năm qua, huyện Bảo Thắng đã tích cực huy động nhiều chương trình, dự án để góp phần nâng cao hiệu quả đầu tư lĩnh vực nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, để hiện thực hóa mục tiêu nâng cao tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh tại các xã. Đặc biệt huyện đã triển khai có hiệu quả Chương trình “*Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả*” sử dụng nguồn vốn vay từ Ngân hàng Thế giới và vốn đối ứng ngân sách tỉnh, huyện giai đoạn 2016 – 2020, từ đó đã có nhiều công trình nước sạch được xây dựng mới và đưa vào hoạt động ở các xã, thị trấn đang hoạt động, cấp nước cho 5.530 hộ; có 03 Nhà máy nước thuộc Công ty cổ phần nước sạch Lào Cai đặt tại thị trấn Phố Lu, xã Sơn Hà và thị trấn Tăng Loong, cấp nước cho 6.546 hộ. Kết quả điều tra, đánh giá nước sạch năm 2020, toàn huyện có 30.226/30.811 hộ dân dùng nước hợp vệ sinh, đạt tỷ lệ 98,1%, tăng 27,5% so với năm 2011 (trong đó, tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung là 6.584hộ/ 30.811 hộ, chiếm 21,36%, tăng 9,74% so với năm 2011).

- *Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường:* Trên địa bàn huyện (gồm 11 xã) có 342 cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng phải lập thủ tục về bảo vệ môi trường, gồm các ngành nghề chủ yếu như: khai thác, chế biến khoáng sản; vật liệu xây dựng, chế biến gỗ rừng trồng, chăn nuôi, dịch vụ thương mại... Đến nay 100% các cơ sở thuộc đối tượng phải lập hồ sơ thủ tục môi trường đã có thủ tục môi trường được cấp thẩm quyền phê duyệt, xác nhận theo quy định và đã đầu tư các công trình bảo vệ môi trường bảo đảm theo quy định, trong đó: Có 45 dự án cơ sở thuộc đối tượng phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường được Bộ Tài Nguyên và Môi trường, UBND tỉnh phê duyệt; 5 cơ sở, dự án thuộc đối tượng lập kế hoạch bảo vệ môi trường được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt; 292 cơ sở thuộc đối tượng xác nhận Bản cam kết bảo vệ môi trường/Kế hoạch bảo vệ môi trường của cấp huyện.

Trên địa bàn huyện không có làng nghề, khu tiểu thủ công nghiệp đang được quy hoạch nhưng chưa được giải phóng mặt bằng đầu tư hạ tầng cơ sở.

- *Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn:* Hệ thống thu gom, tiêu thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường trong khu dân cư được các xã thực hiện xây dựng đồng bộ cùng với xây dựng đường giao thông nông thôn; tổ chức các phong trào vệ sinh môi trường, trồng cây xanh, trồng hoa nơi công

cộng, trong khu dân cư, trên các tuyến đường giao thông; hoạt động tổng vệ sinh môi trường được Ủy ban nhân dân huyện phát động và đã được các xã, thị trấn duy trì thường xuyên vào thứ Bảy, Chủ nhật tuần cuối cùng hàng tháng; các tuyến đường đều cắm biển “tuyến đường tự quản” giao cho các tổ chức hội như Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Đoàn thanh niên... quản lý, các tổ chức đã nêu cao tinh thần trách nhiệm trong hoạt động chính trang, vệ sinh môi trường trên địa bàn xã, thị trấn và thường xuyên đôn đốc các hộ gia đình thực hiện vệ sinh đường làng, ngõ, xóm và các khu vực công cộng đảm bảo môi trường xanh - sạch - đẹp. Đến nay, 100% các xã đã đầu tư trồng hoa tại trụ sở UBND xã, các nhà văn hóa thôn, trường học, trạm y tế; trồng **được trên 100km đường hoa** trên các trục đường chính, đường liên thôn, tạo cảnh quan môi trường sạch đẹp văn minh.

- *Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định:*

+ Huyện Bảo Thắng khuyến khích xã hội xã trong công tác bảo vệ môi trường và trên địa bàn đã có Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Công Chiêu thực hiện dịch vụ công ích xã hội, hiện đang thu gom toàn bộ chất thải sinh hoạt khu đô thị và khu vực dân cư tập trung tại một số xã thị trấn trên địa bàn như thị trấn Phố Lu, Tầng Loỏng Xuân Quang, Xuân Giao, Sơn Hà, Gia Phú, Phú Nhuận... Một số xã lập đội tự quản thu gom vận chuyển chất thải về bãi thải tập trung của huyện để xử lý như: Phong Hải, Phong Niên, Thái Niên. Đối với rác thải khu vực Đô thị được thu gom vận chuyển xử lý ngày 2 lần; đối với khu vực dân cư tập trung tại các xã bình quân 2 ngày/lần. Việc thu gom để xử lý tập trung rác thải sinh hoạt đạt được khoảng 30% tổng lượng rác thải phát sinh. Các xã còn lại do từng hộ gia đình phân loại, xử lý bằng hình thức đốt hoặc chôn lấp tại hố/bể thu gom của hộ gia đình, không có tình trạng xả rác thải gây ô nhiễm môi trường.

+ Trên địa bàn huyện, hiện nay có 01 bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt hợp vệ sinh theo tiêu chuẩn tại thôn Làng My xã Xuân Quang với tổng diện tích 12 ha mới được đầu tư nâng cấp với 4 hố chôn lấp, có hệ thống thu gom xử lý nước rỉ rác đã khắc phục tình trạng nước chảy tràn từ bãi rác ra môi trường. Bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt vận hành theo quy định về thu gom, phân loại, vận hành xử lý chôn lấp, định kỳ được phun chế phẩm, rắc vôi bột; chôn lấp rác thải theo hình thức cuốn chiếu và phủ lớp đất bề mặt, trồng cây xanh xung quanh bãi chôn lấp. UBND tỉnh Lào Cai có Quyết định số 358/QĐ-UBND ngày 04/02/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án đầu tư nâng cấp bãi rác thôn Xuân Đâu, xã Xuân Quang.+ Bao bì hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng: Đến nay 100% các xã thị trấn trên địa bàn huyện đều có bể chứa và phương án thu gom xử lý vỏ bao bì hóa chất bảo vệ thực vật, toàn huyện hiện có 176 bể chứa trên các cánh đồng; đồng thời các xã đều đã có hương ước về bảo vệ môi trường trong đó có công tác thu gom, quản lý vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật trên địa bàn. Toàn bộ bao bì hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng được lưu giữ tại bể thu gom và được đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý

theo quy định.

+ Về thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt: Toàn huyện ước tính tổng lượng rác phát sinh khoảng 106 tấn/ngày lượng chất thải thu gom xử lý tập trung 26,5 tấn/ngày tại Bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt hợp vệ sinh của huyện tại thôn Làng My, xã Xuân Quang. Lượng còn lại được Nhân dân thu gom tái sử dụng và xử lý tại hộ gia đình bằng biện pháp ủ làm phân bón, chôn lấp và đốt. Tỷ lệ số hộ tự phân loại xử lý tại nguồn đạt trên 70%.

+ Đối với bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng: Tổng lượng vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trên địa bàn huyện phát sinh ước tính khoảng 15 tấn/năm. Thực hiện theo quy định tại Thông tư Liên tịch số 05/2016/TTLT- BNNPTNT- BTNMT ngày 16/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài nguyên và Môi trường; Hướng dẫn liên ngành số 02/HDLN-STNMT-SNNPTNT ngày 28/8/2017 của liên Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng, Ủy ban nhân dân huyện đã triển khai các nhiệm vụ liên quan đến công tác thu gom, xử lý vỏ bao bì thuốc BVTV. Kết quả, toàn huyện đã đầu tư xây dựng được 176 bể chứa trên các cánh đồng; đồng thời các xã đều đã có hương ước, quy chế về bảo vệ môi trường trong đó có phương án quản lý thu gom, quản lý vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật trên địa bàn. Toàn bộ bao bì hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng được lưu giữ tại bể thu gom và được đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

+ Chất thải rắn y tế: Hiện nay trên địa bàn huyện có 01 bệnh viện, 02 phòng khám khu vực và 11 trạm y tế xã. Tổng lượng chất thải rắn y tế phát sinh từ các cơ sở y tế là 2,6 tấn/ tháng. Lượng chất thải này được thu gom xử lý bằng lò đốt theo quy định của ngành y. Đối với bệnh viện đa khoa huyện Bảo Thắng có lò đốt thiết kế đầu tư được phê duyệt tại báo cáo đánh giá tác động môi trường. Các Trạm y tế xã đã đầu tư khu lưu giữ chất thải nguy hại tạm thời và các dụng cụ, thiết bị (*thùng, xô,...*) lưu giữ, phân loại chất thải y tế đảm bảo theo quy định. Về biện pháp xử lý: Chất thải rắn y tế thông thường được thu gom xử lý tại khu xử lý rác thải sinh hoạt của các địa phương hoặc chôn lấp và đốt tại khuôn viên Trạm; Chất thải rắn y tế nguy hại: Toàn bộ chất thải rắn y tế nguy hại của các Trạm y tế xã được vận chuyển đem về xử lý tại lò đốt của Trung tâm y tế huyện Bảo Thắng theo quy định.

+ Đối với chất thải rắn nông nghiệp: Chất thải rắn từ canh tác, thu hoạch mùa màng bao gồm rơm, rạ, vỏ trái cây. Một phần nhỏ các hộ nông dân sử dụng làm chất đốt, phần lớn rơm rạ được xử lý ngay tại đồng ruộng bằng phương pháp cày lật đất, ngâm ủ nước. Như vậy chất thải rắn nông nghiệp được tái sử dụng gần như 100%, không phải chôn lấp tập trung.

+ Chất thải rắn từ chăn nuôi gia súc: Bao gồm phân gia súc, gia cầm... Chất thải chăn nuôi được các hộ gia đình thu gom xử lý bằng nhiều phương pháp như bê biogas và ủ phân để bón ruộng, trồng hoa, cây cảnh.

+ Đối với chất thải rắn xây dựng: Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo các cơ

quan có liên quan phối hợp với UBND các xã thường xuyên kiểm tra công tác quản lý xây dựng, yêu cầu chủ nguồn thải cam kết xử lý, chôn lấp, tái chế sử dụng, đổ chất thải xây dựng đúng nơi quy định của địa phương, không làm ảnh hưởng đến mỹ quan, an toàn giao thông trên địa bàn các xã.

+ Chất thải rắn công nghiệp, chất thải nguy hại: Các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất, kinh doanh hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, may mặc, cơ khí,... trên địa bàn các xã đã thực hiện thu gom và xử lý chất thải công nghiệp thông thường đảm bảo đúng quy định; đối với chất thải nguy hại, các cơ sở phát sinh CTNH đều tổ chức thu gom, phân loại, lưu giữ và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại cơ bản đảm bảo quy định.

- Hệ thống thu gom, tiêu thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường trong khu dân cư được các xã thực hiện xây dựng đồng bộ cùng với xây dựng đường giao thông nông thôn. Trên địa bàn 11 xã đã xây dựng trên 500 km hệ thống mương, rãnh tiêu thoát nước khu dân cư đảm bảo quy định. Các hộ gia đình đều có các biện pháp xử lý nước thải sơ bộ bằng các bể thu gom, lắng lọc, bể biogas trước khi đầu nối với mương, rãnh tiêu thoát nước khu dân cư. Các khu dân cư không có hiện tượng nước thải ứ đọng, ngập úng. Nước thải cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn cơ bản được thu gom, xử lý đảm bảo theo quy định.

- Trên địa bàn toàn huyện có 03 nghĩa trang liệt sĩ đặt thị trấn Phố Lu, thị trấn Nông trường Phong Hải và xã Xuân Quang; 96 nghĩa trang Nhân dân diện tích từ 0,5 – 2 ha/chiếc, nghĩa trang nhân dân ở các xã được xây dựng theo quy hoạch, xa khu dân cư, có phân khu an táng và cát táng riêng, 100% các nghĩa trang có Quy chế quản lý nghĩa trang do UBND xã phê duyệt; 100% số xã có hoạt động mai táng phù hợp với quy định của địa phương.

- Xác định việc xây dựng 3 công trình vệ sinh (nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt) ở nông thôn theo đúng tiêu chuẩn nhằm hạn chế tình trạng ô nhiễm môi trường, góp phần bảo vệ sức khỏe của nhân dân là hết sức cần thiết trong xây dựng nông thôn mới, đặc biệt đối với các hộ đồng bào dân tộc thiểu số. Chính vì vậy những năm qua các cấp chính quyền, đoàn thể của huyện Bảo Thắng đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động và sử dụng lồng ghép kinh phí của các chương trình Dự án, kêu gọi các doanh nghiệp hỗ trợ các hộ đồng bào dân tộc thiểu số xây dựng đủ 3 công trình vệ sinh (nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước). Đến nay toàn huyện có 19.623/ 22.174 hộ gia đình có nhà tiêu hợp vệ sinh, đạt tỷ lệ 88,55%; có 19.834/ 22.174 hộ gia đình có nhà tắm hợp vệ sinh, đạt tỷ lệ 89,4%; có 20.240/ 22.174 hộ gia đình có bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, đạt tỷ lệ 91,3%; số hộ có đủ 3 công trình và đảm bảo 3 sạch đạt tỷ lệ 89,74% .

(Chi tiết tại phụ biểu 15 kèm theo).

- Trong những năm qua, huyện đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị khối nông nghiệp phối hợp với UBND các xã, thị trấn tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân chuyển dần phương thức chăn nuôi nhỏ lẻ sang chăn nuôi hàng hóa tập trung, xây dựng các mô hình sử dụng chế phẩm sinh học trong chăn nuôi, hỗ trợ các cơ sở chăn nuôi hàng hóa xây dựng chuồng trại đảm bảo vệ sinh môi trường. Kết quả đến nay toàn huyện có 12.300/14.778 hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn

nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường, đạt tỷ lệ 83%.

- Công tác quản lý nhà nước về ATTP đã được quan tâm chỉ đạo thực hiện. Huyện ủy, UBND huyện thường xuyên quán triệt và xây dựng các văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện Luật An toàn thực phẩm cùng các văn bản chỉ đạo của Đảng, Chỉ thị 13/CT- TTg của Thủ tướng Chính phủ... về ATTP; công tác tuyên truyền giáo dục, phổ biến pháp luật về ATTP được thực hiện thường xuyên; Ban chỉ đạo liên ngành về ATTP các cấp được thường xuyên kiện toàn, hoạt động có hiệu quả, phân công cán bộ kiêm nhiệm về an toàn thực phẩm ở cấp huyện và xã. Tổ chức các lớp tập huấn kiến thức cho người trực tiếp sản xuất, chế biến kinh doanh thực phẩm tại các xã, thị trấn.

Công tác đảm bảo an toàn thực phẩm được đặc biệt quan tâm, chú trọng; Thường xuyên, kiểm tra, giám sát chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn huyện. Công tác an toàn VSTP có chuyên biến tích cực, huy động được sự tham gia của các ban, ngành, đoàn thể, đặc biệt có sự tham gia của các cấp xã, thị trấn; phối hợp liên ngành kiểm tra về ATVSTP; tổ chức triển khai tốt Tháng hành động vì chất lượng ATVSTP, trong dịp Tết Nguyên đán, Tết Trung thu và các lễ hội. Tổ chức các lớp tập huấn kiến thức, các quy định của pháp luật cho cán bộ Y tế cơ sở và người sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm. Công tác kiểm tra, lấy mẫu xét nghiệm; tập huấn, cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn thực phẩm được thực hiện hiệu quả, đúng quy định.

Tổng số trên địa bàn huyện có 4.068 hộ gia đình, cơ sở kinh doanh, sản xuất, chế biến thực phẩm, trong đó:

+ Ngành y tế quản lý 355 cơ sở (huyện quản lý 88 cơ sở; xã quản lý 267 cơ sở). Số cơ sở đã cấp/cơ sở thuộc diện phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP còn hạn là 71/83 cơ sở; tỷ lệ cấp giấy chứng nhận: 85.5%,

+ Ngành nông nghiệp quản lý 3.411 cơ sở (Số cơ sở đã cấp GCN đủ điều kiện ATTP: 23 cơ sở (kinh doanh giò chả, Lạp sườn, súc xích, hải sản đông lạnh, rau củ quả.....); Số cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ ký cam kết đảm bảo ATTP là: 3640 cơ sở; (là các hộ gia đình sản xuất rau, củ, chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản)).

+ Ngành công thương quản lý 302 cơ sở. Đến nay ngành công thương không cấp giấy xác nhận đủ điều kiện cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ. 100% các cơ sở thực phẩm đã ký cam kết và tuân thủ các quy định về an toàn thực phẩm.

Các hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được kiểm tra thường xuyên, định kỳ hằng năm từ huyện xuống xã, thị trấn. Tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm (đăng ký kinh doanh, ký cam kết ATTP, xác nhận kiến thức ATTP, khám sức khỏe định kỳ....) đạt tỷ lệ 100%. Và không có ngộ độc thực phẩm xảy ra, không có người tử vong do ngộ độc thực phẩm.

Các chợ trên địa bàn được quy hoạch và kiểm soát về ATTP.

Các hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được kiểm tra thường xuyên, định kỳ hằng năm từ huyện xuống xã, thị trấn. Tuân thủ

các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm (đăng ký kinh doanh, ký cam kết ATTP, xác nhận kiến thức ATTP, khám sức khỏe định kỳ...) đạt tỷ lệ 100%. Và không có ngộ độc thực phẩm xảy ra, không có người tử vong do ngộ độc thực phẩm.

* *Đánh giá chung:* Tính đến thời điểm hiện tại trên địa bàn huyện có 11/11 xã (đạt 100%) số xã trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 17 (Môi trường và an toàn thực phẩm) trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới.

2.5. Về xây dựng hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh; đảm bảo quốc phòng và gìn giữ an ninh, trật tự xã hội

a) Xây dựng hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật

** Về xây dựng hệ thống chính trị*

Năm 2011, tổng số cán bộ công chức xã là 353 người, trong đó: Số cán bộ, công chức có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên là 278 người, chiếm tỷ lệ 78,75%; số cán bộ, công chức có trình độ chính trị từ trung cấp trở lên 179 người, chiếm 50,7%; số cán bộ, công chức có chứng chỉ tin học 181 người chiếm tỷ lệ 51,2%, chứng chỉ ngoại ngữ 07 người chiếm 1,9%; cán bộ, công chức được đào tạo, bồi dưỡng quản lý nhà nước 47 người chiếm tỷ lệ 13,31%.

- Sau 9 năm thực hiện chương trình xây dựng NTM, cấp ủy, chính quyền ở các xã đã tập trung cao lãnh đạo, chỉ đạo và thực sự đóng vai trò là hạt nhân trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ xây dựng NTM. Công tác đào tạo đội ngũ cán bộ ở cơ sở được tổ chức tốt và đạt chuẩn theo quy định. Đội ngũ cán bộ cơ sở cơ bản có đủ năng lực, trách nhiệm và nhiệt tình trong chỉ đạo thực hiện Chương trình xây dựng NTM và các nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội ở địa phương. Sự phối hợp giữa chính quyền các cấp và các đoàn thể chính trị - xã hội trong xây dựng NTM ngày càng cụ thể, chặt chẽ và hiệu quả. Kết quả đạt được như sau:

+ Về cán bộ, công chức: Đến năm 2020, toàn huyện có 298 cán bộ, công chức cấp xã đang làm việc tại 14 xã, thị trấn. Số cán bộ công chức có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên là 282 người, chiếm tỷ lệ 94,6%, tăng 15,85% so với năm 2011; số cán bộ công chức có trình độ chính trị từ trung cấp trở lên 201 người, chiếm tỷ lệ 67,44%, tăng 16,74% so với năm 2011; số cán bộ, công chức có chứng chỉ tin học 295 người, chiếm tỷ lệ 98,99%, tăng 47,79% so với năm 2011; số cán bộ, công chức có chứng chỉ ngoại ngữ 115 người, chiếm tỷ lệ 38,6%, tăng 36,7% so với năm 2011; số cán bộ, công chức được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước 271 người, chiếm tỷ lệ 90,9%.

+ Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị: 100% các xã có đầy đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở, gồm: Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban mặt trận Tổ quốc, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh. 100% thôn, bản, tổ dân phố có đủ các tổ chức: Chi bộ Đảng, Ban công tác mặt trận, các chi hội đoàn thể (Chi đoàn thanh niên, chi hội Phụ nữ, chi hội Nông dân, chi hội Cựu chiến binh), bố trí đầy đủ các chức danh theo các tổ chức, gồm: Bí thư chi bộ, Trưởng thôn, chi hội trưởng các tổ chức hội.

+ Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “trong sạch, vững mạnh”; tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên: Năm 2019 có 03/14 Đảng bộ, chính quyền xã, thị trấn được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 12/15 Đảng bộ, chính quyền xã, thị trấn được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ. Năm 2020, dự kiến có 100% đảng bộ các xã được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; 100% chính quyền xã đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” trở lên; 100% các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã được các tổ chức đoàn thể cấp huyện xếp loại khá trở lên.

** Về tiếp cận pháp luật.*

- Hằng năm Huyện ủy, Hội đồng nhân dân, UBND huyện; Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện đã ban hành kịp thời văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản khác theo thẩm quyền để tổ chức thi hành Hiến pháp và pháp luật. Trung tâm hành chính công huyện và bộ phận phục vụ hành chính công cấp xã đã thực hiện tốt các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền. Từ huyện đến các xã, thị trấn đã tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho nhân dân; việc tổ chức thực hiện quy chế dân chủ và hòa giải ở cơ sở được quan tâm chỉ đạo. Từ đó nhận thức và ý thức tôn trọng tuân thủ chấp hành pháp luật của cán bộ và nhân dân trên địa bàn huyện được nâng cao; quyền con người, quyền công dân, quyền được thông tin về pháp luật được bảo đảm; kịp thời giải quyết các thủ tục hành chính theo yêu cầu của tổ chức và cá nhân; đã phát huy dân chủ ở cơ quan; ở thôn, bản, tổ dân phố; kịp thời tháo gỡ mâu thuẫn, tranh chấp, vướng mắc, kiến nghị trong thi hành pháp luật trên địa bàn huyện. Việc tổ chức tiếp cận pháp luật đã góp phần xây dựng nông thôn mới, cải thiện và nâng cao chất lượng đời sống văn hóa pháp lý của nhân dân trên địa bàn huyện.

** Về bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình:*

- Trong những năm qua công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ phụ nữ đã được các cấp ủy, chính quyền quan tâm và sự vào cuộc hết sức tích cực của các cấp các ngành; nhận thức về giới; phòng ngừa bạo lực gia đình, bạo lực giới từng bước nâng cao. Luật bình đẳng giới, Luật phòng chống bạo lực gia đình và Chương trình hành động quốc gia về phòng chống bạo lực gia đình được triển khai sâu rộng; việc lồng ghép tuyên truyền Luật hôn nhân và gia đình, Luật Bảo vệ và chăm sóc trẻ em với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” đã phát huy có hiệu quả.

- Công tác cán bộ nữ được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy các cấp đạt từ 15% trở lên, cán bộ nữ được đề bạt bổ nhiệm giữ chức vụ trưởng, phó các phòng ban chuyên môn cấp huyện đồng chí 11 (giữ chức vụ trưởng ngành: 03 đ/c; Phó trưởng ngành: 08 đ/c); hđnd huyện có 01 phó là nữ, các ban hđnd huyện có 01 trưởng, 01 phó là nữ; cán bộ nữ cấp xã giữ chức vụ Bí thư đảng ủy: 02 đ/c; PBT đảng ủy: 05 đ/c; Chủ tịch UBND: 0 đ/c; PCT: 02 đ/c; trưởng các đoàn thể huyện 01 đ/c.

- Công tác giải quyết vốn vay từ chương trình mục tiêu quốc gia giải quyết việc làm và giảm nghèo bền vững đã được các cấp cơ sở quan tâm giải

quyết kịp thời, đảm bảo 100% phụ nữ nghèo có nhu cầu vay vốn được đáp ứng vốn vay để phát triển kinh tế, phát huy có hiệu quả các tổ tiết kiệm do các đoàn thể quản lý, đảm bảo quản lý và giám sát nguồn vốn vay sử dụng đúng mục đích, mỗi năm có hàng trăm phụ nữ là chủ gia đình vay vốn và thoát nghèo.

- Tình hình tảo hôn: Trong những năm qua công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục kiến thức pháp luật nhằm từng bước hạn chế đến chấm dứt tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống và sinh con thứ 3 trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số luôn được cấp ủy, chính quyền từ huyện đến cơ sở quan tâm. Huyện ủy đã ban hành Kế hoạch số về tuyên truyền vận động, giáo dục kiến thức pháp luật nhằm từng bước hạn chế đến chấm dứt tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống và sinh con thứ 3 trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2017-2020; đã huy động cả hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở xã vào cuộc hết sức tích cực, và triển khai bằng nhiều hình thức như: tổ chức các buổi tuyên truyền miệng, sân khấu hóa, tư vấn tại hộ gia đình... Nhờ làm tốt công tác tuyên truyền và sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị nên tình hình tảo hôn trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện đã giảm đáng kể.

Đánh giá: 100% số xã trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 18 (Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật) trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới.

b) Đảm bảo Quốc phòng và an ninh trật tự ở nông thôn

** Đảm bảo Quốc phòng:*

Nhận thức rõ vai trò, vị trí, tầm quan trọng của lực lượng dân quân tự vệ đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới; 11/11 xã trên địa bàn huyện luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác Quân sự - Quốc phòng ở địa phương, cụ thể:

- Về chỉ tiêu Quốc phòng:

+ Các xã đạt chuẩn nông thôn mới đã quán triệt và thực hiện nghiêm túc các Chỉ thị, Nghị quyết, kế hoạch về công tác quốc phòng, quân sự của cấp trên, ban hành kịp thời các văn bản để tổ chức thực hiện.

+ Xây dựng đầy đủ hệ thống kế hoạch chiến đấu phòng thủ, kế hoạch Phòng chống lụt bão-tìm kiếm cứu nạn; kế hoạch Phòng chống cháy rừng-tìm kiếm cứu nạn và các kế hoạch phòng thủ dân sự khác. Đồng thời hàng năm kịp thời rà soát, điều chỉnh, bổ sung sát với địa phương và cơ sở.

+ Tổ chức đăng ký, quản lý chặt chẽ công dân trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ, hàng năm tổ chức tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ bảo đảm đủ 100% chỉ tiêu được giao; không có trường hợp quân dân đảo bỏ ngũ; từ năm 2010 đến nay đã tuyển chọn và gọi 925/ KH 925 lượt công dân lên đường nhập ngũ.

+ Công tác bồi dưỡng kiến thức Quốc phòng và an ninh cho các đối tượng thường xuyên được quan tâm; đến nay các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới đã bồi dưỡng kiến thức Quốc phòng và an ninh được 05 đ/c tham gia bồi dưỡng kiến thức QPAN đối tượng 2 tại Trường Quân sự quân khu; 30/35 đ/c đối tượng 3, đạt 85,71%; 556 đ/c đối tượng 4, đạt 100%; 70 đ/c tham gia lớp đối tượng Già làng, trưởng họ, tộc, người uy tín trong cộng đồng dân cư; học

sinh, sinh viên trên địa bàn 100% đều được học môn giáo dục Quốc phòng an ninh theo đúng quy định. Công tác phổ biến kiến thức Quốc phòng và an ninh cho toàn dân luôn được quan tâm và thực hiện đi vào nền nếp với nhiều nội dung, hình thức phong phú, đa dạng; từ đó tạo sự chuyên biến sâu sắc về nhận thức trong các tầng lớp nhân dân về ý thức cảnh giác cách mạng, nghĩa vụ trách nhiệm trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc thời kỳ mới.

+ Tổ chức đăng ký, quản lý được 19.238/21.450 đồng chí Quân dân dự bị sẵn sàng huy động khi có tình huống.

+ Hướng dẫn và giải quyết chế độ, chính sách theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ theo Quyết định 49 = 1.270 bộ, thông báo danh sách niêm yết và tổ chức chi trả 2.010 trường hợp theo Quyết định số 49; 210 trường hợp theo Quyết định số 62.

- Về xây dựng lực lượng dân quân

+ Tổng số dân quân các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới là 1.014 đồng chí (đảng viên trong lực lượng dân quân 200 đồng chí; Dân quân nữ 94 đồng chí), gồm: Dân quân năm thứ nhất 179 đồng chí; lực lượng cơ động 372 đồng chí; lực lượng tại chỗ 435 đồng chí; lực lượng binh chủng 235 đồng chí.

+ Tổ chức huấn luyện cho các đối tượng dân quân bảo đảm chặt chẽ, đúng, đủ nội dung chương trình, thời gian theo quy định của Bộ Quốc phòng. Kết quả kiểm tra các nội dung huấn luyện hàng năm 100% đạt yêu cầu, trong đó tỷ lệ khá, giỏi đạt 75% trở lên.

+ Đã tổ chức 56 cuộc Diễn tập chiến đấu phòng thủ, diễn tập Ứng phó cháy rừng, Ứng phó lụt bão - tìm kiếm cứu nạn, quân số tham gia 10.036 đồng chí, trong đó lực lượng dân quân tham gia 1.542 đồng chí; kết quả đạt loại giỏi 56/56 cuộc.

+ Tổ chức đăng ký, quản lý chặt chẽ vũ khí trang bị không có trường hợp để hư hỏng, mất mát.

+ Hưởng ứng phong trào Quân đội chung sức xây dựng nông thôn mới, trong những năm qua lực lượng vũ trang huyện đã huy động được 13.050 lượt cán bộ, chiến sỹ tham gia khắc phục hậu quả thiên tai, làm tốt công tác dân vận kết hợp xây dựng nông thôn mới với trên 36.000 ngày công.

+ Bảo đảm kịp thời, đầy đủ chế độ, chính sách cho dân quân tham gia thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

* Giữ gìn an ninh trật tự ở nông thôn

- Thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 14/10/2006 của Bộ Chính trị về đảm bảo an ninh quốc gia trong tình hình mới. Các chương trình quốc gia về phòng chống tội phạm, phòng chống ma túy, phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc... được triển khai thực hiện toàn diện và đồng bộ ở các xã, cơ quan, doanh nghiệp. Xây dựng thế trận an ninh nhân dân gắn với thế trận quốc phòng toàn dân; công tác quản lý nhà nước về an ninh trật tự được tăng cường.

- Hàng năm, Đảng ủy các xã trên địa bàn huyện đều đã ban hành Nghị quyết, UBND các xã xây dựng Kế hoạch về công tác đảm bảo an ninh, trật tự và

tiên hành triển khai ký cam kết, đăng ký phấn đấu đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” đến các hộ dân, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường, cơ sở tôn giáo trên địa bàn huyện.

- Tình hình mâu thuẫn, khiếu kiện tại các xã không có khiếu kiện đông người kéo dài; khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật.

- Tình hình trật tự an toàn xã hội trên địa bàn các xã ổn định, không có tụ điểm phức tạp; Các loại tội phạm, tệ nạn xã hội hàng năm đều giảm so với các năm trước đó.

- 11/11 xã đều đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh trật tự”, được Chủ tịch UBND huyện ra Quyết định công nhận.

- Lực lượng Công an xã được củng cố, kiện toàn đảm bảo về số lượng và chất lượng, hàng năm đều hoàn thành tốt nhiệm vụ, không có cá nhân nào vi phạm kỷ luật, đã bố trí xong lực lượng Công an xã chính quy đảm nhiệm các chức danh Công an xã tổng số 65 đ/c.

* Toàn huyện có 3 xã (Phú Nhuận, Xuân Quang) được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới năm 2014, 2015 theo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2010-2015. Thời gian qua xã Phú Nhuận đã tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất và hoàn thiện tất cả 19 tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ. Kết quả rà soát, đánh giá kết quả thực hiện tiêu chí số 19 (Quốc phòng và an ninh) ở 2 xã trên cho thấy đã đáp ứng đầy đủ yêu cầu của các tiêu chí quy định tại Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 và Quyết định số 4758/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh Lào Cai về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Lào Cai giai đoạn 2017-2020.

Đánh giá: Đến nay 11/11 xã (100%) số xã trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiêu chí số 19 (Quốc phòng và an ninh) trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới.

3. Kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới

3.1. Tiêu chí số 1 về Quy hoạch

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Huyện đạt chuẩn tiêu chí về quy hoạch khi đáp ứng yêu cầu: Có quy hoạch xây dựng vùng huyện được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014;

- Đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện được tổ chức công bố công khai đến toàn thể ban, ngành, chức năng của huyện, của xã, thị trấn;

- Có quy định quản lý quy hoạch xây dựng vùng theo quy hoạch vùng được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

* *Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:* Thực hiện Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Tiêu chí Huyện nông thôn mới, huyện Bảo Thắng đã phối hợp với các Sở, ngành liên quan xây dựng quy hoạch vùng huyện.

* *Các nội dung đã thực hiện:*

- Quy hoạch xây dựng vùng huyện nông thôn mới huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai đến năm 2040 đã được UBND tỉnh Lào Cai phê duyệt nhiệm vụ tại Quyết định số 143/QĐ-UBND ngày 17/01/2020. Ngày 01/11/2019 UBND huyện Bảo Thắng đã trình Sở Giao thông vận tải - Xây dựng thẩm định phê duyệt Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện nông thôn mới huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai đến năm 2040 tại tờ trình số 390/TTr-UBND. Ngày 19/12/2019, Sở Giao thông vận tải - Xây dựng đã có văn bản số 5115/SGTVT-XD về việc thẩm định Quy hoạch xây dựng vùng huyện nông thôn mới huyện Bảo Thắng đề nghị hoàn thiện một số nội dung của đồ án quy hoạch. Đến nay, đơn vị tư vấn - Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn Quốc gia vẫn đã hoàn thiện đồ án để trình Sở Giao thông vận tải - Xây dựng thẩm định lại, trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định.

- Công khai Quy hoạch: UBND huyện Bảo Thắng sẽ tổ chức công khai Quy hoạch vùng để nhân dân, các tổ chức liên quan biết và thực hiện sau khi được UBND tỉnh phê duyệt.

- Hình thức:

+ In thành ấn phẩm để phát hành rộng rãi.

+ Trưng bày bản vẽ, mô hình tại trụ sở UBND huyện, cơ quan quản lý nhà nước các cấp có liên quan về quy hoạch.

+ Thông tin trên Đài phát thanh của huyện, phát liên tục trong 30 ngày; trên Cổng thông tin điện tử huyện Bảo Thắng.

- Thời gian: Trong thời hạn 30 ngày

- Nội dung: Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các chương trình, kế hoạch đầu tư xây dựng, thực hiện quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị hoặc thực hiện các hoạt động khác có liên quan đến quy hoạch phải tuân thủ quy hoạch đã được phê duyệt và quy định quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị.

** Nội dung thực hiện tiêu chí quy hoạch như sau:*

Quy hoạch xây dựng vùng huyện đảm bảo yêu cầu về nội dung nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng theo quy định tại: Điều 6, điều 7, điều 8 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về một số nội dung về quy hoạch xây dựng. Đồ án quy hoạch xây dựng vùng đảm bảo đáp ứng tái cơ cấu ngành nông nghiệp và yêu cầu xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 gồm:

- Định hướng quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp phù hợp với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, trong đó có quy hoạch sản xuất các sản phẩm nông nghiệp chủ lực có thế mạnh và lợi thế phát triển của huyện.

- Tổ chức, định hướng trung tâm cấp huyện gắn với phát triển đô thị, cụm công nghiệp, trung tâm dịch vụ thương mại cấp huyện và dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp theo hướng tái cơ cấu ngành nông nghiệp, sản xuất hàng hóa lớn.

- Xác định, tổ chức hệ thống các điểm dân cư nông thôn, bao gồm các điểm dân cư tập trung phát triển (cho phát triển dân cư mới);

- Xác định các khu vực sản xuất phi nông nghiệp theo hướng tập trung, thuận lợi cho việc xây dựng hạ tầng và xử lý môi trường; hệ thống kho bãi, trại

sản xuất tập trung cấp huyện, liên xã;

- Xác định và tổ chức hệ thống hạ tầng xã hội (giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục, thể thao, thông tin truyền thông) trên địa bàn huyện;

- Xác định mục tiêu và các giải pháp, công trình bảo vệ môi trường;

- Định hướng hạ tầng kỹ thuật gồm:

+ Giao thông: Xác định đầy đủ hệ thống đường huyện, đường xã và đường nối với các khu vực sản xuất theo quy định tại Quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của Bộ Giao thông Vận tải về việc ban hành “Hướng dẫn lựa chọn quy mô kỹ thuật đường giao thông nông thôn phục vụ chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020”;

+ Cấp nước: Xác định nguồn cấp nước và cân đối nguồn nước, khu vực cấp nước trung tâm, phân tán; các trạm cấp nước và xử lý nước tập trung;

+ Thoát nước: Xác định lưu vực thoát nước, mạng lưới và giải pháp khung thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn huyện;

+ Cấp điện: Xác định hệ thống lưới điện trung áp đạt yêu cầu các thông số vận hành trong hệ thống điện phân phối;

+ Môi trường: Xác định hệ thống nghĩa trang phát triển lâu dài đến cấp xã; hệ thống khung xử lý, thu gom chất thải rắn;

+ Thủy lợi: Xác định mạng lưới thủy lợi theo quy hoạch của ngành thủy lợi, đáp ứng với yêu cầu thích ứng với biến đổi khí hậu.

c) Đánh giá tiêu chí số 1 (Quy hoạch): Đạt.

3.2. Tiêu chí số 2 về Giao thông

a. Yêu cầu của tiêu chí:

Huyện đạt chuẩn tiêu chí về giao thông khi đáp ứng các yêu cầu sau:

- Đường bộ:

+ Có 100% km đường huyện do huyện quản lý đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm và kết nối tới trung tâm hành chính các xã trên địa bàn; tỷ lệ mặt đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông xi măng hóa đạt 100%.

+ Cấp kỹ thuật đường huyện đạt tiêu chuẩn theo TCVN 4054:2005; cấp đường huyện phù hợp với quy hoạch được duyệt.

+ Hệ thống cầu, cống trên các tuyến đường huyện được xây dựng kiên cố, phù hợp với cấp đường quy hoạch.

+ Có 100% km đường huyện do huyện quản lý được bảo trì hàng năm.

- Đường thủy: Đường thủy nội địa do địa phương quản lý được lắp đặt hệ thống báo hiệu đảm bảo an toàn, thuận tiện cho các phương tiện lưu thông. Các bến thủy nội địa phục vụ vận chuyển hành khách, hàng hoá phải đảm bảo các điều kiện về an toàn và được cấp phép hoạt động.

- Vận tải: Bến xe khách tại trung tâm huyện (nếu có theo quy hoạch) tối thiểu đạt loại 4; bố trí điểm dừng, điểm đỗ tại trung tâm các xã dọc theo quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện có tuyến vận tải khách công cộng theo quy hoạch.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

* *Hiện trạng mạng lưới giao thông huyện Bảo Thắng năm 2011.*

- *Giao thông đường bộ:* Toàn huyện có 8 tuyến đường do huyện quản lý,

tổng chiều dài 88,9 km, quy mô đường, kết cấu mặt đường bê tông, nhựa. Nhìn chung các tuyến đường đã được đầu tư cải tạo, nâng cấp nhưng mặt đường nhỏ hẹp và do thời gian sử dụng đã lâu, mật độ phương tiện qua lại lớn nên đã bị xuống cấp, xuất hiện nhiều vị trí bị cao su, ổ gà... ảnh hưởng đến việc lưu thông của người và phương tiện tham gia giao thông, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế xã hội của huyện.

Giao thông đường thủy: Trên địa bàn huyện có sông Hồng chảy qua địa bàn huyện với chiều dài 25 km, chia huyện làm 2 vùng, các xã phía tả ngạn sông Hồng gồm có: Gia Phú, Sơn Hải, Sơn Hà, Phú Nhuận, Tăng Loong, Xuân Giao; các xã phía hữu ngạn sông Hồng gồm có: Phố Lu, Trì Quang, Thái Niên, Xuân Quang, Phong Niên, Phong Hải, Bản Cầm, Bản Phiệt. Có 4 bến đò ngang qua sông Hồng thuận tiện cho việc vận chuyển đường sông.

** Nội dung và khối lượng đã thực hiện:*

Trong 10 năm thực hiện chương trình xây dựng NTM, huyện Bảo Thắng đã lồng ghép nguồn vốn các chương trình, dự án, huy động sự ủng hộ của doanh nghiệp, tham gia đóng góp của nhân dân để đầu tư xây dựng các công trình giao thông nông thôn đảm bảo theo yêu cầu tại Quyết định số 558/QĐ-TTg, ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ và thông tư số 35/2016/TT-BNNPTNT ngày 26/12/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. Đến nay hệ thống đường giao thông trên địa bàn huyện Bảo Thắng đã được đầu tư nâng cấp kết nối với nhau và kết nối tới trung tâm hành chính huyện; trên sông Hồng đã được lắp đặt hệ thống phao tiêu báo hiệu đảm bảo an toàn, thuận tiện cho các phương tiện lưu thông, cụ thể:

- Về đường bộ: Toàn huyện hiện có 8 tuyến đường do huyện quản lý, tổng chiều dài các tuyến 88,9 km đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm và kết nối với trung tâm hành chính các xã trên địa bàn; tỷ lệ mặt đường huyện được đã nhựa hoá đạt 100%, tuy nhiên, qua quá trình sử dụng có 26,2 km đường huyện quản lý đã xuống cấp. UBND huyện đã đề xuất UBND tỉnh đầu tư các tuyến đường huyện phù hợp với yêu cầu tiêu chí, bao gồm:

- Đường Bản Phiệt-Làng Chung 6,5km do Sở Giao thông Vận tải - Xây dựng làm chủ đầu tư, hiện công trình đang thi công, dự kiến hoàn thành trong năm 2021.

- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Tả thàng xã Gia Phú huyện Bảo Thắng đi xã Suối Thầu huyện Sa Pa (Đường 152 cũ 13km). Đã có Tờ trình đề nghị giao danh mục đầu tư số 422/TTr-UBND ngày 25/11/2019 của UBND huyện.

- Đường QL4E đi UBND xã Thái Niên 14km. Đã có Báo cáo thẩm định chủ trương đầu tư của Sở Kế hoạch và Đầu tư số 665/BC-SKH ngày 17/11/2020.

- Ngoài ra, phải đầu tư 4,5km đường Km5QL4E - Trì Quang cần phải nâng cấp nhựa hoá. Đã có Quyết định chủ trương đầu tư số 3969 ngày 17/11/2020 của UBND tỉnh.

Trong thời gian tới UBND huyện Bảo Thắng sẽ kiến nghị UBND tỉnh chỉ đạo các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện. Các tuyến đường huyện có bề

rộng mặt đường tối thiểu $B_{\text{mặt}} = 3,5\text{m}$; bề rộng nền đường tối thiểu $B_{\text{nền}} = 6,0\text{m}$ đảm bảo cấp kỹ thuật tối thiểu đường cấp VI miền núi - TCVN 4054:2005 tương đương đường cấp A giao thông nông thôn tại Quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải; cấp đường huyện phù hợp với quy hoạch được duyệt của UBND tỉnh Lào Cai.

+ Hệ thống cầu, cống, ngầm tràn trên các tuyến đường huyện đã được xây dựng kiên cố (tải trọng H10 - X60 hoặc H13-X60), phù hợp với cấp đường quy hoạch.

+ Hàng năm, UBND huyện đều bố trí nguồn kinh phí được phân bổ từ ngân sách tỉnh để bảo trì các tuyến đường huyện, đảm bảo giao thông an toàn, thông suốt trên các tuyến đường.

- Về đường thủy: Trên địa bàn huyện Bảo Thắng không có tuyến đường thủy nội địa địa phương (chỉ có sông Hồng là tuyến đường thủy nội địa Quốc gia do Cục Đường thủy nội địa Việt Nam quản lý). Đến thời điểm hiện tại, có 04 bến thủy nội địa và 08 bến khách ngang sông được Sở Giao thông vận tải tỉnh cấp giấy phép hoạt động. Các phương tiện thủy được đăng kiểm theo quy định; thuyền viên, người lái có bằng lái, chứng chỉ chuyên môn phù hợp; các phương tiện chở khách đều được trang bị áo phao, dụng cụ nổi cứu sinh, cứu đuối,... theo quy định.

- Về vận tải

+ Đối với việc xây dựng bến xe trung tâm đạt loại 4: UBND huyện bố trí kinh phí sửa chữa, mở rộng bến xe trung tâm hiện có để đảm bảo tiêu chí. Khái toán kinh phí thực hiện các hạng mục đầu tư để đạt tiêu chuẩn khoảng 2.7 tỷ đồng. Về lâu dài xây dựng mới bến xe khách trung tâm huyện tại khu vực đã được quy hoạch tại xã Sơn Hà khu vực nút giao đường cao tốc Nội Bài – Lào Cai). Kinh phí thực hiện từ nguồn vốn xã hội hóa. Đề xuất quy hoạch và thực hiện xây dựng các vị trí đón trả khách cụ thể như sau:

Hiện tại các điểm đón trả khách thường được thực hiện tại bến xe Trung tâm huyện Bảo Thắng và khu vực giáp đường cao tốc tại xã Sơn Hà. Định hướng phát triển các điểm đón trả khách sẽ thực hiện tái các vị trí cụ thể gồm: Bến xe trung tâm huyện Bảo Thắng (bến xe thị trấn Phố Lu có sẵn tại khu vực ga Phố Lu, Bến xe trung tâm huyện mới tại khu vực nút giao đường Cao tốc (khu vực Sơn Hà). Các điểm đỗ xe này sẽ phục vụ nhu cầu đón, trả khách tại các xã: Sơn Hà, Thị Trấn Phố Lu, xã Sơn Hải. Vì vậy khi sửa chữa, xây dựng mới các bến xe khách sẽ thực hiện đồng thời khu vực đón trả khách.

Đối với các tuyến đường huyện quản lý khi đầu tư (khoảng 27km). Sẽ đồng thời bố trí 5 điểm đón trả khách tại khu vực: Thôn Tả Thành xã Gia Phú thuộc tuyến đường Tả Thành – Gia Phú giao với tỉnh lộ 152. Vị trí đầu đường Trì Quang giao đường Quốc lộ 4E tại Km5. Vị trí Ngã ba Làng Đo đường Phong Hải Thái Niên với đường Tỉnh lộ 157. Vị trí Ngã 3 đường Trì Quang – TT Phố Lu giao với đường tỉnh lộ 161. Đầu đường Bản Phiệt Làng Trung giao với đường Quốc lộ 70. Vị trí đường Sơn Hà – Phú Nhuận giao với đường tỉnh lộ 151.

Đối với các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ trên địa bàn: Sẽ bố trí các điểm đón trả khách tại các vị trí gồm: Đường Quốc lộ 70: Bố trí 3 điểm đón trả khách tại: Ngã ba Cầu Bản Phiệt giao quốc lộ 4D, chợ Phong Hải Km 26 QL70, Ngã Ba Bắc Ngâm Giao QL4E. Đường Quốc Lộ 4E: Bố Trí 02 vị trí tại Khu vực Ngã ba Xuân Giao giao đường tỉnh lộ 151, Chợ Gia Phú khu vực tái định cư Gia Phú.

Các tuyến đường tỉnh lộ khi giao cắt với đường huyện quản lý hoặc trên các tuyến quốc lộ đã đề nghị tỉnh quy hoạch các điểm đón trả khách.

c) Đánh giá tiêu chí số 2 (Giao thông): Đạt.

3.3. Tiêu chí số 3 về Thủy lợi

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Hệ thống thủy lợi liên xã (bao gồm các công trình thủy lợi có liên quan trực tiếp với nhau về khai thác và bảo vệ từ 02 xã trở lên) được xây dựng phù hợp với quy hoạch thủy lợi đã được phê duyệt.

- Có tổ chức quản lý khai thác hệ thống thủy lợi liên xã hoạt động hiệu quả bền vững:

+ Được thành lập theo quy định hiện hành;

+ Quản lý khai thác hệ thống theo đúng kế hoạch được duyệt, đảm bảo điều hoà phân phối nước, tiêu nước công bằng, hợp lý;

+ Thực hiện Phương án bảo vệ công trình thủy lợi được duyệt.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Trong những năm qua, hệ thống công trình thủy lợi của huyện luôn được đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo đáp ứng được yêu cầu phát triển sản xuất, dân sinh và phòng chống thiên tai, cụ thể:

Huyện không có công trình thủy lợi liên xã. Hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Bảo Thắng 100% là các công trình tưới trong phạm vi một xã. Các hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Bảo Thắng đều được đầu tư xây dựng theo đúng các quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Hệ thống thủy lợi chung của huyện đảm bảo tưới, tiêu cho 94,9% diện tích đất nông nghiệp, đáp ứng yêu cầu phòng chống thiên tai và đời sống dân sinh trong toàn huyện. Toàn huyện hiện có 199 công trình thủy lợi chính, trong đó: Hồ chứa 37 công trình, đập dâng điều tiết 215 công trình, (123 kiên cố, 92 tạm). Tổng số km kênh mương 537,4 km, trong đó kênh mương được kiên cố 358,31 km, đạt tỷ lệ 66,6%. Các công trình thủy lợi phục vụ tưới, tiêu chủ động cho 54.328,8 ha/4.561,7 ha đất sản xuất nông nghiệp, đạt tỷ lệ 94,9%.

- Hàng năm, thực hiện các Quyết định của UBND tỉnh về bảo trì công trình thủy lợi, UBND cấp xã đã thành lập và kiện toàn các tổ quản lý và triển khai giao công trình cho các tổ thực hiện công tác duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên, do đó hàng năm hệ thống công trình đã đảm bảo cung cấp đủ lượng nước theo nhu cầu của mùa vụ, không để xảy ra tình trạng hạn hán dẫn tới phải bỏ hoang diện tích đất ruộng.

c) Đánh giá tiêu chí số 3 (Thủy lợi): Đạt.

3.4. Tiêu chí số 4 về Điện

a) Yêu cầu của tiêu chí

Các công trình hệ thống điện trung thế liên xã đầu tư trên địa bàn huyện theo quy hoạch, đảm bảo cấp điện an toàn đạt tiêu chuẩn và đảm bảo nhu cầu sử dụng điện đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện theo quy định của Bộ Công thương.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Hệ thống điện trên địa bàn huyện Bảo Thắng đến nay được hoàn thiện, cấp điện trực tiếp tới các hộ dân. Lưới điện trung thế đảm bảo phù hợp với hệ thống điện của huyện và phù hợp với quy hoạch phát triển lưới điện trung thế đến 2025, tầm nhìn 2035 được UBND tỉnh phê duyệt. Toàn bộ hệ thống điện đảm bảo truyền tải và cấp điện an toàn đạt chuẩn và đảm bảo nhu cầu sử dụng điện đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của huyện.

- Lưới điện huyện Bảo Thắng được cấp điện từ trạm 110 kV Lào Cai E12.1, qua đường dây trung thế gồm các lộ ĐZ35KV: 372E12-1; 374E12-1, lộ ĐZ10kv: 971T12-3. Đến năm 2019, toàn huyện có 258,7 km đường dây trung thế; 164 trạm biến áp tăng 79 trạm so với năm 2011, với tổng công suất là 21.300 kVA. Năm 2019, tổng số khách hàng sử dụng điện sinh hoạt 27.277 khách hàng; tổng số công tơ điện các loại 26.309 công tơ, tăng 3.057 công tơ so với năm 2011.

- Như vậy, hệ thống điện trên địa bàn huyện đã đạt các thông số kỹ thuật, an toàn điện theo Tiêu chí 4.1 tại Quyết định số 4293/QĐ-BCT ngày 28/10/2016 về phương pháp đánh giá thực hiện Tiêu chí số 4 về điện nông thôn trong Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020; đồng bộ và đạt yêu cầu kỹ thuật trong vận hành với hệ thống điện phân phối (về tần số, điện áp, cân bằng pha, sóng hài điện áp, nhấp nháy điện áp, công suất, truyền tải, hệ thống bảo vệ) liên xã theo các thông số quy định tại Thông tư số 39/TT-BCT ngày 18/11/2015 của Bộ Công Thương quy định về hệ thống lưới điện phân phối.

- Hệ thống điện được đầu tư giai đoạn 2016 - 2020 đồng bộ và phù hợp với quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Lào Cai, đảm bảo nguồn cung cấp điện đáp ứng nhu cầu sử dụng điện trong sinh hoạt, sản xuất của nhân dân và phát triển kinh tế xã hội của huyện giai đoạn 2016 - 2020.

c) Đánh giá tiêu chí số 4 (Điện): Đạt.

3.5. Tiêu chí số 5 về Y tế - Văn hóa - Giáo dục

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Bệnh viện huyện đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng III theo quy định tại Thông tư số 23/2005/TT-BYT ngày 25/8/2005 của Bộ Y tế về hướng dẫn xếp hạng các đơn vị sự nghiệp y tế.

- Trung tâm y tế huyện đạt chuẩn Quốc gia khi đảm bảo các yêu cầu về cơ sở vật chất, trang thiết bị và cán bộ theo hướng dẫn thực hiện của Bộ Y tế.

- Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có nhiều hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các xã có hiệu quả khi đảm bảo các yêu cầu theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Thông tư số 01/2010/TT-BVHTTDL ngày 26/02/2010 ban hành quy chế về tổ chức và hoạt động của tổ

chức sự nghiệp hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thông tư số 11/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010 quy định tiêu chí của Trung tâm Văn hóa - Thể thao quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh.

- Có từ 60% trở lên số trường Trung học phổ thông trên địa bàn huyện đạt chuẩn Quốc gia theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Trung học phổ thông trên địa bàn huyện bao gồm trường Trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, trong đó có cấp học Trung học phổ thông. Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn Quốc gia trên địa bàn huyện được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa số trường Trung học phổ thông đạt chuẩn Quốc gia trên tổng số trường Trung học phổ thông trên địa bàn huyện.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

*** Về Y tế.**

- Bệnh viện đa khoa huyện

Về cơ cấu tổ chức: Bệnh viện Bảo Thắng có nhiệm vụ chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân các dân tộc huyện Bảo Thắng và bệnh nhân đa tuyến đến. Bệnh viện quy mô 340 giường bệnh, 276 công chức, viên chức, lao động được chia thành 19 khoa phòng, 02 phòng khám ĐKKV; 03 cơ sở điều trị, cấp phát thuốc Methadone. Bệnh viện đa khoa huyện có Ban Giám đốc (gồm có 01 Giám đốc, 02 Phó Giám đốc).

Về cơ sở vật chất Bệnh viện đa khoa huyện được xây dựng khang trang, sạch đẹp với quy mô Bệnh viện hạng II, gồm 330 giường bệnh.

Về trang thiết bị y tế đã được đầu tư nhiều thiết bị hiện đại đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh như: Máy Siêu âm, X quang Kỹ thuật số, máy nội soi Tai – Mũi - Họng, máy điện tim, các loại máy xét nghiệm tự động và nhiều trang thiết bị khác.

Về hoạt động khám chữa bệnh: Công suất sử dụng giường bệnh luôn đạt trên 150% KH, hàng năm phẫu thuật trên 1.500 ca, số khám bệnh hàng năm đạt 105.000-110.000 lượt người; điều trị nội trú từ 150.000-170.000 lượt người. Triển khai được 495 kỹ thuật vượt tuyến. Cung ứng thuốc đầy đủ, kịp thời, sử dụng thuốc an toàn hợp lý, đảm bảo cho công tác khám chữa bệnh và phòng chống dịch bệnh trên địa bàn.

Bệnh viện đa khoa huyện Bảo Thắng đã được xếp hạng bệnh viện hạng II tại Quyết định số 3801/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của UBND tỉnh Lào Cai về việc xếp lại hạng Bệnh viện công lập trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Thực trạng hoạt động của Bệnh viện đa khoa huyện thể hiện trên một số lĩnh vực sau:

- Trung tâm Y tế huyện: Trung tâm Y tế huyện được thành lập từ 01/01/2007. Từ tháng 07/2015 Trung tâm Y tế huyện tiếp nhận 15 Trạm Y tế các xã, thị trấn từ Phòng Y tế huyện. Tổng số biên chế: 135 cán bộ trong đó TTYT 40 cán bộ (bác sỹ chuyên khoa I: 02, BSK: 07), biên chế của xã: 95 cán bộ (bác sỹ chuyên khoa I: 01, bác sỹ đa khoa: 07). Đến tháng 01 năm 2017 Trung tâm An toàn vệ sinh thực phẩm, và Trung tâm Dân số-KHHGD giải thể sáp nhập vào Trung tâm Y tế huyện Bảo Thắng theo quyết định số 4802/QĐ-

UBND ngày 28/12/2016 của UBND tỉnh Lào Cai về việc Sáp nhập trung tâm Dân số-KHHGD các huyện, thành phố Trung tâm An toàn vệ sinh thực phẩm các huyện Sa Pa, Bảo Thắng, Thành Phố Lào Cai về Trung tâm y tế các huyện, thành phố.

Hiện nay Trung tâm Y tế có 04 phòng và 06 khoa chuyên môn; Biên chế được giao 2020: 140, hiện có: 132 (03 HĐ trong quỹ lương) trong đó: Biên chế sự nghiệp Y tế dự phòng: 45, hiện có: 45; Biên chế sự nghiệp Y tế cơ sở: 95, hiện có: 87. Đại học, sau ĐH: 25 (BsCKI: 03; BsĐK: 09; CNĐD: 01; CNYTCC: 03; CNĐD chuyên ngành phụ sản: 03; CNKT: 02; CNXXN: 01; Dược sỹ ĐH: 01; ĐH công tác xã hội: 02).

Cao đẳng: 18 (CNTP: 01; Dược: 06; KTVXN: 02; ĐD: 04; Hộ sinh: 05); Trung học: 88 (Y sỹ: 45; HSTC: 15; DSTH: 10; THĐD: 15; KTVXN: 02; TCKT: 01); Hợp đồng 68: 01.

Đội ngũ nhân viên y tế thôn bản hiện có 187/194 (96%), trong đó có 03 cô đỡ thôn bản. Số nhân viên y tế bản có trình độ đạt chuẩn (đào tạo từ 3 tháng trở lên): 177 (94%).

Cơ sở vật chất Hệ thống cơ sở hạ tầng nhà trạm, trang thiết bị vật tư y tế cho y tế xã đã được củng cố, hoàn thiện đầu tư xây dựng mới bằng các nguồn vốn các chương trình và ngân sách của địa phương.

Trang thiết bị: Được sự đầu tư, mua sắm của Sở Y tế, UBND huyện, các chương trình, dự án cơ bản đáp ứng cho công tác khám chữa bệnh ban đầu cho nhân dân trên địa bàn huyện. Cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế bảo đảm cung ứng đầy đủ các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh cho người dân trên địa bàn, cung ứng dịch vụ theo hướng toàn diện, liên tục. Bổ sung trang thiết bị cho trạm y tế xã duy trì bộ tiêu chí quốc gia; các xã, thị trấn thực hiện mô hình điểm; Cấp trang thiết bị cho trạm y tế từ nguồn dự án PET. Sử dụng tin học trong các hoạt động của y tế cơ sở: 100% các xã, thị trấn thực hiện đồng bộ và kết nối hệ thống thông tin giữa y tế xã với y tế huyện để theo dõi, quản lý sức khỏe người dân trên địa bàn; sử dụng hiệu quả phần mềm hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia. Quản lý hoạt động khám, chữa bệnh và chi phí khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế.

Triển khai thực hiện công tác chuyên môn: Đề án 1816 được duy trì và phát huy hiệu quả trong việc chuyển giao kỹ thuật nâng cao chất lượng công tác khám chữa bệnh cho Nhân dân. Nâng cao năng lực cho các trạm y tế xã trong công tác phòng chống dịch bệnh. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền phòng, chống dịch nguy hiểm. Triển khai thực hiện tốt công tác tiêm chủng phòng bệnh cho trẻ em và phụ nữ có thai, số trẻ được tiêm chủng đầy đủ hàng năm đều đạt > 95%. Xây dựng kế hoạch hoạt động lồng ghép các dự án thuộc chương trình mục tiêu y tế - dân số giai đoạn 2016-2020. Kết hợp giữa phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu với phòng chống các bệnh không lây nhiễm, bệnh mạn tính. Kiểm soát, phòng chống dịch bệnh, bảo đảm ATTP, được thực hiện thường xuyên, hiệu quả; không để vụ dịch lớn, vụ ngộ độc thực phẩm nghiêm trọng xảy ra, chủ động phòng chống bệnh truyền nhiễm. Tham mưu triển khai kịp thời, hiệu quả các biện

pháp phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn huyện. Rà soát, phát hiện kịp thời, cách ly các trường hợp nghi nhiễm. Đến tháng 6/2020 đã tổ chức điều tra giám sát, cách ly điều trị 32 ca nghi mắc COVID-19, tổ chức điều tra dịch tễ và lấy được 349 mẫu bệnh phẩm gửi Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh làm xét nghiệm, tổ chức đưa 102 công dân đi lao động tại Trung Quốc về đi các ly tập trung tại khu vực cách ly tập trung của huyện. Thành lập chốt kiểm soát dịch COVID-19 tại Trạm thu phí km 234 Xuân Giao, thực hiện kiểm tra thân nhiệt, khai báo y tế kiểm soát được 7533 phương tiện, với 11.715 người. Công tác Dân số-KHHGD đã tích cực tham mưu cho cấp Ủy chính quyền, phối hợp liên ngành được 21 văn bản về Quy mô, cơ cấu, phân bố chất lượng dân số. Quy mô dân số hàng năm đều tăng từ 111.984 người năm 2017 lên 113.387 người năm 2019; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên được giảm dần qua các năm, năm 2017 chiếm tỷ lệ 10,15% xuống còn 9,75% vào năm 2019; Tỷ suất sinh thô giảm từ 16,01‰ năm 2017 xuống còn 15,75‰ vào năm 2019 đạt 130% kế hoạch giao. Mô hình tư vấn khám sức khỏe tiền hôn nhân do Chi cục Dân số-kế hoạch hóa gia đình và Trung tâm chăm sóc SKSS tỉnh triển khai tại tỉnh đã khám và tư vấn cho trên 5.000 trường hợp. Tỷ lệ các cặp vợ chồng áp dụng các biện pháp tránh thai hiện đại: 71%. Sàng lọc trước sinh năm 2017 đạt 100% kế hoạch; năm 2018 đạt 71,48% kế hoạch; năm 2019 đạt 100,4% kế hoạch, Sàng lọc sơ sinh năm 2017 đạt 39,64%; năm 2018 đạt 19,62%; năm 2019 đạt 79,3% kế hoạch. Chênh lệch giới tính khi sinh giảm từ 117 trẻ trai/100 trẻ gái xuống còn 115 trẻ trai/100 trẻ gái. Số người cao tuổi được khám và có hồ sơ khám sức định kỳ trong năm là 4023 người đạt 101% kế hoạch giao. Công tác duy trì các tiêu chí nông thôn mới tại các xã: 100% các xã duy trì các tiêu chí Nông thôn mới do ngành Y tế phụ trách, theo Bộ tiêu chí quốc gia Nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

Trung tâm Y tế huyện Bảo Thắng đã được xếp hạng III tại Quyết định số 1886/QĐ-UBND ngày 26/6/2019 của UBND tỉnh Lào Cai về việc xếp hạng đối với Trung tâm Y tế các huyện, thành phố trực thuộc Sở Y tế.

** Về Văn hóa*

- Trung tâm Văn hóa, thể thao - Truyền thông được sáp nhập từ 2 đơn vị Trung tâm Văn hóa Thể thao, Đài truyền thanh- Truyền hình, theo Quyết định số 3041/QĐ-UBND ngày 01/10/2018 của UBND tỉnh Lào Cai về việc thành lập Trung tâm Văn hóa, thể thao - Truyền thông huyện Bảo Thắng theo đề án sáp nhập của Trung Ương.

Về tổ chức hiện tại gồm có: 29 biên chế. Ban lãnh đạo gồm: 01 Giám đốc, 03 phó Giám đốc, các bộ phận nghiệp vụ. Đội tuyên truyền lưu động 05, Tổ văn hóa thể thao 02 Tổ hành chính 03, Tổ truyền thanh truyền hình 15

Về trình độ chuyên môn 65% cán bộ có trình độ đại học, còn lại là cao đẳng và Trung cấp. Căn cứ theo Thông tư số 01/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và du lịch thì Trung tâm văn hóa, Thể thao- Truyền thông huyện đã đảm bảo đáp ứng theo yêu cầu về bộ máy cũng như chuyên môn nghiệp vụ.

- Cơ sở vật chất hiện tại

Hệ thống thiết chế văn hóa huyện đã được quy hoạch tổng thể với

tổng diện tích 10.588,32m² bao gồm: Hội trường với 600 chỗ ngồi, trụ sở làm việc bao gồm các phòng chức năng như hội trường tập luyện văn nghệ, sân bãi phục vụ biểu diễn nghệ thuật và các công trình phụ trợ.

Sân vận động trung tâm có khán đài được hoàn thành giai đoạn 2 với 600 chỗ ngồi theo quy chuẩn đảm bảo nhu cầu tập luyện TDTT cho nhân dân và tổ chức các sự kiện chính trị lớn của huyện. Ngoài ra hệ thống sân bãi tập luyện đạt chuẩn cấp huyện cũng được đầu tư toàn huyện có 07 nhà thi đấu cầu lông có mái che; 13 sân cầu lông ngoài trời, 08 sân bóng chuyền, 02 khu thể thao ngoài trời, tại 02 tiểu công viên thuộc thị trấn Phố Lu được trang bị dụng cụ tập luyện đáp ứng nhu cầu rèn luyện sức khỏe của Nhân dân.

Khu vui chơi giải trí, khuôn viên hồ trung tâm phục vụ nhu cầu tập luyện TDTT cho nhân dân, nhà thi đấu đa năng huyện được khởi công xây dựng tổng diện tích 3.500m², với 300 chỗ ngồi với tổng số vốn đầu tư 14 tỷ đồng.

Phương tiện chuyên dùng - Xe ô tô lưu động

- Trang thiết bị: Trung tâm Văn hóa, thể thao - Truyền thông được trang bị đầy đủ trang thiết bị theo yêu cầu như tượng Bác; bộ trang trí khánh tiết; bộ tăng âm ánh sáng loa đài hiện đại đủ công suất phục vụ tốt nhất cho các sự kiện chính trị lớn nhỏ; có dụng cụ tập luyện công tác thi đấu TDTT, có đạo cụ và trang phục tối thiểu để phục vụ cho tập luyện và biểu diễn...

- Đánh giá tổ chức hoạt động của Trung tâm văn hóa, thể thao - Truyền thông

Trong những năm qua, đặc biệt là sau 2 năm thực hiện sáp nhập, Trung tâm văn hóa, thể thao - Truyền thông đã có nhiều cố gắng tổ chức thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao. Công tác chỉ đạo, điều hành của Ban lãnh đạo đã bám sát nhiệm vụ trọng tâm, sự chỉ đạo của Huyện ủy, HĐND, UBND huyện và Ban tổ chức kỷ niệm các ngày lễ lớn huyện của huyện, sự chỉ đạo định hướng của Sở Văn hóa, thể thao và du lịch tỉnh Lào Cai, Ban Tuyên giáo Huyện ủy sự phối hợp tốt với các ban ngành đoàn thể của huyện.

Cán bộ, công chức, viên chức đã nghiêm túc triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; chủ động, sáng tạo, đề cao vai trò, trách nhiệm cá nhân, phát huy trí tuệ tập thể, giữ vững sự đoàn kết, nhất trí, kỷ cương, kỷ luật; các lĩnh vực hoạt động của đơn vị ngày càng gắn kết và phát huy vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

Tham mưu thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch phát triển văn hóa, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa các dân tộc đã bảo tồn vốn dân ca dân vũ; trang phục truyền thống như lễ hội của các dân tộc tại 5 xã: Dân tộc Dao Tuyển xã Trì Quang, Xuân Quang, Dân tộc Tày xã Phú Nhuận, Dân tộc Mông xã Bản Cầm, Thái Niên, Dân tộc Giáy TT Phong Hải, dân tộc Phù Lá xã Phong Niên, Xuân Quang. Bảo tồn được 6 lễ hội đặc sắc, có giá trị của các dân tộc. Suu tầm bộ sưu tập hiện vật có giá trị, tiêu biểu sách cổ dân tộc Dao xã Sơn Hà, Xuân Quang, phối hợp với các ngành của tỉnh tổ chức truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể tại cộng đồng xã Phú Nhuận, Bản Phiệt. sinh hoạt hát then, hát giao duyên, nghi lễ then cổ xã Phú

Nhuận.

Tổ chức phát động phong trào TDTT của huyện đã đã được chuyển biến tích cực cả về chiều rộng lẫn chiều sâu, phát triển mạnh các đội thể thao, câu lạc bộ thể dục thể thao hiện đại và truyền thống, các bộ môn thể thao thể mạnh của huyện tham gia các giải thi đấu tại tỉnh. Từ năm 2015 đến nay tham gia 12 giải thể thao tại tỉnh giành được 163 huy chương các loại, đặc biệt tại giải Việt Dã tiên phong năm 2016,2017,2018,2019, 2020 đoàn VĐV đạt 37 huy chương các loại và đứng thứ nhất toàn đoàn. Tại hội thi thể thao các dân tộc thiểu số năm 2019 đứng thứ nhất toàn đoàn với 8 môn thi đấu.

Hệ thống thông tin truyền thông phát triển rộng: Trên địa bàn toàn huyện có 03 điểm giao dịch thuê bao di động của Trung tâm viễn thông Vinaphone, TrungViettel Bảo Thắng, Mobifone Bảo Thắng. Toàn huyện có 110 trạm BTS đã được cấp phép xây dựng. trên 700 thuê bao điện thoại cố định; Di động trả sau: 100.000 thuê bao; Internet: 75.000 thuê bao; 01 bưu điện trung tâm huyện và 13 điểm bưu điện văn hóa các xã, thị trấn đáp ứng nhu cầu chuyển phát thư báo, công văn, bưu điện cho các tổ chức cá nhân.

Phát thanh - Truyền hình: Duy trì có hiệu quả các đài truyền thanh cấp xã, cụm loa thôn, TDP, hàng năm huyện sản xuất được 323 chương trình phát thanh với tổng số 3450 tin bài, 49 chương trình phát trên sóng đài tỉnh, thường xuyên cộng tác với đài tỉnh, chất lượng chương trình luôn được cải tiến, đảm bảo tính thời sự.

** Về Giáo dục*

Năm 2010 trên địa bàn huyện có 03 trường THPT đều chưa đạt chuẩn quốc gia. Đến năm 2020, toàn huyện có 04 trường có cấp THPT (03 trường THPT và 01 trường PTDTNT THCS&THPT), trong đó 3/4 trường đã đạt chuẩn quốc gia chiếm tỷ lệ 75% (trường THPT số 1 đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 theo Quyết định số 4429/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND tỉnh Lào Cai về việc cấp Bằng công nhận trường học đạt chuẩn quốc gia; trường THPT số 2 đạt chuẩn Quốc gia theo Quyết định 3767/QĐ-UBND ngày 8/11/2019 của UBND tỉnh Lào Cai về việc cấp Bằng công nhận trường học đạt chuẩn Quốc gia; Trường THPT số 3 Bảo Thắng đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 theo Quyết định 4489/QĐ-UBND ngày 10/12/2020 của UBND tỉnh Lào Cai về việc cấp Bằng công nhận trường học đạt chuẩn Quốc gia.

- Các nhà trường có khuôn viên đảm bảo theo tiêu chí trường đạt chuẩn quốc gia, có nhiều cây cảnh, cây xanh phù hợp, khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn phù hợp tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường, có môi trường đảm bảo yêu cầu trường học thân thiện. Có cổng trường được xây kiên cố, có cổng sắt bảo vệ, có biển tên trường, có hệ thống tường rào bao quanh theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường. Có sân chơi, bãi tập rộng rãi, được trang bị đầy đủ các thiết bị tập luyện thể dục, thể thao cho học sinh.

- Các nhà trường có đủ phòng học, bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh,

có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày; Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;

- Các nhà trường có đủ các thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường. Có đủ thiết bị dạy học cho mỗi cấp học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định. Có website riêng phục vụ cho nhu cầu tra cứu thông tin của giáo viên và học sinh.

c) Đánh giá tiêu chí số 5 (Y tế - Văn hóa - Giáo dục): Đạt.

3.6. Tiêu chí số 6 về Sản xuất

a) Yêu cầu của tiêu chí

Huyện đạt chuẩn tiêu chí về sản xuất khi đáp ứng 01 trong 2 điều kiện sau:

- Hình thành vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của huyện, đảm bảo:

+ Có quy mô đất đai, mặt nước lớn, liên xã theo quy định của từng tỉnh phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương;

+ Áp dụng đồng bộ quy trình sản xuất đảm bảo an toàn thực phẩm và phát triển bền vững;

+ Các khâu sản xuất trồng trọt được cơ giới hóa đồng bộ; các khâu sản xuất chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản được cơ giới hóa theo quy định của từng tỉnh phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

- Có mô hình liên kết sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và thực hiện tiêu thụ ít nhất 10% sản lượng đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của huyện theo quy hoạch. Mô hình liên kết thực hiện theo một trong hai hình thức sau:

+ Có hợp đồng thu mua sản phẩm trong sản xuất nông nghiệp được ký giữa nông dân, tổ chức đại diện của nông dân với doanh nghiệp, thời gian thực hiện hợp đồng ổn định từ 02 năm trở lên.

+ Có liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị trên cơ sở hợp đồng liên kết cung ứng vật tư và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp được ký giữa nông dân, tổ chức đại diện của nông dân và doanh nghiệp theo chuỗi giá trị từ khâu sản xuất đến thu mua, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Trong đó, doanh nghiệp hoặc tổ chức đại diện của nông dân kiểm tra, giám sát quá trình sản xuất của nông dân và cung ứng các yếu tố đầu vào, vốn, kỹ thuật để đạt được sản lượng, chất lượng nông sản theo yêu cầu của doanh nghiệp và tổ chức đại diện của nông dân, tiêu thụ sản phẩm hàng hóa nông nghiệp cho nông dân.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Thực hiện các Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, các Quyết định của UBND tỉnh Lào Cai về phát triển vùng sản xuất nông nghiệp tập trung theo hướng ứng dụng khoa học kỹ thuật để nâng cao hiệu quả sản xuất hàng hóa; tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới tỉnh Lào Cai đến năm 2020, huyện Bảo Thắng đã quy hoạch và phát triển, mở rộng diện tích cây trồng, giống vật nuôi thế mạnh của huyện thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung; chuyên đổi cơ cấu cây trồng trên đất vườn rừng sản xuất, đất trồng lúa từ những cây trồng kém hiệu quả sang trồng những cây trồng có hiệu quả kinh tế

cao hơn như Chè, quế, cây ăn quả (bưởi, na, nhãn, chanh, chuối, dứa), tạo ra vùng sản xuất hàng hóa tập trung đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của huyện: Vùng cây ăn quả 2.600 ha, vùng quế 6.000 ha, chè chất lượng cao 838 ha, vùng trồng lương thực trên 4.000 ha; Một số nông sản đã trở thành sản phẩm chủ lực của huyện cũng như sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh với khối lượng lớn và có giá trị hàng hóa như: Quế, Chè, quả, sản phẩm chăn nuôi (lợn thịt, gà thịt cá thịt), góp phần nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp. Các vùng sản xuất hàng hóa tập trung đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực được ứng dụng khoa học công nghệ, xây dựng nhãn hiệu sản phẩm, chứng nhận chất lượng sản phẩm và xúc tiến thương mại để nâng cao chất lượng, giá trị, hiệu quả và sức cạnh tranh trên thị trường của các sản phẩm chủ lực; xây dựng vùng sản xuất cây ăn quả đạt tiêu chuẩn VietGap và xây dựng chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm.

Đã xây dựng và có các mô hình liên kết sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của huyện; mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị trên cơ sở hợp đồng liên kết cung ứng vật tư và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp được ký giữa nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp theo chuỗi giá trị từ khâu sản xuất, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất nâng cao chất lượng đến thu mua, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp như: chuỗi sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm Chè; Chuỗi liên kết chăn nuôi gia cầm, chăn nuôi lợn, gà, cá; Chuỗi sản xuất chuối, dứa, bưởi; Các tổ hợp tác, HTX là đầu mối liên kết giữa doanh nghiệp với nông dân trong sản xuất vùng nguyên liệu, thu mua, chế biến, bảo quản và tiêu thụ cho các loại sản phẩm nông lâm nghiệp chủ lực, thực hiện thông qua hợp đồng liên kết sản xuất sản phẩm theo chuỗi giá trị.

*** Về trồng trọt**

Huyện Bảo Thắng đã lựa chọn và xác định những cây trồng phù hợp, có hiệu quả trong sản xuất, quy hoạch thành vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện. Sản xuất đã có sự liên kết ổn định trong tiêu thụ sản phẩm như: Phát triển trồng sản xuất chè chất lượng cao, phát triển cây ăn quả có múi. Hình thành các mô hình phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng áp dụng tiến bộ kỹ thuật, cơ giới hóa trong sản xuất và có sự liên kết chuỗi sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm, nâng cao giá trị sản xuất và phát triển bền vững gồm:

- *Mô hình phát triển trồng và chế biến chè chất lượng cao* tại các xã với diện tích 838 ha; Công ty cổ phần Phong Hải liên kết với các hộ trồng chè xây dựng vùng nguyên liệu chè tươi đạt tiêu chuẩn Vietgap. Mô hình trồng và chế biến chè chất lượng cao cho giá trị thu nhập từ 250 - 300 triệu đồng/ha.

- *Mô hình trồng cây ăn quả*: Đã quy hoạch và phát triển vùng trồng cây ăn quả tại các xã: Thái Niên, Phong Niên, Xuân Quang, Gia Phú, Xuân Giao... đến nay đã phát triển vùng cây ăn quả với diện tích 2.600 ha, gồm các loại: Nhãn, Bưởi múc, bưởi Da Xanh, Nhãn, Na dai, Mít tứ mùa; Xây dựng đạt chứng nhận nhãn hiệu tập thể Quả Bảo Thắng (dùng cho các sản phẩm Na, Nhãn, chanh); Bưởi Múc Bảo Thắng. Hiện có 02 Hợp tác xã cây ăn quả là HTX Bưởi Múc xã

Thái Niên và HTX Nậm Dù, xã Xuân Quang liên kết trong sản xuất, kinh doanh sản phẩm quả: Bưởi, nhãn, na, chanh ở thị trường trong tỉnh và một số tỉnh lân cận. Hiện nay đang xây dựng vùng cây ăn quả dọc các xã 2 bên đường cao tốc Nội Bài-Lào Cai, đạt tiêu chuẩn VietGAP. Giá trị thu nhập trồng cây ăn quả hiện nay đạt từ 250 – 300 triệu đồng/ha.

* **Về chăn nuôi:** Trong chăn nuôi đã từng bước chuyển đổi từ chăn nuôi nhỏ lẻ sang chăn nuôi hàng hóa, phát triển được các cơ sở, trang trại chăn nuôi tập trung quy mô lớn. Đến nay toàn huyện có 03 Doanh nghiệp tư nhân chăn nuôi thịt, lợn giống, 02 Hợp tác xã chăn nuôi lợn và gia cầm và 420 trang trại chăn tập trung (gia cầm 142 trang trại; chăn nuôi lợn 270 trang trại; trâu, bò tập trung 5 trang trại; thủy sản 03 trang trại). Đã có các mô hình chăn nuôi gia cầm, lợn liên kết sản xuất giữa các tổ hợp tác hộ chăn nuôi, Hợp tác xã chăn nuôi với các đơn vị cung cấp giống, thức ăn chăn nuôi và tiêu thụ sản phẩm gà thịt tạo thành chuỗi liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm bền vững. *Mô hình phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm gà Minh Dư thương phẩm* của Hợp tác xã Xuân Tiến, xã Xuân Quang: Hợp tác xã gồm 12 thành viên, quy mô nuôi 35.000 con/lứa, ngoài ra Hợp tác xã tiến hành ký hợp đồng liên kết với trên 30 hộ chăn nuôi gia cầm hàng hóa trong cung ứng con giống, thức ăn và tiêu thụ sản phẩm cho các hộ chăn nuôi tại các xã: Xuân Quang, Trì Quang, Thái Niên, Sơn Hải. HTX chăn nuôi Quý Hiền liên kết tiêu thụ sản phẩm lợn thịt cho các thành viên HTX và Nhân dân trên địa bàn; HTX thủy sản Phong Hải liên kết tiêu thụ sản phẩm cá thịt cho các hộ chăn nuôi thủy sản thâm canh tại Phong Hải, Phong Niên, Thái Niên...

* **Về lâm nghiệp**

Thực hiện Nghị quyết số 85/2016/NQ-HDND quy định về chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2017-2020, mục đích nhằm khuyến khích các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư sử dụng bền vững tài nguyên rừng đem lại hiệu quả cao về các mặt kinh tế, xã hội và môi trường. Duy trì diện tích đất lâm nghiệp 51.738 ha, trong đó diện tích rừng sản xuất 43.272 ha; rừng phòng hộ 8.466 ha. Tập trung đầu tư chăm sóc 6.000 ha quế. Diện tích trồng mới và trồng thay thế rừng hàng năm đạt từ 2.000-2.500 ha; sản lượng gỗ rừng trồng năm 2020 đạt 90.000 m³; Duy trì độ che phủ rừng đạt 69,6%. Trong phát triển kinh tế đồi rừng đã hình thành một số mô hình điển hình cho thu nhập cao và giải quyết việc làm cho hàng ngàn lao động ở nông thôn, cụ thể:

- *Mô hình liên kết phát triển trồng quế:* Đối với huyện Bảo Thắng, cây quế là cây trồng truyền thống và chủ lực, được nhân dân trồng từ lâu đời gắn liền với sự phát triển kinh tế - xã hội của đồng bào dân tộc vùng cao, là một trong những nguồn thu nhập chính có vai trò quan trọng trong đời sống kinh tế của một bộ phận không nhỏ người dân và đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện. Đến năm 2020, tổng diện tích cây Quế trên địa bàn huyện 6.000 ha, tập trung tại các xã: Thái Niên, Phong Niên, Xuân Quang, Trì Quang, Sơn Hà, Phú Nhuận...Mô hình có sự liên kết giữa các hộ trồng quế với doanh

ngiệp, Hợp tác xã trong đầu tư xây dựng chứng nhận sản phẩm, vùng nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm. Hiện nay trên địa bàn huyện có một số doanh nghiệp (Công ty cổ phần techvina; Công ty TNHH tinh dầu quế Việt nam, Công ty TNHH tinh dầu quế Phú Nhuận) và một số cơ sở, HTX thu mua khác. Giá trị thu nhập 1 ha quế với chu kỳ 15 năm đạt trên 900 triệu đồng/ha.

c) Đánh giá tiêu chí số 6 (Sản xuất): Đạt

3.7. Tiêu chí số 7 về Môi trường

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đạt tiêu chuẩn;
- Cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ (công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi, chế biến lương thực - thực phẩm) thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

** Đánh giá tình hình chung về thu gom, xử lý rác thải rắn trên địa bàn huyện từ trước năm 2011*

- Các công trình xử lý chất thải rắn: Trước năm 2011, trên địa bàn huyện có 01 bãi rác thải tập trung tại thôn Xuân Đâu (nay là thôn Làng My) xã Xuân Quang được đầu tư từ năm 2002 với diện tích hơn 10 ha xử lý bằng phương pháp chôn lấp thông thường thực chất là bãi đổ thải tập trung đổ thải không có hệ thống thu gom nước thải, không được hồ lót đáy mà tận dụng địa hình là chủ yếu với việc chỉ đổ thải lu nèn không đảm bảo vệ sinh môi trường gây ô nhiễm môi trường.

- Tổng lượng chất thải phát sinh: Năm 2011, số nhân khẩu trên địa bàn huyện là 98 nghìn người, tương đương số lượng rác thải phát sinh khoảng 78 tấn/ngày.

- Tỷ lệ thu gom rác thải: Việc xử lý rác thải sinh hoạt, các hộ dân chủ yếu là đào hố rác để xử lý bằng phương pháp đốt, chôn lấp tại gia đình, tình trạng vớt rác bừa bãi ra sông, suối, hành lang rãnh thoát nước đường giao thông nơi công cộng, xả thải k đúng nơi quy định diễn ra tương đối phổ biến. Tỷ lệ thu gom rác để xử lý tại bãi rác thị trấn Phố Lu đạt 86 %, thị trấn Tầng Loỏng khoảng 26% . Còn lại do các hộ tự xử lý tại gia đình.

- Bể thu gom vỏ bao bì thuốc BVTV sau sử dụng: Đến năm 2011 hầu hết các xã chưa đầu tư bể thu gom vỏ bao bì thuốc BVTV trên cánh đồng.

- Chất thải y tế: Chất thải y tế được phân loại, thu gom theo quy định của ngành. Tuy nhiên hệ thống thu gom xử lý chất thải bệnh viện xuống cấp đầu tư không đồng bộ gây ô nhiễm môi trường ảnh hưởng khu dân cư gần đó

- Bảo vệ môi trường làng nghề: Chưa có làng nghề nào được công nhận.

- Bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp: Khu công nghiệp Tầng Loỏng được phê duyệt đầu tư với tổng diện tích trên 100 ha có 17 nhà máy đầu tư hoạt động có báo cáo đánh giá tác động môi trường và giải pháp xử lý chất thải riêng của mỗi dự án. Nhưng chưa có Báo cáo đánh giá tác động môi trường cũng như hệ thống thu gom xử lý chất thải tập trung của khu công nghiệp chưa được đầu tư, chưa có hệ thống giám sát môi trường tự động. Hoạt động của các nhà máy xảy ra sự cố môi trường, tình trạng cộng hưởng khí thải các nhà máy gây khó khăn trong việc xác định

nguyên nhân đối tượng gây ô nhiễm ảnh hưởng môi trường đời sống Nhân dân. Gây bức xúc cộng đồng.

- Bảo vệ môi trường trong chăn nuôi: Thời điểm trước năm 2011 có 9.446/20.991 hộ có chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh, đạt tỷ lệ 45%.

- Cơ sở chế biến thực phẩm: thời điểm trước năm 2011 có một số cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, làm bún phở đậu quy mô hộ gia đình nhỏ lẻ trên địa bàn không có cơ sở chế biến thực phẩm quy mô công nghiệp.

** Kết quả thực hiện năm 2020:*

Sau 10 năm thực hiện chương trình xây dựng NTM, công tác bảo vệ môi trường của huyện Bảo Thắng đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, cụ thể như sau:

- *Kết quả đầu tư các công trình bảo vệ môi trường:* Ngày 11/12/2015 UBND tỉnh Lào Cai có Quyết định số 4535/QĐ-UBND ngày 11/12/2015 về việc phê duyệt Dự án đầu tư nâng cấp bãi rác thôn Xuân Đậu, xã Xuân Quang, huyện Bảo Thắng. Trong đó giao Sở Tài nguyên và môi trường làm chủ đầu tư triển khai đến nay đã cơ bản hoàn thành bàn giao cho huyện quản lý sử dụng, với hệ thống 4 hố chôn lấp có lót tấm PE và hệ thống rãnh gom nước rỉ rác và nước bề mặt vào bể thu xử lý tập trung phần nào góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường không còn tình trạng nước bãi rác chưa được xử lý chảy tràn ra môi trường. Với quy trình xử lý chôn lấp sử dụng hóa chất enzym và vôi bột xử lý khử trùng.

- *Về ban hành đề án thu gom, quản lý chất thải rắn:* UBND huyện Bảo Thắng đã ban hành các kế hoạch triển khai thực hiện đề án phân loại chất thải tại nguồn, giảm sử dụng nhựa dùng một lần (Kế hoạch 198/KH-UND ngày 10/8/2017 của UBND huyện Bảo Thắng thực hiện mở rộng đề án phân loại chất thải rắn tại nguồn của tỉnh trên địa bàn huyện Bảo Thắng; Kế hoạch 52a/KH-UBND ngày 21 tháng 2 năm 2020 của UBND huyện về việc thực hiện đề án giảm thiểu ô nhiễm môi trường do chất thải nhựa gây ra theo quyết định 392/QĐ-UBND ngày 18/2/2020 của UBND tỉnh).

- *Về thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt:* Toàn huyện ước tính tổng lượng rác phát sinh khoảng 106 tấn/ngày lượng chất thải thu gom xử lý tập trung 26,5 tấn/ngày, lượng còn lại được nhân dân thu gom tái sử dụng và xử lý tại hộ gia đình bằng biện pháp ủ làm phân bón, chôn lấp và đốt.

+ Huyện Bảo Thắng khuyến khích xã hội hoá trong công tác bảo vệ môi trường và trên địa bàn đã có Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Công Chiểu thực hiện dịch vụ công ích xã hội, hiện đang thu gom toàn bộ chất thải sinh hoạt khu đô thị và khu vực dân cư tập trung tại một số xã thị trấn trên địa bàn như thị trấn Phố Lu, Tầng Loong Xuân Quang, Xuân Giao, Sơn Hà, Gia Phú, Phú Nhuận... Một số xã lập đội tự quản thu gom vận chuyển chất thải về bãi thải tập trung của huyện để xử lý như: Phong Hải, Phong Niên, Thái Niên. Đối với rác thải khu vực Đô thị được thu gom vận chuyển xử lý ngày 2 lần; đối với khu vực dân cư tập trung tại các xã bình quân 2 ngày/lần. Việc thu gom để xử lý tập trung rác thải sinh hoạt đạt được khoảng 30% tổng lượng rác thải phát sinh. Các xã còn lại

do từng hộ gia đình phân loại, xử lý bằng hình thức đốt hoặc chôn lấp tại hồ/bể thu gom của hộ gia đình, không có tình trạng xả rác thải gây ô nhiễm môi trường.

+ Về hồ sơ, thủ tục hành chính về môi trường của các khu xử lý rác thải sinh hoạt: Trên địa bàn huyện có 01 bãi xử lý chất thải tập trung của huyện đã có đủ hồ sơ thủ tục môi trường dự án thực hiện lắp báo cáo đánh giá tác động môi trường và được phê duyệt tại Quyết định số 358/QĐ-UBND ngày 04/02/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án đầu tư nâng cấp bãi rác thôn Xuân Đâu, xã Xuân Quang.

+ UBND các xã đã ban hành Quy chế thu gom rác thải, Quy chế bảo vệ môi trường, Quy chế thu gom thuốc bảo vệ thực vật; quyết định thành lập tổ thu gom vận chuyển rác thải. Các thôn, tổ dân phố xây dựng hương ước, quy ước, thành lập các tổ tự quản về bảo vệ môi trường.

+ Công tác tổng vệ sinh môi trường được duy trì thường xuyên vào ngày thứ Bảy, Chủ nhật tuần cuối hàng tháng; đồng thời phát động và thực hiện tích cực trong các đợt cao điểm thực hiện vệ sinh môi trường nhân các ngày sự kiện về môi trường, các dịp lễ, tết... đã được cán bộ và nhân dân trong toàn huyện tích cực tham gia hưởng ứng.

- *Tình hình thu gom, xử lý chất thải rắn nông nghiệp trên địa bàn huyện:*

+ Chất thải rắn từ canh tác, thu hoạch mùa màng: bao gồm rơm, rạ, vỏ trái cây. Một số hộ nông dân thường sử dụng làm chất đốt, hầu hết rơm rạ được xử lý ngay tại đồng ruộng bằng phương pháp cây lật đất, ngâm ủ nước. Như vậy chất thải rắn nông nghiệp được tái sử dụng gần như 100%, không phải chôn lấp tập trung.

+ Chất thải rắn từ chăn nuôi gia súc: Bao gồm phân gia súc, gia cầm. Chất thải chăn nuôi được các hộ gia đình thu gom và ủ phân để bón ruộng, trồng hoa, cây cảnh.

- *Tình hình thu gom, xử lý chất thải rắn công nghiệp trên địa bàn huyện:*

Chất thải rắn công nghiệp trên địa bàn phát sinh từ:

+ Khu công nghiệp, cụm công nghiệp: Trên địa bàn huyện Bảo Thắng có duy nhất Khu công nghiệp Tăng Loóng đến nay đã thực hiện lập đề án bảo vệ môi trường chi tiết và được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt. Đến nay đã được đầu tư hệ thống nhà máy xử lý nước thải với 2 trạm đã và đang vận hành sử dụng, còn 01 trạm đề nghị điều chỉnh sang xây dựng hồ điều hòa thu gom nước bề mặt từ mặt bằng các nhà máy trong khu công nghiệp Tăng Loóng. Hiện nay có 01 trạm đưa vào vận hành chính thức, 01 trạm đang chuẩn bị và các nhà máy trong khu công nghiệp cũng đầu tư nâng cấp bổ sung công trình xử lý chất thải góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Đối với chất thải rắn công nghiệp và chất thải nguy hại hiện nay đã có một số đơn vị như Công ty cổ phần dịch vụ xử lý môi trường Việt Sơn lập dự án, đánh giá tác động môi trường và được UBND tỉnh phê duyệt dự án xử lý chất thải công nghiệp tại khu công nghiệp Tăng Loóng. Hiện nay, UBND tỉnh đã triển khai đề án đánh giá sức chịu tải môi trường khu công nghiệp Tăng Loóng; Đề án bảo vệ môi trường chi tiết đối với khu công nghiệp Tăng Loóng và được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt

tại Quyết định số 1975/QĐ-BTNMT ngày 30/7/2019, kế hoạch thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết khu công nghiệp Tăng Loỏng, UBND tỉnh đã chỉ đạo yêu cầu các nhà máy lắp đặt hệ thống quan trắc môi trường tự động, camera giám sát các công trình xử lý chất thải và đầu nối hệ thống thu gom nước chảy tràn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp (có 2 trạm, công suất một trạm 3000 m³/ngày) và quy hoạch 01 hồ điều hòa. Công tác di chuyển các hộ nằm xen kẹp trong công nghiệp giáp ranh các nhà máy ra khu tái định cư đảm bảo khoảng cách an toàn được 160 hộ. Hiện tại đang khẩn trương thực hiện phương án di dời tiếp 106 hộ ra khỏi vùng ảnh hưởng ô nhiễm môi trường.

+ Cơ sở sản xuất, kinh doanh: Khối lượng chất thải rắn phát sinh tại cơ sở sản xuất, kinh doanh ước tính khoảng 1.051.620 tấn/năm (không tính chất thải rắn phát sinh từ khu công nghiệp Tăng Loỏng). Khối lượng chất thải rắn phát sinh này chủ yếu là đất đá thải từ các sở khai thác, chế biến khoáng, cơ sở chế biến lâm sản, chăn nuôi... lượng chất thải này được thu gom tái sử dụng chủ yếu phục vụ mục đích san lấp mặt bằng xây dựng, đối với chất thải chăn nuôi dùng cải tạo đất phục vụ trồng trọt. Chất thải cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn thu gom, xử lý chất thải rắn của các cơ sở cơ bản bảo đảm theo quy định.

- *Tình hình thu gom, xử lý chất thải nguy hại trên địa bàn huyện:*

+ Các cơ sở sản xuất, kinh doanh phát sinh chất thải nguy hại đều tổ chức thu gom, phân loại, lưu giữ và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại cơ bản đảm bảo quy định.

+ Đối với bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng: Tổng lượng vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trên địa bàn huyện phát sinh ước tính khoảng 15 tấn/năm. Thực hiện theo quy định tại Thông tư Liên tịch số 05/2016/TTLT-BNNPTNT- BTNMT ngày 16/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài nguyên và Môi trường; Hướng dẫn liên ngành số 02/HDLN-STNMT-SNNPTNT ngày 28/8/2017 của liên Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng, Ủy ban nhân dân huyện đã triển khai các nhiệm vụ liên quan đến công tác thu gom, xử lý vỏ bao bì thuốc BVTV. Kết quả, toàn huyện đã đầu tư xây dựng được 176 bể chứa trên các cánh đồng; đồng thời các xã đều đã có hương ước, quy chế về bảo vệ môi trường trong đó có phương án quản lý thu gom, quản lý vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật trên địa bàn. Toàn bộ bao bì hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng được lưu giữ tại bể thu gom và được đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

+ Đối với chất thải rắn y tế thực hiện việc thu gom, phân loại, lưu giữ, xử lý theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 30/6/2015 và Thông tư số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 của liên Bộ Y tế và TN&MT: Hiện nay trên địa bàn huyện có 01 bệnh viện, 02 phòng khám khu vực và 11 trạm y tế xã. Tổng lượng chất thải rắn y tế phát sinh từ các cơ sở y tế là 2,6 tấn/ tháng. Lượng chất thải này được thu gom xử lý bằng lò đốt theo quy định của ngành y. Đối với bệnh viện đa khoa huyện Bảo Thắng

có lò đốt thiết kế đầu tư được phê duyệt tại báo cáo đánh giá tác động môi trường. Các Trạm y tế xã đã đầu tư khu lưu giữ chất thải nguy hại tạm thời và các dụng cụ, thiết bị (*thùng, xô,...*) lưu giữ, phân loại chất thải y tế đảm bảo theo quy định. Về biện pháp xử lý: Chất thải rắn y tế thông thường được thu gom xử lý tại khu xử lý rác thải sinh hoạt của các địa phương hoặc chôn lấp và đốt tại khuôn viên Trạm; Chất thải rắn y tế nguy hại: Toàn bộ chất thải rắn y tế nguy hại của các Trạm y tế xã được vận chuyển đem về xử lý tại lò đốt của Trung tâm y tế huyện Bảo Thắng theo quy định. (*có sổ bàn giao chất thải giữa các cơ sở với Trung tâm y tế huyện*).

- *Cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ (công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi, chế biến lương thực, thực phẩm) thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường:*

+ Về cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ: Như nội dung đánh giá tại Tiêu chí 17.2 nêu trên.

+ Về bảo vệ môi trường làng nghề: huyện không có làng nghề.

- *Về bảo vệ môi trường của các khu, cụm công nghiệp:* Trên địa bàn hiện có 01 Khu công nghiệp Tăng Loong (các cơ sở này đã có hồ sơ, thủ tục về môi trường và đã đầu tư, thực hiện công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định; việc tiếp nhận đầu tư vào khu công nghiệp phù hợp với tính chất ngành nghề đã được quy hoạch). Hiện khu công nghiệp đã có Đề án bảo vệ môi trường chi tiết được Bộ tài nguyên và Môi trường phê duyệt tại Quyết định số 1975/QĐ-BTNMT ngày 30/7/2019. Đã triển khai đầu tư 3 hệ thống thu gom xử lý nước thải tập trung, các doanh nghiệp trong khu công nghiệp thực hiện lắp đặt camera giám sát và hệ thống quan trắc online các cơ quan quản lý và Nhân dân cùng giám sát diễn biến môi trường. Bên cạnh đó từ năm 2011 đến nay huyện đã tổ chức di chuyển những hộ nằm xen kẽ trong khu công nghiệp đến nơi ở mới đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường với tổng số 266 hộ.

c) Đánh giá Tiêu chí số 7 (Môi trường): Đạt

3.8. Tiêu chí số 8 về An ninh, trật tự xã hội

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Hàng năm Huyện ủy có Nghị quyết, UBND huyện có kế hoạch về công tác an ninh, trật tự; chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

- Không để xảy ra tình trạng khiếu kiện đông người kéo dài; khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật.

- Không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội; các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và vi phạm pháp luật khác được kiềm chế, giảm liên tục so với các năm trước.

- Lực lượng vũ trang huyện (Công an, Bộ đội địa phương; Dân quân tự vệ) hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự tại địa phương.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Hàng năm, Huyện ủy đều có nghị quyết, UBND huyện có kế hoạch về công tác an ninh, trật tự, cụ thể: Năm 2020, Huyện ủy Bảo Thắng đã ban hành Chỉ thị số 44-CT/HU, ngày 02/01/2020 về lãnh đạo nhiệm vụ đảm bảo an ninh, trật tự năm 2020; Ủy ban nhân dân huyện kiện toàn Ban chỉ đạo phòng chống tội

phạm tệ nạn xã hội và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc huyện Bảo Thắng (Ban chỉ đạo 138), sau khi được kiện toàn Ban chỉ đạo 138 huyện xây dựng Kế hoạch về phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc năm 2020.

- Hàng năm Công an huyện với vai trò là cơ quan thường trực đã tham mưu cho Ban chỉ đạo 138 huyện xây dựng báo cáo, tổ chức Hội nghị tổng kết công tác phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc năm trước và triển khai nhiệm vụ của năm. Qua đó, chỉ đạo Công an XDPT và PTX về ANTT đơn đốc Công an xã, tham mưu cho Đảng ủy, chính quyền địa phương tổ chức phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc đảm bảo hiệu quả và đúng tiến độ theo kế hoạch (Năm 2020 đã xây dựng mới được 31 mô hình tự quản về an ninh trật tự). Hàng năm đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực tham gia công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, đảm bảo trật tự an toàn giao thông, phòng chống ma túy, công tác quản lý cảm hóa giáo dục, giúp đỡ người lầm lỗi tại công đồng dân cư, nắm tình hình, phòng chống dịch bệnh với tổng số trên: 200 buổi tuyên truyền, 42.00 lượt người tham gia qua đó nhân dân đã cung cấp 180 nguồn tin, trong đó 110 nguồn tin có giá trị, giúp lực lượng Công an xác minh, giải quyết: 80 vụ việc, vụ án, củng cố phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Lực lượng Công an xã thường xuyên được quan tâm, củng cố và huấn luyện nghiệp vụ đảm bảo đúng quy định.

- Tình hình an ninh chính trị trên địa bàn huyện cơ bản ổn định, không xảy ra những vấn đề phức tạp, đột xuất, bất ngờ; không có “điểm nóng” về an ninh chính trị; tình hình an ninh nội bộ, an ninh truyền thông và phi truyền thông nhìn chung diễn biến bình thường, chưa phát hiện các hoạt động khủng bố, rải truyền đơn, kích động phá hoại, gây rối an ninh trật tự; không để xảy ra khiếu kiện kéo dài, khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật.

- Các xã trên địa bàn huyện đã được tập trung chuyển hoá đưa ra khỏi diện trọng điểm phức tạp về an ninh, trật tự xã hội. Các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và vi phạm pháp luật khác được kiềm chế, giảm liên tục so với trước.

- Lực lượng Công an huyện luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ đảm bảo an ninh, trật tự tại địa phương. Biên chế đội ngũ cán bộ, chiến sỹ, lao động hợp đồng, công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân của đơn vị đảm bảo theo quy định của Bộ Công an. Trong những năm qua và năm 2020, tập thể cán bộ, chiến sỹ Công an huyện luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Kết quả năm 2020: Có 15% cán bộ, chiến sỹ đạt danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở”; 80% cán bộ, chiến sỹ đạt danh hiệu “Chiến sỹ tiên tiến”; tập thể Công an huyện đạt danh hiệu “Đơn vị tiên tiến”, “Đơn vị văn hóa, gương mẫu chấp hành Điều lệnh Công an nhân dân”; với những thành tích đạt được trong những năm qua, đơn vị đã được các cấp tặng thưởng nhiều Bằng khen, Giấy khen...

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện trong những năm qua được giữ vững, ổn định; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được triển khai sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân. Tuy nhiên tình hình

an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội vẫn tiềm ẩn, chứa đựng những nguy cơ gây bất ổn định; một số vi phạm, tội phạm, tệ nạn xã hội, xuất cảnh trái phép đã được kiểm chế song chưa bền vững.

c) Đánh giá tiêu chí số 8 (An ninh, trật tự xã hội): Đạt.

3.9. Tiêu chí số 9 về Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Ban Chỉ đạo Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp huyện được kiện toàn tổ chức và hoạt động đúng quy định;

+ Có quyết định thành lập, kiện toàn tổ chức Ban chỉ đạo Chương trình mục tiêu Quốc gia huyện của cấp có thẩm quyền;

+ Có quy chế hoạt động và phân công trách nhiệm cụ thể đối với thành viên của Ban chỉ đạo;

+ Chỉ đạo, quản lý, điều hành, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung của chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên phạm vi địa bàn đảm bảo kịp thời hiệu quả, đúng quy định;

+ Chỉ đạo việc ban hành cơ chế hỗ trợ thúc đẩy các xã xây dựng nông thôn mới trên địa bàn và chỉ đạo thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới trên địa bàn phù hợp với thực tế của địa phương;

+ Chỉ đạo không để xảy ra tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản và không huy động quá khả năng đóng góp tự nguyện của dân trong quá trình thực hiện xây dựng NTM trên địa bàn huyện;

+ Chỉ đạo các xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới .

- Văn phòng Điều phối Chương trình NTM cấp huyện được tổ chức và hoạt động đúng quy định.

+ Có quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức của Văn phòng nông thôn mới huyện của cấp có thẩm quyền;

+ Có quy chế hoạt động và phân công trách nhiệm cụ thể đối với các thành viên của Văn phòng nông thôn mới huyện được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

+ Đảm bảo thực hiện hoàn thành đúng, đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định tại quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 05/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy biên chế của Văn phòng Điều phối nông thôn mới các cấp.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

*** Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới**

- Ban chỉ đạo Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới được thành lập tại Quyết định số 902/QĐ-UBND ngày 24/3/2010 của UBND huyện Bảo Thắng. Đến nay được kiện toàn nhiều lần và kiện toàn gần đây nhất tại tại Quyết định số 30-QĐ/HU ngày 20/7/2020 của Huyện ủy Bảo Thắng.

- Trưởng Ban chỉ đạo phân công nhiệm vụ cụ thể đối với thành viên Ban chỉ đạo Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới; Ban chỉ đạo hoạt động theo quy chế quy định tại Quyết định số 195-QĐ/HU ngày 15/02/2016.

Ban chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và

giảm nghèo bền vững của huyện gồm 48 thành viên, đồng thời ban hành quy chế hoạt động và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban chỉ đạo phụ trách từng lĩnh vực, từng nội dung công việc và từng địa bàn (thôn, xã). Thành lập Văn phòng điều phối xây dựng nông thôn mới cấp huyện. Thường xuyên kiện toàn BCD, Văn phòng điều phối khi có sự thay đổi về tổ chức, nhân sự tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai thực hiện Chương trình. Để lãnh đạo, chỉ đạo tốt Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện giai đoạn 2010 - 2015, giai đoạn 2015 - 2020, Ban Thường vụ Huyện ủy đã ban hành Quyết định số 907-QĐ/HU, ngày 01/01/2012 về việc phê duyệt Đề án thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện giai đoạn 2010-2015, định hướng đến năm 2020; Quyết định số 181-QĐ/HU, ngày 15/01/2016 về việc phê duyệt Đề án thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện giai đoạn 2016-2020; đồng thời xây dựng Đề án xây dựng huyện Bảo Thắng trở thành huyện nông thôn mới vào năm 2020 và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3536/QĐ - UBND ngày 01/11/2018. Để triển khai thực hiện có hiệu quả chương trình hàng năm BCD huyện đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tiến hành, tổ chức rà soát, đánh giá kết quả thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới đối với từng xã đến hết năm thực hiện và chỉ đạo xây dựng kế hoạch thực hiện năm tiếp theo và cả giai đoạn, đăng ký tiêu chí phấn đấu hoàn thành năm thực hiện, đăng ký kế hoạch thực hiện tiêu chí người dân phải làm năm thực hiện (xóa nhà tạm, xây dựng chuồng trại, làm nhà tiêu hợp vệ sinh...). Trên cơ sở đó, Ban chỉ đạo huyện ban hành quyết định giao chỉ tiêu cho các xã thực hiện hoàn thành các tiêu chí trong năm và hoàn thành các tiêu chí người dân phải làm. Đồng thời, chỉ đạo Đảng ủy các xã ban hành Nghị quyết để lãnh đạo thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới và GNBV tại địa phương

Đối với các xã đăng ký hoàn thành chương trình xây dựng nông thôn mới trong năm, BCD huyện đã tiến hành thành lập các Tổ công tác đặc biệt, do các đồng chí Ủy viên Ban thường vụ Huyện ủy làm tổ trưởng và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị huyện tham gia thành viên (tham gia giúp đỡ trực tiếp các thôn) để tuyên truyền, vận động Nhân dân các thôn thuộc các xã đăng ký về đích trong năm thực hiện xây dựng nông thôn mới, đặc biệt là tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện tốt phần việc người dân phải làm (xóa nhà tạm, xây dựng chuồng trại, nhà tiêu hợp vệ sinh và phát triển kinh tế...).

Các cơ quan, đơn vị được phân công phụ trách các tiêu chí xây dựng nông thôn mới đã chủ động tham mưu cho Ban chỉ đạo, UBND huyện các nội dung hướng dẫn các tiêu chí do ngành phụ trách để các xã căn cứ triển khai thực hiện.

Định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, 1 năm và cả giai đoạn tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện chương trình.

- **Đối với cấp xã:** chỉ đạo 11/11 xã thành lập và thường xuyên kiện toàn các Ban chỉ đạo xã, Ban phát triển thôn khi có sự thay đổi về nhân sự, tổ chức. Xây dựng quy chế làm việc, phân công nhiệm vụ các thành viên phụ trách từng tiêu chí, từng thôn trên địa bàn xã. Đồng thời phân công một đồng chí cán bộ xã làm

chuyên trách nông thôn mới để tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền trong tổ chức và thực hiện chương trình

** Văn phòng điều phối nông thôn mới*

- Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới huyện Bảo Thắng được thành lập tại Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 19/01/2015 của UBND huyện Bảo Thắng. Đến nay được kiện toàn nhiều lần và kiện toàn gần đây nhất tại Quyết định 2249/QĐ-UBND ngày 19/4/2019 của UBND huyện Bảo Thắng. Văn phòng điều phối nông thôn mới huyện do đồng chí Phó Chủ tịch UBND huyện phụ trách lĩnh vực kinh tế làm Chánh văn phòng; đồng chí Trưởng phòng Phòng Nông nghiệp và PTNT làm Phó Chánh văn phòng; 01 viên chức chuyên trách. Ngoài ra, cán bộ kiêm nhiệm là lãnh đạo, chuyên viên Phòng Nông nghiệp và PTNT; cán bộ kiêm nhiệm là các đồng chí lãnh đạo, chuyên viên các phòng, ban chuyên môn có liên quan; nhiệm vụ thể đối với các thành viên của Văn phòng nông thôn mới huyện do Chánh văn phòng phân công.

- Văn phòng điều phối nông thôn mới huyện Bảo Thắng đã thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

+ Tham mưu xây dựng quy chế làm việc cho Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện, giai đoạn 2016-2020 trình Trưởng ban chỉ đạo phê duyệt. Đồng thời, xây dựng chương trình, kế hoạch công tác của Ban Chỉ đạo huyện; chuẩn bị nội dung, chương trình của hội nghị, hội thảo và các báo cáo theo yêu cầu của Trưởng ban chỉ đạo.

+ Xây dựng kế hoạch 5 năm và hàng năm về mục tiêu, nhiệm vụ, các giải pháp nhu cầu kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM giai đoạn 2011-2015, giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn huyện, báo cáo Ban Chỉ đạo.

+ Tham mưu, giúp việc cho Ban Chỉ đạo huyện triển khai, tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch xây dựng NTM hàng năm. Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Chương trình; kiến nghị, đề xuất biện pháp giải quyết những vấn đề mới phát sinh và thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Trưởng Ban chỉ đạo và các Phó Trưởng Ban chỉ đạo.

+ Lập dự trù kinh phí phục vụ hoạt động hàng năm của Ban Chỉ đạo huyện và Văn phòng điều phối Chương trình, trình Ban Chỉ đạo phê duyệt và triển khai thực hiện theo quy định. Quản lý kinh phí, trang thiết bị, tài sản và bảo quản hồ sơ, tài liệu của Ban Chỉ đạo theo quy định pháp luật.

Văn phòng điều phối nông thôn mới thực hiện theo quy chế quy định tại Quyết định số 8561/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND huyện.

c) Đánh giá tiêu chí số 9 (Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới): Đạt.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những mặt đã làm được

Sau 10 năm thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM, huyện Bảo Thắng đã đạt được một số thành tựu nổi bật đó là:

- Cấp ủy, chính quyền từ huyện đến cơ sở đã tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện chương trình xây dựng NTM với tinh thần nghiêm túc quyết liệt và quyết

tâm cao; công tác tuyên truyền được tổ chức triển khai sâu rộng trong nhân dân, từ đó làm thay đổi nhận thức của nhân dân trong xây dựng NTM, chủ động, tích cực tham gia các hoạt động xây dựng NTM, phát huy được sức mạnh đoàn kết trong thực hiện xây dựng NTM; khẳng định được vai trò người dân là chủ thể trong xây dựng NTM, xuất hiện nhiều tấm gương điển hình trong việc hiến công, hiến đất, cây cối hoa màu, kinh phí góp phần thành công chương trình xây dựng NTM trên địa bàn huyện; đặc biệt, trong xây dựng NTM đã phát huy vai trò của cả hệ thống chính trị trong toàn huyện; tạo được sự đồng thuận thống nhất cao của toàn thể cộng đồng dân cư nông thôn, huy động được sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và các nguồn lực để thực hiện chương trình xây dựng NTM trên địa bàn huyện.

- Với 100% số xã đạt chuẩn NTM, hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội ở nông thôn được tập trung đầu tư cải tạo, nâng cấp đồng bộ theo quy hoạch đã góp phần làm thay đổi bộ mặt nông thôn; hệ thống giao thông nông thôn được đầu tư đồng bộ; cơ sở vật chất về thủy lợi, trường lớp học, Y tế được quan tâm đầu tư xây dựng. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông nghiệp, nông thôn được nâng lên gắn phát triển nông thôn với đô thị; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở nông thôn phát triển khá nhanh, đồng bộ, từng bước đáp ứng với nhu cầu sản xuất và đời sống của nhân dân ở khu vực nông thôn.

- Kinh tế nông nghiệp, nông thôn có bước phát triển mới, chuyển dịch tích cực theo hướng sản xuất hàng hóa với quy mô, hiệu quả cao hơn. Sản xuất nông nghiệp phát triển toàn diện và có bước đột phá rõ nét trong chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi tạo ra các vùng sản xuất hàng hóa và sản phẩm chủ lực có giá trị, hiệu quả kinh tế cao; sản xuất theo hướng liên kết từ khâu sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm; các hình thức tổ chức sản xuất từng bước được củng cố và phát triển theo hướng tổ, nhóm, HTX kiểu mới liên kết trong sản xuất nông nghiệp và các chuỗi liên kết từ khâu sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm; các nguồn vốn và các chính sách hỗ trợ sản xuất đã được quan tâm thực hiện và phát huy có hiệu quả; cơ sở hạ tầng sản xuất được đầu tư, các tuyến đường vào khu sản xuất được tập trung đầu tư nâng cấp và mở mới; các giải pháp về kỹ thuật, ứng dụng và chuyển giao khoa học kỹ thuật cho sản xuất được ứng dụng để nâng cao chất lượng sản phẩm nông sản và sức cạnh tranh trên thị trường, góp phần nâng cao thu nhập cho nhân dân ở khu vực nông thôn. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân vùng nông thôn ngày càng nâng cao; thu nhập bình quân đầu người năm 2020 đạt 42,19 triệu đồng/ người; tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh còn 2,03%; mức hưởng thụ văn hóa, tinh thần cho nhân dân được nâng lên.

- Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề thu hút đầu tư vào địa bàn nông thôn đạt kết quả khá, góp phần tích cực giải quyết việc làm, chuyển dịch cơ cấu lao động trong nông thôn theo hướng giảm lao động nông nghiệp, tăng lao động phi nông nghiệp.

Kết quả phát triển công nghiệp, dịch vụ, ngành nghề nông thôn và tái cơ cấu nông nghiệp, tạo việc làm, đã góp phần tích cực nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân nông thôn. Ý thức, nhận thức chính trị xã hội, pháp luật,

trình độ sản xuất và đời sống của người nông dân được nâng cao hơn. Tổ chức Hội Nông dân thu hút được đông đảo nông dân tham gia, thực hiện ngày càng tốt hơn chức năng tập hợp, đại diện, bảo vệ quyền lợi chính đáng của nông dân.

- Các lĩnh vực văn hóa, xã hội, giáo dục, y tế, thể dục thể thao tiếp tục phát triển. Các chính sách xã hội và an sinh xã hội được đảm bảo, đời sống của người dân, đặc biệt là người dân có hoàn cảnh khó khăn được quan tâm và ngày càng được cải thiện rõ rệt. Các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp được bảo tồn và phát huy; các phong trào, hoạt động văn hóa văn nghệ, thể thao phát triển rộng khắp; ý thức cộng đồng, tình làng nghĩa xóm, các hoạt động nhân ái, từ thiện tiếp tục được khơi dậy và phát huy. Công tác chăm sóc sức khỏe khám chữa bệnh cho nhân dân được quan tâm; giáo dục và đào tạo có sự chuyển biến rõ nét, trình độ đào tạo và chất lượng của đội ngũ nhà giáo từng bước đã được nâng cao.

- Hệ thống chính trị, bộ máy chính quyền từ huyện đến cơ sở được củng cố, kiện toàn và hoạt động ngày càng chất lượng, hiệu quả; quy chế dân chủ ở cơ sở được thực hiện thực chất hơn. An ninh chính trị và trật tự và an toàn xã hội được đảm bảo; phong trào “toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” đạt kết quả tích cực, đảm bảo an toàn tuyệt đối các sự kiện chính trị qua trọng trên địa bàn huyện, đội ngũ cán bộ các cấp các ngành trưởng thành một bước.

*** Kết quả thực hiện nông thôn mới năm 2020 so với năm 2011:**

- Thu nhập của dân cư nông thôn tăng lên gấp 3,8 lần so với năm 2011; chất lượng cuộc sống của người dân được nâng cao, tỷ lệ hộ nghèo 14 xã, thị trấn giảm còn 2,03% (giảm 25,32% so với năm 2011). Tỷ lệ lao động có việc làm 96,8% (tăng 6,5% so với năm 2011); 98,1% số hộ sử dụng nước hợp vệ sinh (tăng 20,6% so với năm 2011). Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm Y tế đạt tỷ lệ 98,83 %, tăng 18,83% so với năm 2011; Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) còn 17,33%, giảm 5,8% so với năm 2011.

- Về phát triển sản xuất nông nghiệp những năm trước đây nhận thức của nhân dân còn hạn chế, chủ yếu sản xuất theo truyền thống cũ, nhỏ lẻ, phân tán, tự cung tự cấp, chưa có các vùng sản xuất chuyên canh hàng hóa tập trung, các loại sản phẩm hàng hóa chủ lực. Đến năm 2020, kinh tế nông nghiệp, nông thôn có bước phát triển mới, chuyển dịch tích cực theo hướng sản xuất hàng hóa với quy mô, hiệu quả cao hơn, cơ cấu cây trồng, vật nuôi được chuyển đổi tạo ra các vùng sản xuất hàng hóa và sản phẩm chủ lực có giá trị, hiệu quả kinh tế cao, diện tích cây trồng chủ lực tăng cao. Phát triển các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm; xây dựng thương hiệu, chứng nhận chất lượng sản phẩm, nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm nông sản; tổ chức sản xuất từng bước được đổi mới theo hướng liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, cụ thể: 100% các xã có đường giao thông đến trung tâm xã được giải cấp phối hoặc bê tông hóa; 100% thôn có đường ô tô đến trung tâm thôn; 100% số xã có điện lưới quốc gia; 98,7% số hộ được sử dụng điện lưới quốc gia; 100% số xã có trạm y tế xã,

trường học được kiên cố hóa và 96,92% số thôn, tổ dân phố có nhà văn hóa...), từng bước làm thay đổi bộ mặt nông thôn, tạo cơ sở để nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. Công tác văn hoá - xã hội tiếp tục được quan tâm, chất lượng giáo dục đào tạo ngày một nâng lên, toàn huyện đã có 49 trường/78 trường đạt chuẩn Quốc gia (tăng 34 trường so với năm 2010), tỷ lệ lao động nông thôn được đào tạo bồi dưỡng nghề tăng hằng năm. Công tác khám chữa bệnh, chăm sóc sức khoẻ cho Nhân dân ngày càng được nâng cao. Bản sắc văn hóa được bảo tồn và phát huy, các tập tục lạc hậu đang dần được cải tạo; Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá được triển khai sâu rộng; số thôn đạt tiêu chuẩn văn hoá tăng qua các năm. Hệ thống chính trị được củng cố, trình độ cán bộ ngày càng được nâng lên, các cấp uỷ Đảng, chính quyền đã chủ động thực hiện tốt hơn nhiệm vụ được giao, chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội cấp xã được nâng lên, tạo điều kiện để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. An ninh chính trị được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, lòng tin của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước ngày càng được củng cố. Đến nay, toàn huyện đã có 11/11 xã đạt chuẩn nông thôn mới, tổng số tiêu chí nông thôn mới đạt chuẩn của toàn huyện 209 tiêu chí, tăng 157 tiêu chí so với năm 2010; số tiêu chí đạt chuẩn bình quân/xã là 19 tiêu chí tăng 14,67 tiêu chí so với năm 2010. Công tác bảo vệ môi trường, cảnh quan trong nông thôn được coi trọng, đạt nhiều kết quả.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.1. Một số tồn tại, hạn chế

- Việc triển khai Chương trình xây dựng nông thôn mới ở một số xã còn chậm, chưa liên tục; phong trào “*Toàn dân chung sức xây dựng nông thôn mới*” chưa đồng đều ở các địa phương; một số xã, kết quả thực hiện một số tiêu chí chưa cao, chưa thật sự bền vững.

- Quy mô nền kinh tế của huyện còn nhỏ, tăng trưởng một số ngành lĩnh vực cao nhưng chưa bền vững, chưa phát huy hết tiềm năng thế mạnh của địa phương, chủ yếu tăng do yếu tố vốn đầu tư.

- Chất lượng nông sản chưa cao, chưa có sản phẩm chủ lực khẳng định thương hiệu hàng hoá trên thị trường; khả năng đầu tư của một bộ phận hộ nông dân còn thấp, tập quán canh tác chậm đổi mới, nhận thức của một bộ phận nông dân về sản xuất hàng hoá hạn chế, khả năng thích ứng sản xuất với những biến động của thị trường thấp. Việc đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất trong nông nghiệp còn chậm, chưa có nhiều doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp, mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị còn ít.

- Một số địa phương trong xây dựng NTM chủ yếu tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng, chưa chú trọng đúng mức để phát triển sản xuất nâng cao thu nhập, giảm nghèo, phát triển văn hóa, cải thiện môi trường.

- Một số địa phương chưa chủ động tạo nguồn lực xây dựng NTM, vẫn còn trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của cấp trên. Kinh phí huy động đóng góp tự nguyện của nhân dân và các nguồn lực của địa phương để xây dựng nông thôn

mới ở một số địa phương còn thấp.

- Phong trào vệ sinh đường làng, ngõ xóm sáng, xanh, sạch, đẹp tuy đã được các xã phát động, song việc duy trì thành nền nếp thực hiện chưa được thường xuyên, liên tục.

2.2. Nguyên nhân

a) Nguyên nhân khách quan

- Những năm qua, thời tiết diễn biến phức tạp do tác động của biến đổi khí hậu, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi gia tăng, ảnh hưởng của suy thoái kinh tế, thị trường vật tư nông nghiệp và nông sản, thực phẩm biến động phức tạp đã ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất và đời sống nhân dân.

- Nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh cho đầu tư nông nghiệp, nông thôn, nhất là cho Chương trình xây dựng NTM còn hạn chế.

- Cơ chế, chính sách của Nhà nước chưa thực sự đủ mạnh để thu hút nhiều doanh nghiệp đầu tư và liên kết với hộ nông dân phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, chưa tạo động lực thúc đẩy sản xuất nông nghiệp. Việc triển khai Luật Đất đai và tích tụ ruộng đất trong thực tiễn gặp nhiều bất cập.

- Do huyện có vị trí gần thành phố Lào Cai, lực lượng lao động trẻ ở nông thôn ra thành phố làm việc ở các doanh nghiệp cho thu nhập cao hơn so với lao động nông nghiệp tại địa phương, nên sản xuất nông nghiệp vừa thiếu về số lượng, chất lượng lao động, ảnh hưởng lớn đến sản xuất.

b) Nguyên nhân chủ quan

- Xuất phát điểm của huyện Bảo Thắng khá thấp khi bắt tay xây dựng NTM: Hạ tầng kinh tế - xã hội và cơ sở vật chất còn nhiều khó khăn, thiếu sự đồng bộ, nhất là hệ thống đường giao thông nông thôn, trường học, cơ sở vật chất văn hóa, cơ sở vật chất y tế,... cần nhiều nguồn lực đầu tư lớn.

- Cấp ủy Đảng, chính quyền một số địa phương những năm đầu thực hiện Chương trình xây dựng NTM chưa nhận thức đầy đủ về vai trò, ý nghĩa, nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM, thiếu chủ động, sáng tạo trong quá trình tổ chức thực hiện; vẫn còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại cấp trên. Việc duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí NTM của địa phương, cơ sở có biểu hiện chững lại là do có tư tưởng tự mãn, chủ quan, lơ là trong lãnh đạo, chỉ đạo.

- Sự phối hợp giữa các ban, ngành, đoàn thể và thành viên Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới của huyện có lúc, có việc chưa chặt chẽ, chưa tích cực, chủ động. Một số ngành lúc đầu thực hiện chương trình xây dựng NTM chưa xác định rõ vai trò, trách nhiệm của mình trong công tác tham mưu chỉ đạo xây dựng các tiêu chí nông thôn mới thuộc lĩnh vực phụ trách.

- Công tác tuyên truyền về xây dựng NTM ở một số địa phương chưa được liên tục và sâu rộng. Nhận thức của một số bộ phận cán bộ đảng viên và nhân dân về xây dựng NTM còn hạn chế, người dân chưa nhận thức đúng vai trò chủ thể của mình trong công cuộc xây dựng NTM, do vậy còn tư tưởng do dự, trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước và chính quyền các cấp, chưa tích cực, chủ động và tự nguyện trong đóng góp xây dựng NTM.

- Lao động nông nghiệp còn chiếm tỷ lệ cao trong cơ cấu lao động nông thôn. Nhiều hộ nông dân mặc dù không còn nhu cầu sản xuất nông nghiệp nhưng vẫn muốn giữ ruộng đã làm cản trở quá trình tích tụ, tập trung ruộng đất và liên kết sản xuất nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn.

3. Bài học kinh nghiệm

- *Một là*, Xác định Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là chương trình tổng hợp về chính trị - kinh tế - xã hội. Để thực hiện thành công Chương trình cả hệ thống chính trị phải có quyết tâm cao, cùng với các cấp ủy, đảng, chính quyền có kế hoạch chỉ đạo cụ thể, chủ động, sáng tạo, sâu sát và liên tục... Chỉ như vậy, mới có thể huy động toàn xã hội vào cuộc nhanh chóng, có hiệu quả.

- *Hai là*, Xây dựng nông thôn thực chất là thực hiện các nội dung cụ thể để công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Do đó, phải gắn xây dựng nông thôn mới với tái cơ cấu nông nghiệp và thực hiện các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- *Ba là*, Phát huy vai trò tiên phong gương mẫu của cán bộ, Đảng viên, nhất là cán bộ ở thôn, bản, người có uy tín. Mỗi cán bộ, Đảng viên trở thành những điển hình gương mẫu, nhiệt huyết trong thực hiện Chương trình. Làm tốt công tác tuyên truyền giúp khơi dậy tính chủ động, sáng tạo của người dân. Nghiêm túc thực hiện nguyên tắc dân chủ, công khai, minh bạch trong quản lý, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện Chương trình tại địa phương.

- *Bốn là*, Có sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên sâu sát, quyết liệt của các cấp ủy, chính quyền, sự tham gia tích cực và phối hợp chặt chẽ của các ban, ngành, đoàn thể. Trong đó, người đứng đầu cấp ủy và chính quyền có vai trò quan trọng. Thực tiễn cho thấy nơi nào các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể thực sự quan tâm vào cuộc thường xuyên, quyết liệt thì trong cùng hoàn cảnh còn nhiều khó khăn vẫn tạo ra sự chuyển biến rõ nét.

- *Năm là*, Có cách làm phù hợp với điều kiện của từng địa phương thông qua lựa chọn nội dung, nhiệm vụ ưu tiên, vận dụng sáng tạo cơ chế chính sách. Có phương thức huy động các nguồn lực phù hợp.

- *Sáu là*, Lồng ghép sử dụng có hiệu quả sự hỗ trợ ngân sách của Nhà nước và các nguồn lực khác; việc huy động, đóng góp của người dân phải được thực hiện trên cơ sở thực sự tự nguyện, bản bạc dân chủ không gượng ép quá sức dân.

- *Bảy là*, Chương trình xây dựng nông thôn mới phải được chỉ đạo thực hiện một cách đồng bộ với sự tham gia vào cuộc của cả hệ thống chính trị và sự đồng thuận tích cực tham gia của người dân. Đồng thời phải triển khai thực hiện một cách quyết liệt, thường xuyên, liên tục. Tạo sức lan tỏa rộng rãi trong nhân dân phát huy được sức mạnh tổng hợp, nắm chắc tình hình, chỉ đạo sâu sát, thường xuyên sơ, tổng kết để rút kinh nghiệm trong chỉ đạo, điều hành. Biểu dương khen thưởng kịp thời những tập thể, cá nhân tiêu biểu trong thực hiện Chương trình; kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc và tồn tại trong quá trình thực hiện thì tiến độ sẽ nhanh hơn.

V. KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÁC TIÊU CHÍ NTM

1. Quan điểm

- Xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu tiếp tục là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của cả hệ thống chính trị trong giai đoạn từ 2020-2025.

- Tiếp tục xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại, cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý; gắn phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa với phát triển dịch vụ du lịch sinh thái; môi trường sinh thái được bảo vệ; giữ vững an ninh trật tự, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

2. Mục tiêu

Thực hiện xây dựng nông thôn mới toàn diện, theo hướng nâng cao chất lượng, phát huy hiệu quả. Huy động các nguồn lực để xây dựng nông thôn mới một cách bền vững; tiếp tục phát triển, hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng nông thôn, tổ chức lại sản xuất theo hướng liên kết để nâng cao chất lượng, hiệu quả sản xuất. Duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới gắn với từng bước đô thị hóa nông thôn, phù hợp với yêu cầu thực tế tại địa phương. Đến năm 2025 xây dựng từ 50% số xã đạt nông thôn mới nâng cao; xây dựng dựng thôn theo hướng thôn nông thôn mới kiểu mẫu; xây dựng huyện **Bảo Thắng theo hướng huyện nông thôn mới kiểu mẫu, thu nhập bình quân người dân nông thôn tăng từ 1,5 lần trở lên so với năm 2020.**

3. Giải pháp thực hiện

3.1. Nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới và xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu cấp xã

- Các xã tiếp tục huy động các nguồn lực để xây dựng xã nông thôn mới nâng cao theo Bộ Tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018-2020 tại Quyết định số 1715/QĐ-UBND ngày 11/6/2018 của UBND tỉnh Lào Cai, cụ thể:

+ Chỉ đạo 100% số xã đã được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, rà soát đánh giá, xây dựng kế hoạch thực hiện việc duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới đối các xã đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định, trong đó tập trung các giải pháp để nâng cao chất lượng các nhóm tiêu chí về kinh tế và tổ chức sản xuất, văn hóa - xã hội - môi trường. Tập trung sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội, vận động nhân dân tham gia thực hiện các giải pháp để duy trì củng cố, hoàn thiện và nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới; xây dựng kế hoạch thực hiện duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên trong Ban chỉ đạo, Ban quản lý xã, Ban phát triển thôn để tổ chức thực hiện duy trì và nâng cao các tiêu chí. Phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể xã trong tổ chức thực hiện việc củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới. Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nhân dân để nâng cao chất lượng các tiêu chí như: Tiêu chí về thu nhập; tỷ lệ hộ nghèo; xây dựng và tạo cảnh quan môi trường nông thôn sạch đẹp; giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội ở khu vực nông thôn.

+ Đẩy mạnh phát triển sản xuất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động, nâng cao thu nhập cho người dân để thu nhập bình quân của các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới trong giai đoạn tới đạt trên 76 triệu đồng/người/năm. Tập trung mở rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp hàng hóa theo hướng liên kết bền vững trong sản xuất.

+ Hoàn thiện cơ sở hạ tầng thiết yếu trên địa bàn xã nhằm tạo điều kiện cho phát triển kinh tế - xã hội, tăng mức độ hưởng thụ trực tiếp cho người dân ở nông thôn. Sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để tiếp tục hoàn thiện cơ sở hạ tầng thiết yếu như: Hệ thống đường giao thông nông thôn; cơ sở vật chất trường lớp học; cơ sở vật chất văn hóa; cải tạo, nâng cấp, hoàn thiện hệ thống điện, điểm bưu điện văn hóa, mạng lưới viễn thông, internet, hệ thống truyền thanh tại địa bàn các xã đã được công nhận đạt chuẩn, để tăng mức độ hưởng thụ trực tiếp cho người dân.

+ Vận động nhân dân đóng góp kinh phí, ngày công lao động để tiếp tục kiên cố hóa các tuyến đường còn lại, phân đầu 100% các tuyến đường liên thôn, nội thôn, nội đồng được cứng hóa; lắp điện chiếu sáng ở các tuyến đường giao thông trong khu dân cư nông thôn; bổ sung trang thiết bị nhà văn hóa, khu thể thao các thôn phục vụ nhu cầu sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao của nhân dân.

+ Nâng cao chất lượng các tiêu chí trong lĩnh vực văn hoá - xã hội, môi trường; xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh; đảm bảo công tác quốc phòng - an ninh. Duy trì, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện gắn chất lượng giáo dục; tổ chức tốt phong trào văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao trên địa bàn. Xây dựng cảnh quan môi trường khu vực nông thôn xanh, sạch, đẹp; vận động nhân dân tiếp tục đầu tư chỉnh trang nhà vườn, xử lý các chất thải sinh hoạt. Xây dựng hệ thống chính trị từ xã đến thôn vững mạnh toàn diện, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp để xây dựng thôn nông thôn mới kiểu mẫu, xã nông thôn mới kiểu mẫu, hoàn thành các tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu theo Quyết định 691/QĐ-TTg ngày 05 tháng 6 năm 2018 về ban hành Tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2018- 2020, cụ thể : Hoàn thiện và nâng cao chất lượng các tiêu chí về cơ sở hạ tầng: Bê tông hóa 100% các tuyến đường giao thông; hoàn thiện hệ thống điện chiếu sáng các thôn; nâng cấp các nhà văn hóa thôn, trang bị cơ sở vật chất đảm bảo phục vụ tốt các hoạt động, cụ thể:

+ Về Sản xuất – Thu nhập và hộ nghèo: Xây dựng và phát triển các vùng sản xuất hàng hóa tập trung đối với các sản phẩm chủ lực của các xã; tổ chức việc liên kết trong sản xuất theo chuỗi giá trị thông qua Hợp tác xã kiểu mới liên kết trong sản xuất; thu nhập bình quân đầu người đạt từ 76 triệu đồng trở lên; trên địa bàn xã không có hộ nghèo (trừ các trường hợp thuộc diện bảo trợ xã hội theo quy định, hoặc do tai nạn rủi ro bất khả kháng, hoặc do bệnh hiểm nghèo).

+ Tiêu chí Giáo dục- Y tế - Văn hóa: Đảm bảo tỷ lệ huy động trẻ đi học mẫu giáo đạt từ 90% trở lên; tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100%; tỷ lệ trẻ em hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học đạt từ 95% trở lên; tỷ lệ thanh niên, thiếu niên học chương trình giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ

thông đạt từ 95% trở lên; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm Y tế đạt từ 95% trở lên. Xây dựng mô hình hoạt động văn hóa, thể thao tiêu biểu, thu hút từ 60% số người dân trên địa bàn xã tham gia; xây dựng mỗi thôn có 01 đội hoặc 01 câu lạc bộ hoạt động văn hóa - văn nghệ thường xuyên, hiệu quả

+ Về Môi trường và an toàn thực phẩm: Tuyên truyền, vận động nhân dân, nâng cao ý thức, trách nhiệm trong công tác bảo vệ môi trường; bảo vệ khuôn viên nhà ở, đường làng ngõ xóm xanh, sạch đẹp; các chất thải rắn được thu gom và xử lý từ 90% trở lên; rác thải sinh hoạt được xử lý từ 50% trở lên. Xây dựng mô hình (HTX, tổ hợp tác, tổ, đội, nhóm) thu gom, vận chuyển xử lý rác thải. Trồng hoa, cây cảnh trên các tuyến đường xã, thôn;

+ Tăng cường công tác quản lý giáo dục đối với đội ngũ cán bộ từ xã đến cơ sở thôn; công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật. Công khai minh bạch đầy đủ các thủ tục hành chính; giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo hiệu quả; đảm bảo giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

3.2. Nâng cao các tiêu chí nông thôn mới cấp huyện

Huyện tập trung triển khai xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa theo Quyết định số 676/QĐ-TTg ngày 18/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ; đồng thời xây dựng nông thôn mới nâng cao theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT tại văn bản số 8283/BNN-VPĐP ngày 23/10/2018 về nội dung duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí đối với huyện đã đạt chuẩn nông thôn mới. Trên cơ sở rà soát, đánh giá thực trạng và kết quả thực hiện các tiêu chí xã, huyện nông thôn mới; xây dựng kế hoạch, lộ trình và giải pháp cụ thể để duy trì, nâng cao chất lượng từng tiêu chí trong đó tập trung các tiêu chí về sản xuất, thu nhập, môi trường và an ninh trật tự, cụ thể:

3.2.1. Về quy hoạch

Tiếp tục triển khai thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội theo quy hoạch, quản lý các quy hoạch theo quy chế. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp, quy hoạch xây dựng nông thôn mới của các xã và quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện đảm bảo phù hợp, đồng bộ với các quy hoạch khác, nhất là quy hoạch xây dựng vùng huyện đến năm 2025, tầm nhìn 2030.

3.2.2. Về hạ tầng kinh tế - xã hội

a) Giao thông

Tiếp tục huy động các nguồn lực để đầu tư, nâng cấp các tuyến đường giao thông nông thôn; phân cấp nhiệm vụ quản lý, duy tu, bảo dưỡng, bảo trì hệ thống đường giao thông nông thôn cho các xã; lập kế hoạch cân đối, bố trí ngân sách cho công tác quản lý bảo trì giao thông nông thôn từ nguồn ngân sách địa phương. Hoàn thiện hệ thống biển báo giao thông, quản lý tốt tải trọng phương tiện tại các tuyến đường; tuyên truyền, phổ biến Luật Giao thông và vận động người dân chấp hành Luật và ứng xử văn hóa khi tham gia giao thông.

b) Thủy lợi

Tiếp tục đầu tư, cải tạo, nâng cấp hoàn thiện hệ thống công trình thủy lợi theo tiêu chí nông thôn mới, đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp và

thích ứng với biến đổi khí hậu. Trước mắt năm 2020, đầu tư nâng cấp các công trình thủy lợi; làm tốt công tác quản lý, vận hành hệ thống công trình đảm bảo đáp ứng tốt yêu cầu sản xuất, dân sinh và phòng chống thiên tai.

c) Trường học

Giữ vững đạt chuẩn và tiếp tục nâng chuẩn cho các trường trên địa bàn huyện. Tiếp tục đào tạo, chuẩn hóa chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên ở các nhà trường để nâng cao chất lượng dạy học đạt chuẩn. Chính trang làm đẹp cảnh quan, môi trường các trường học, duy trì và nâng cao chất lượng 45 trường học đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia và xanh - sạch - đẹp - an toàn.

d) Cơ sở vật chất văn hóa

Tiếp tục đẩy mạnh huy động các nguồn xã hội hóa để đầu tư, xây dựng, quy hoạch các thiết chế văn hóa. Đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng các công trình văn hóa, thể thao của Trung tâm Văn hóa – Thể thao huyện theo quy hoạch. Việc đầu tư các thiết chế văn hóa không chỉ dừng lại ở mức đầu tư xây dựng công trình, khuôn viên... mà cần đầu tư đồng bộ các thiết bị chuyên dùng mới đảm bảo tính hiệu quả của các công trình. Lựa chọn các công trình cần thiết để đầu tư dứt điểm, từ đó làm động lực hoàn thiện các thiết chế khác giai đoạn sau.

Tăng cường sự quản lý các thiết chế văn hóa sau khi được đầu tư xây dựng, khai thác hiệu quả, đáp ứng được nhu cầu nguyện vọng của người dân, làm tốt công tác quy hoạch đất, quyền sử dụng đất cho xây dựng các thiết chế văn hóa đảm bảo diện tích theo chức năng của từng thiết chế. Trong đó, đặc biệt lưu ý đến việc bảo tồn các di tích, danh lam thắng cảnh trên địa bàn huyện. Làm tốt công tác tuyên truyền đến các cấp ủy chính quyền và toàn thể nhân dân để nhận thức vai trò, vị thế của văn hóa trong đời sống và đưa hoạt động của các thiết chế văn hóa thực sự đi vào cuộc sống nhằm nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân.

e) Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

Tiếp tục huy động các nguồn lực xã hội hóa để đầu tư hoàn thiện, nâng cấp cơ sở hạ tầng chợ nông thôn ở các xã. Đầu tư xây dựng Trung tâm dịch vụ thương mại tại thị trấn Phố Lu nhằm đáp ứng nhu cầu mua sắm, kinh doanh của nhân dân.

g) Tiếp tục thực hiện quy hoạch đầu tư xây dựng thị trấn Phố Lu, thị tứ Bắc Ngầm, thị tứ Xuân Giao, thị tứ Bản Phiệt trở thành những trung tâm phát triển của huyện và vùng.

3.2.3. Về phát triển sản xuất

Thực hiện đồng bộ các giải pháp để phát triển nông nghiệp bền vững gắn với các chuỗi giá trị; xây dựng thương hiệu, đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại cho các sản phẩm chủ lực của huyện; cơ cấu lại sản xuất nông, lâm nghiệp theo hướng nâng cao giá trị, chất lượng sản phẩm. Tiếp tục phát triển các vùng sản xuất hàng hóa tập trung là thế mạnh của huyện; đẩy mạnh thực hiện liên theo chuỗi giá trị trong sản xuất; xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm nông lâm nghiệp chủ lực của huyện đủ điều kiện, tiêu chuẩn Vietgap, GlobalGap, Organic; phân đấu có từ 2 sản phẩm nông nghiệp của

huyện xuất khẩu ra nước ngoài. Phát triển thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu ổn định các sản phẩm nông, lâm, thủy sản chủ lực của huyện; đẩy mạnh thu hút đầu tư vào lĩnh vực sản xuất nông lâm nghiệp, công nghệ chế biến sau thu hoạch, nhân rộng mô hình liên kết bền vững giữa doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác với người nông dân trong sản xuất, tiêu thụ nông sản phẩm. Triển khai hiệu quả Chương trình “mỗi xã một sản phẩm”, đến năm 2025 có từ 50 sản phẩm chủ lực của huyện đạt tiêu chuẩn từ 3 sao trở lên, trong đó có từ 10 sản phẩm đạt từ 4 sao trở lên. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, nhất là khoa học công nghệ cao, tiếp tục thực hiện chuyển đổi diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả sang các loại cây trồng đem lại giá trị, hiệu quả cao.

Phát triển chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học, có sự liên kết chặt chẽ từ đầu vào đến đầu ra của sản phẩm; nhân rộng và phát triển các mô hình nuôi hàng hóa tập trung theo quy mô trang trại theo chuỗi giá trị; xây dựng các cơ sở giết mổ, chế biến, tiêu thụ đảm bảo an toàn, vệ sinh thực phẩm, bảo vệ môi trường. Mở rộng diện tích nuôi trồng thủy sản theo hướng tập trung, thâm canh, bán thâm canh các loại thủy sản có giá trị cao. Phát triển lâm nghiệp đa mục tiêu kinh tế, xã hội, môi trường, bền vững; nâng cao hiệu quả chăm sóc, bảo vệ và phát triển rừng, tăng chất lượng rừng; tập trung thâm canh, phát triển rừng cây gỗ lớn; thu hút, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư phát triển chế biến lâm sản chất lượng cao.

- Tập trung thực hiện 5 nội dung trọng tâm của Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp, trọng tâm là phát triển các sản phẩm chủ lực của huyện (rau, quả, chè, lợn, gà, cá, quế); đẩy mạnh việc xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, chứng nhận chất lượng sản phẩm nông sản nhằm nâng cao giá trị và tìm kiếm thị trường tiêu thụ ổn định cho các sản phẩm nông nghiệp chủ lực và sản phẩm OCOP trên địa bàn huyện, cụ thể:

+ Xây dựng nhãn hiệu, chứng nhận chất lượng sản phẩm và chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm chủ lực: Chứng nhận VietGap cho sản phẩm quả (bưởi, na, nhãn, xoài, mít); vùng sản xuất Chè búp tươi chất lượng cao tại Phú Nhuận, Phong Hải....; vùng sản xuất quế hữu cơ; các cơ sở chăn nuôi gia cầm an toàn sinh học theo tiêu chuẩn chứng nhận VietGAHP; xây dựng vùng nguyên liệu gỗ cấp chứng chỉ FSC-FM; chứng chỉ vùng sản xuất quế đạt tiêu chuẩn quốc tế tại các vùng quế trọng điểm của huyện. Xây dựng chứng nhận tập thể cho sản phẩm quả có múi, sản phẩm gia cầm; tiếp tục thực hiện xây dựng chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm nông nghiệp chủ lực đã có nhãn hiệu, thương hiệu.

+ Đến năm 2025 huyện Bảo Thắng có từ 50 sản phẩm OCOP được bình chọn đạt 3 sao trở lên, trong đó có từ 10 sản phẩm đạt từ 4 sao trở lên.

+ Đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật, quảng bá, xúc tiến thương mại tiêu thụ sản phẩm. Hướng dẫn áp dụng tiến bộ khoa học – kỹ thuật để nâng cao sản lượng, chất lượng các sản phẩm nông nghiệp nhất là các sản phẩm OCOP trên địa bàn huyện; xác lập và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, xây dựng và bảo hộ các sản phẩm nông lâm sản đặc sản của địa phương góp phần tạo dựng uy tín,

danh tiếng, năng lực cạnh tranh trên thị trường.

+ Phát triển và nâng cao các chuỗi liên kết giá trị hiện có: chuỗi liên kết chăn nuôi lợn, gà, cá; chuỗi liên kết phát triển trồng và chế biến sản phẩm quế, chuỗi liên kết trồng và chế biến chè xanh chất lượng cao... để nâng cao giá trị sản phẩm chủ lực trên địa bàn huyện.

+ Ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới và cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp; tập trung các tiến bộ kỹ thuật về giống, công nghệ sản xuất nông sản sạch và công nghệ chế biến nông sản.

+ Tiếp tục chuyên đổi hoạt động của các HTX DV nông nghiệp theo luật HTX năm 2012; phấn đấu mỗi năm phát triển thêm 1 - 2 HTX trong lĩnh vực nông nghiệp nhằm làm cầu nối giữa nông dân với doanh nghiệp trong sản xuất, tiêu thụ các sản phẩm nông sản chủ lực của địa phương.

- Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ:

+ Phát triển sản xuất công nghiệp theo hướng bền vững, khai thác triệt để thành tựu cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đưa sản xuất công nghiệp trở thành nền kinh tế chủ đạo. Tập trung đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp có sẵn.

+ Thực hiện hiệu quả công tác thu hút đầu tư, thúc đẩy chuyển dịch tích cực cơ cấu công nghiệp theo hướng giảm mạnh tỷ trọng các ngành, sản phẩm công nghiệp khai khoáng, tăng mạnh tỷ trọng công nghiệp các ngành, sản phẩm chế biến sâu nông lâm sản, sản xuất hàng tiêu dùng, hỗ trợ và lắp ráp sản phẩm cơ khí, điện tử, thiết bị y tế, giáo dục, công nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

+ Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, chế biến sâu các sản phẩm công nghiệp giá trị gia tăng lớn, tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường;

+ Tập trung giải quyết các khó khăn, vướng mắc, hỗ trợ, thúc đẩy các nhà đầu tư đã được cấp chủ trương đầu tư triển khai dự án đảm bảo tiến độ đề ra; phát huy tối đa công suất sản xuất đối với các dự án đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp của các tập đoàn lớn. Phấn đấu giá trị sản xuất công nghiệp đến năm 2025 đạt khoảng 1.500 tỷ đồng.

+ Tổ chức thực hiện tốt, có hiệu quả chính sách hỗ trợ khuyến công, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ. Chú trọng đào tạo nghề cho lao động, nhất là lao động nông thôn, đáp ứng đủ lao động có tay nghề cho các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp trên địa bàn.

3.2.4. Văn hóa, xã hội, môi trường

- Không ngừng đẩy mạnh thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” ở khu dân cư; điều chỉnh, bổ sung hương ước, quy ước của các thôn, bản để phù hợp với yêu cầu phát triển và quản lý xã hội. Tăng cường quản lý nhà nước đối với các hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa; nhất là tại các di tích lịch sử, văn hoá. Nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm Truyền thông và Văn hóa bằng việc kết nối thường xuyên các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao giữa các địa phương trong huyện và tổ chức các sự kiện văn hóa, thể thao nhân các ngày lễ của đất nước.

- Tiếp tục triển khai, thực hiện tốt các chính sách giảm nghèo chuyên tiếp giai đoạn 2011-2015 và các chính sách, dự án theo chương trình mục tiêu giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020. Thực hiện lộ trình bảo hiểm y tế toàn dân: Phân đầu năm 2025 tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 95% dân số. Tiếp tục củng cố và nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho Trạm Y tế xã, Trung tâm Y tế huyện.

- Tăng cường kiểm tra các cơ sở sản xuất kinh doanh thực hiện đầy đủ các cam kết về bảo vệ môi trường theo phương án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt.

- Lập dự án đầu tư xây dựng các công trình xử lý chất thải rắn tập trung theo cụm xã; hướng dẫn nhân dân thực hiện việc phân loại, xử lý rác tại nguồn để giảm thiểu lượng rác phải vận chuyển, xử lý. Tổ chức phát động để tuyên truyền, giám và hướng tới không sử dụng túi nilon, đồ nhựa dùng một lần trong sản xuất và sinh hoạt hàng ngày; hướng xuyên phát động và tổ chức phong trào toàn dân làm vệ sinh môi trường. Tổ chức trồng cây xanh, trồng hoa và lắp đặt hệ thống đường điện chiếu sáng trên các tuyến đường thôn, xóm.

3.2.5. Hệ thống chính trị, An ninh trật tự

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp nhằm chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức nhất là công chức cấp xã.

- Làm tốt công tác tiếp công dân, phân loại xử lý và giải quyết dứt điểm các vụ việc, không để xảy ra tình trạng khiếu kiện đông người, vượt cấp.

- Tăng cường thực hiện các đợt ra quân răn đe trấn áp tội phạm và công tác tuyên truyền, vận động, các hoạt động giáo dục giảm thiểu tệ nạn xã hội.

3.3. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền xây dựng nông thôn mới bền vững tới cấp ủy, chính quyền và người dân

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân về xây dựng nông thôn mới bền vững, đổi mới phương thức, cách thức tiếp cận, phát huy vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng nông thôn mới, làm thay đổi tư duy của cán bộ và nhân dân về Chương trình xây dựng nông thôn mới. Đồng thời thường xuyên tuyên truyền để cuộc vận động “*Toàn dân chung sức xây dựng nông thôn mới*” trở thành phong trào thi đua sâu rộng trên toàn địa bàn, huy động và tạo sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội. Quan tâm, thực hiện tốt công tác đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực, trình độ cho cán bộ các cấp, nhất là đội ngũ cán bộ cơ sở trực tiếp tham gia xây dựng nông thôn mới.

Hàng năm tổ chức sơ kết, tổng kết, phát hiện các mô hình làm tốt, cách làm mới có hiệu quả, phổ biến, nhân ra diện rộng. Có khen thưởng kịp thời đối với các tập thể, cá nhân thực hiện tốt, đồng thời phê bình các tập thể, cá nhân nhất là người đứng đầu có tư tưởng trông chờ, ỷ lại, thiếu tích cực trong thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới.

3.4. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền và đoàn thể từ huyện đến cơ sở

Các thành viên Ban Chỉ đạo huyện, các ban, ngành, đoàn thể huyện có trách nhiệm thực hiện nghiêm nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo phân công, tăng cường

đi cơ sở để tháo gỡ khó khăn và chỉ đạo việc thực hiện công tác xây dựng nông thôn mới bền vững ở các địa phương được phân công phụ trách. Đặc biệt, tiếp tục tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tạo mọi điều kiện cho các xã nâng cao chất lượng tiêu chí nông thôn mới và triển khai thực hiện thắng lợi kế hoạch xây dựng thôn nông thôn mới kiểu mẫu và xã nông thôn mới kiểu mẫu.

3.5. *Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động văn hóa - xã hội và các công trình hạ tầng phục vụ đời sống dân sinh; tăng cường đảm bảo an ninh trật tự; tiếp tục xây dựng, củng cố hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh*

- Vận động các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và xã hội hóa các hoạt động văn hóa, thể thao, góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của người dân.

- Huy động các nguồn lực trong cộng đồng dân cư, các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp có điều kiện đầu tư vào nông thôn, khai thác các nguồn thu tại địa phương, tạo nguồn vốn đầu tư cơ sở hạ tầng và các công trình phúc lợi công cộng thuộc nhóm không có hỗ trợ của Nhà nước. Bên cạnh đó, lồng ghép các chương trình hỗ trợ có mục tiêu với Chương trình xây dựng nông thôn mới như: nước sạch, VSMT, nâng cấp hệ thống điện nông thôn,...

- Xây dựng và thực hiện nghiêm các quy định về nếp sống văn hóa, văn minh trong việc cưới, việc tang ở nông thôn.

- Tổ chức quản lý tốt các lễ hội trên địa bàn.

- Thường xuyên tổ chức ra quân chấn chỉnh vi phạm an toàn giao thông, trấn áp tội phạm. Tăng cường răn đe kết hợp giáo dục các đối tượng xã hội, đối tượng sau thi hành án hình sự.

Trên đây là Báo cáo kết quả xây dựng NTM huyện Bảo Thắng đến năm 2020; UBND huyện Bảo Thắng kính trình UBND tỉnh Lào Cai thẩm tra, đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT, các bộ ngành liên quan thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ công nhận huyện Bảo Thắng - tỉnh Lào Cai đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Tỉnh ủy Lào Cai;
- UBND tỉnh Lào Cai;
- VPĐP NTM tỉnh;
- TT Huyện ủy - HĐND - UBND huyện;
- Thành viên BCĐ NTM huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Ngô Minh Quế